Về Nương Ơn Thánh, tiết mục của ca đoàn ba thánh thất Trung Hiền, Trung Minh, Từ Vân (HT Truyền Giáo Cao Đài) tại Hội Ngộ Liên Tôn lần IX (27-10-2019). *Ảnh*: Cúc Lưu (thánh tịnh Thanh Quang, Quảng Nam)

34

ĐẠO UYỂN HẠ 2020

NXB HỒNG ĐỨC

Về nương Ơn Thánh tan cơn mộng sầu.
Về nương Ơn Thánh nguôi lòng khổ đau.
Ngày vui đã đến cất cao hòa ca.
Ngợi khen phước lành sống cùng chúng ta.
Hoa đức tin sẽ nở trong muôn trái tim.
Đời bình an yêu thương từ nay tái sinh.
Lòng hân hoan khép mình nương phước lành.
Dâng khúc kinh cầu son sắt một niềm tin.
Về nương Ơn Thánh thắp nên hòa bình.
Về nương Ơn Thánh khơi nguồn phục sinh.
Từ nay dâng hiến trái tim đời ta.
Về trong Nước Trời cõi lòng nở hoa.
Hoa đức tin sẽ nở trong muôn trái tim.
Đời bình an yêu thương từ nay tái sinh.
Lòng hân hoan khép mình nương phước lành.
Dâng khúc kinh cầu son sắt một niềm tin.

VỀ NƯƠNG ƠN THÁNH
(1998)
Nhạc & Lời:
LÊ THANH VĂN
(*HT Truyền Giáo Cao Đài*)

ISBN: 978-604-955-943-3

Sách ấn tống. Không bán.

CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỐNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

ĐẠO UYỂN

HẠ 2020

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Đức Giám Mục **Lu-y NGUYỄN ANH TUẤN** ghé xem tủ trưng bày của Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo trong Nhà Truyền Thống Tổng Giáo Phận TpHCM

Hội Ngộ Liên Tôn lần IX (27-10-2019)
Ảnh: tu sĩ Mộng Tuyền (*CQPTGLĐĐ*)

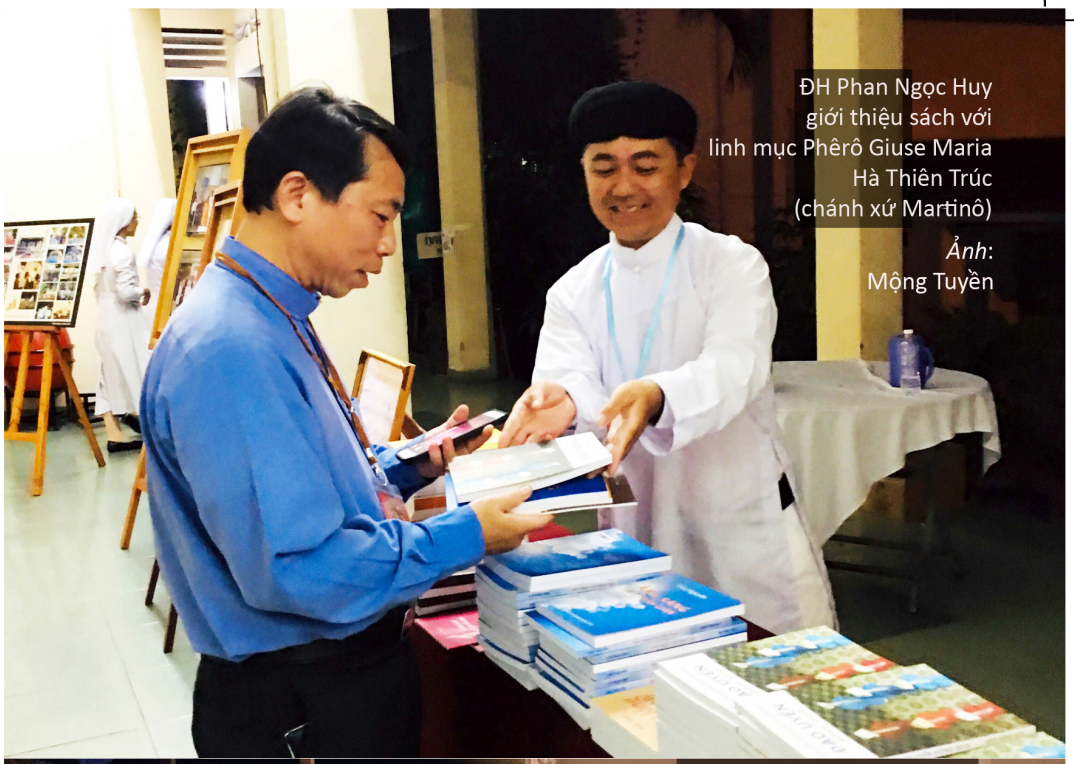

ĐH Phan Ngọc Huy giới thiệu sách với linh mục Phêrô Giuse Maria Hà Thiên Trúc (chánh xứ Martinô)

Ảnh:
Mộng Tuyền

Tu sĩ Mộng Tuyền giới thiệu sách ấn tống với hai nữ tu dòng Thánh Phaolô thành Chartres (SPC)

Hội Ngộ Liên Tôn lần IX (27-10-2019)

Ảnh:
Phan Ngọc Huy

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo

HUỆ KHẢI *chủ biên*

ĐẠO UYỂN

HẠ 2020

Hiệp tuyển thơ văn đạo lý – **Tập 34**

Nhà xuất bản **HỒNG ĐỨC**
Hà Nội 2020

NỘI DUNG

Giao Cảm – **Ban Ấn Tống** 3

THÁNH GIÁO

Quả Cộng Nghiệp Chín Muồi – Đức **Đông Phương Lão Tổ** 6
Luận Chữ Danh – Đức **Nam Cực Tiên Ông** 21

KHẢO CỨU | SÁNG TÁC | TRAO ĐỔI

Hiệp Tâm Cầu Nguyện: Đạo Trưởng Ngô Minh Chính (1931-2020)
Văn Minh Đạo Đức Mới Đem Đến An Bình Cho Thế Giới – **Trần Thanh Tạo** 34
Quê, *thơ* – **Võ Văn Pho** 42
Đức Bao Dung Trên Bước Đường Đời Giả Tạm – **Sử Kiến Nguyên** 43
Quãng Đời Học Trò Gian Khổ – Giáo Hữu **Thượng Công Thanh** 47
Đếm Tuổi, *thơ* – **Trần Thiên Hồng** | Giã Biệt Bạn Hiền, *thơ* – **Đỗ Thị Kết** 64
Giờ Ra Chơi – **Hà Nhơn** 65
Minh Họa Lời Chúa Với Đường Nét Đơn Giản – **Huệ Khải** 71
Một Món Nợ Tinh Thần – **Tô Lệ Hằng** 85
Ngôi Trường Của Mẹ – **Trần Huiền Ân** 103
Đôi Điều Tản Mạn Về *Còn Thương Chiếc Lá* . . . – **Trần Huiền Ân** 109
May Quá / Tôi Yêu, *thơ* – **Trần Dã Sơn** 116
Theo Mẹ Về Quê Ngoại, *thơ* – **Lê Thị Tâm** 117
Biết Sửa Mình Nhờ Chó – **Quách Tiểu Đình, Thích Minh Cảnh** 119
Lòng Tin Và Tự Trọng – **Đào Thị Thúy Nga** 125
Nhìn Lại Mười Hai Năm Ấn Tống (tháng 6-2008 / tháng 6-2020) 128
Gió Bốn Phương – **Huệ Khải** 129
Kinh Sách Mới In / Phương Danh Ấn Tống 140

Ảnh bìa 1: Đạo hữu Cúc Lưu *(thánh tịnh Thanh Quang, Quảng Nam, thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài)*

GIAO CẢM

Đạo Uyển Hạ (tập 34) đánh dấu mười hai năm hành đạo (tháng 6/2008 – tháng 6/2020) của Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo (CTAT), góp phần vào công cuộc phổ thông giáo lý Kỳ Ba, với quang gánh chữ nghĩa.

Ảnh bìa một cho thấy năm bạn đạo trong ca đoàn Thanh Tân (thánh thất Trung Minh, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài) đang ghé xem tủ trưng bày kinh sách của Chương Trình CTAT trong Nhà Truyền Thống Tổng Giáo Phận (TGP) TpHCM. Bìa hai lưu lại hình ảnh Đức Giám Mục Lu-y Nguyễn Anh Tuấn đang ghé xem kinh sách Cao Đài cũng tại tủ này. Nhân duyên như sau:

Nối Nhịp Văn Hóa - Tôn Giáo là chủ đề cuộc Hội Ngộ Liên Tôn lần IX (Chủ Nhật 27-10-2019) tại Trung Tâm Mục Vụ TGP TpHCM. Nói tới *Văn Hóa - Tôn Giáo* thì tất nhiên không thể bỏ qua kinh sách tôn giáo. Bởi vậy, cuộc Hội Ngộ Liên Tôn lần IX có phần triển lãm kinh sách sáu tôn giáo tại Nhà Truyền Thống (từ 27-10-2019 đến 04-11-2019). Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn TGP TpHCM nói về mục đích và ý nghĩa cuộc triển lãm này như sau:

Văn hóa và tôn giáo gắn liền với đời sống con người. Tôn giáo và văn hóa luôn song hành trong các mối tương quan nhân-thần và tương giao giữa con người với nhau. Mọi tôn giáo đến Việt Nam đều cố gắng hội nhập văn hóa.

Tôn giáo là nơi bảo dưỡng và làm phong phú những giá trị văn hóa, đồng thời góp phần dựng xây một thế giới nhân hòa, nhờ hiểu biết và thực hành Đạo.

Nhằm giúp đào sâu niềm tin tôn giáo và tạo nhịp cầu tâm giao giữa các đạo hữu với nhau, cũng như giữa những người hoạt động văn hóa và tôn giáo, trong một đất nước đa văn hóa và tôn giáo như Việt Nam, Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn và Ban Văn Hóa Tổng Giáo Phận TpHCM phối hợp tổ chức trưng bày một số ấn phẩm văn hóa - tôn giáo trước và sau 1975, của các đạo: Baha'i, Cao Đài, Công Giáo, Islam, Phật Giáo, Phật Giáo Hòa Hảo…[1]

Có sáu tủ trưng bày (mỗi tủ năm mặt kính, sáu ngăn) dành cho sáu tôn giáo như kể trên. Ban Tổ Chức Hội Ngộ Liên Tôn để mỗi tôn giáo tùy nghi sắp đặt tủ của mình.

Từ tháng 6-2008 tới tháng 10-2019, Chương Trình Chung Tay Ấn Tống đã liên kết với Nxb Tôn Giáo và Nxb Hồng Đức (đều ở Hà Nội) xuất bản hơn một trăm sáu mươi đầu sách (nhan đề) gồm nhiều loại khác nhau. Ban Ấn Tống đã chọn trưng bày một số sách tiêu biểu cho bốn loại: (a) sách song ngữ Việt-Anh; (b) sách liên tôn; (c) sách nghiên cứu giáo lý, lịch sử, văn hóa Cao Đài; (d) sách văn học Đại Đạo.

Đây là lần đầu tiên Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo chánh thức giới thiệu kinh sách Cao Đài với quý tôn giáo bạn do nhã ý và tấm lòng vàng của Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn Tổng Giáo Phận TpHCM mà đứng đầu là linh mục Phanxicô Xaviê Bảo Lộc (tức Huệ Tâm).

Trưởng Ban Tổ Chức (linh mục Bảo Lộc) dành thêm cho Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo hai bàn dài, phủ khăn đỏ thắm, đặt tại hành lang triển lãm tranh ảnh

[1] http://ttmucvusaigon.org/thong-bao/sinh-hoat/trien-lam--van-hoa-va-ton-giao--27-10-4-11-2019-/

mục vụ liên tôn, để bày khá nhiều sách. Quý chức sắc, nam nữ tu sĩ, và tín hữu các tôn giáo đã ghé "quầy sách biếu tự chọn" giở xem từng quyển và tùy thích thỉnh sách cho cá nhân, mang về cộng đoàn, hoặc thư viện dòng tu, v.v... (xem bìa ba). Ngoài ra, mỗi khách quý đến dự Hội Ngộ Liên Tôn lần IX đều được Ban Tổ Chức biếu túi quà trang nhã, trong đó có kèm thêm một quyển *Phúc Âm Kể Lại Theo R.F. Wilson*, hay một quyển *Như Hoa Nở Muộn* vừa in vào quý Ba 2019.

Đã thành thông lệ chín năm nay, Ban Ấn Tống luôn đều đặn góp sách biếu như thế (mỗi lần khoảng 500 quyển) để Ban Tổ Chức Hội Ngộ Liên Tôn gởi kèm theo túi quà lưu niệm như nói trên. Ban Ấn Tống luôn luôn rất biết ơn linh mục Bảo Lộc đã tạo duyên lành để sách ấn tống có dịp tới tay quý đạo hữu ngoài cộng đồng Cao Đài.

*

Đạo Uyển ấn tống định kỳ theo từng quý; thành thử, có những sự kiện ý nghĩa cần tường thuật để lưu dấu trong dòng sử đạo thì đành phải chuyển tải muộn màng. Bởi thế, sự kiện Hội Ngộ Liên Tôn lần IX phải "dời" sang tập Hạ 2020.

Mục *Giao Cảm* thường ngắn gọn, nhưng kỳ này chúng tôi có phần "dông dài" chỉ vì muốn được sẻ chia với quý đạo hữu ít nhiều tâm tình giữa bạn đạo Cao Đài với quý Ki-tô hữu kính mến, như từng thể hiện qua điện thư linh mục Bảo Lộc gởi cho chúng tôi vào sáng Thứ Tư 30-10-2019: *Có Trời,... có người, có ta. Vài linh mục nhận sách đã ngạc nhiên khi nhận và đọc những công trình Văn Hóa – Tôn Giáo từ Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo.*

BAN ẤN TỐNG

Thánh giáo

QUẢ CỘNG NGHIỆP CHÍN MUỒI

Tam Tông Miếu, ngày 22-6 Ất Hợi.

ĐÔNG chiến Tây chinh, Nam Bắc loạn [1]
PHƯƠNG chi [2] hóa giải [3] họa lan truyền
LÃO lai tài tận [4] vô mưu kế
Tổ giáo nhứt thành chế vạn duyên.[5]

---

[1] **Đông chiến Tây chinh, Nam Bắc loạn** (*Everywhere is suffering from wars and disorder*): Khắp mọi nơi đều bị chiến tranh, loạn lạc. (*Đông, Tây, Nam, Bắc* dùng theo nghĩa phiếm định, nghĩa là khắp nơi.)

[2] **phương** 方 (*method*): Phương cách, phương pháp. **phương chi**: Cách gì, cách chi (*what method*); cách nào (*which method*).

[3] **hóa giải** 化解 (*resolving, dispelling*): Giải quyết, tiêu trừ, dứt bỏ. Td: hóa giải mâu thuẫn (*resolving contradictions*); hóa giải nghi vấn (*dispelling doubts*); hóa giải chướng ngại (*ironing out difficulties*); hóa giải xung đột (*defusing conflicts*); hóa giải sợ hãi (*neutralizing fears*).

[4] **lão lai tài tận** 老來才盡 (*at old age, ability or talent ends*): Tuổi già đến, tài năng hết cạn. Ý nói con người đến tuổi già thì thường vụng về, kém khôn ngoan.

[5] **tổ giáo** 祖教 (*ancestral teaching*): Lời dạy của tổ sư, tức là chánh pháp chân truyền. **nhứt thành** 一成: Một khi thành tựu (*once succeeding*); thành tựu trọn vẹn (*entirely succeeding*). **chế** 制 (*controlling, dominating*): Chế ngự 制御. **vạn duyên** 萬緣 (*all conditions, all reasons*): Mọi điều kiện, mọi duyên cớ. (Chế ngự được vạn duyên thì không còn tạo nghiệp nữa, vì *nhân* mà thiếu *duyên* thì không kết thành *quả*.)

Ý động thì loạn sanh
Tâm bình thì cảnh tịnh
Sóng lặng thì nước trong
Thân tu thì quốc trị.[6]

Cộng nghiệp [7] của chúng sanh từ vô thỉ đến nay,[8] trải qua nhiều đời vô số kiếp, dồn chứa thành núi lớn Tu Di,[9] (…)

Đến lúc **quả cộng nghiệp chín muồi**,[10] rơi rụng thì tan tác, đổ sụp, nghiêng ngã, tàn phá tất cả. (…)

Ngày tận thế là lúc trái đất phải chịu trọng hình.[11] Sự phán xét toàn bộ trên hoàn cầu,[12] sự hành phạt [để] đền tội, trả quả đã công khai. Vật hữu hình tan hoại đã đành, cho đến vật vô hình, hồn ma bóng quế cũng ùa nhau mà lùng kiếm kẻ thù, oan oan tương báo,[13] không mảy lông nào tránh lọt.

Buổi rốt ngày cùng, ai nợ ai ơn, ai gây ai tạo, ai vay mượn, ai cướp đoạt, lường lận, đến lúc nầy cũng phải thanh toán cho xong. Luật nhơn quả, lẽ công bình, Trời Phật cũng không

---

[6] **Thân tu thì quốc trị** 國治 (*People's self-cultivation results in their well-governed country*): Dân chúng tu thân thì đất nước an trị. Sách *Đại Học* 大學 (*Great Learning*) có câu này: ***Thân tu*** *nhi hậu gia tề, gia tề nhi hậu* ***quốc trị****, quốc trị nhi hậu thiên hạ bình*. 身修而後家齊, 家齊而後國治, 國治而後天下平. James Legge (1815-1897) dịch: *Their persons being cultivated, their families were regulated. Their families being regulated, their states were rightly governed. Their states being rightly governed, the whole kingdom was made tranquil and happy*. (Người dân tu thân được rồi thì gia đình yên bề. Gia đình yên bề được rồi thì đất nước an trị. Đất nước an trị được rồi thì thiên hạ yên bình.)

[7] **cộng nghiệp** 共業 (*collective karma*): Nghiệp xấu mà cả một tập thể phải cùng nhau chung chịu trả quả.

[8] **vô thỉ** (thủy) 無始 (*lacking beginning*): Không có chỗ bắt đầu. **từ vô thỉ đến nay** (*tự vô thỉ dĩ lai* 自無始以來: *from the very beginning till now*): Từ rất xa xưa (không thể xác định được) tới nay.

[9] **Tu Di** 須彌 (*Sumeru*): Một hòn núi rất lớn, ngoài sức tưởng tượng của con người. *Trung Anh Phật Học Từ Điển* 中英佛學辭典 (*A Dictionary of Chinese Buddhist Terms*) của W.E. Soothill và L. Hodous giải thích: Tu Di cũng gọi là *Tu Di Lâu; Di Lâu; Tô Di Lâu; Tu Mê Lâu*; về sau gọi là *Tô Mê Lô*; là ngọn núi trung tâm của mọi thế giới, dịch là *Diệu Cao, Diệu Quang,* v.v...; trên đỉnh là cõi *Địa Cư Thiên*, bên dưới là *Tứ Thiền Thiên*; vây quanh là tám vòng núi bao bọc và ở giữa chúng là tám biển, tất cả hình thành chín núi và tám biển. (須彌 *Sumeru, also* 須彌樓; 彌樓; 蘇彌樓; 修迷樓; *later* 蘇迷盧; *the central mountain of every world, tr. as* 妙高; 妙光, *etc., wonderful height, wonderful brilliancy, etc.; at the top is Indra's heaven* [地居天], *or heavens, below them are the four devalokas* [四禪天, i.e. four dhyāna devalokas of the region of form]; *around are eight circles of mountains and between them the eight seas, the whole forming nine mountains and eight seas*.)

Cộng nghiệp của chúng sanh từ vô thỉ đến nay, (...) **dồn chứa thành núi lớn Tu Di**: Ý nói cộng nghiệp của loài người trên thế gian hiện nay vô cùng to lớn, vô cùng nặng nề, vượt ngoài sức tưởng tượng của con người (*inconceivable*).

[10] Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này. **quả cộng nghiệp** (*cộng nghiệp chi quả* 共業之果: *the fruit of collective karma*): Quả báo do nghiệp chung của một tập thể gây ra.

[11] **trọng hình** 重刑 (*severe punishment*): Hình phạt nặng nề.

[12] **hoàn cầu** 寰球 (*the whole world*): Toàn thế giới.

[13] **oan oan tương báo** 冤冤相報 (*eye for eye, tooth for tooth*): Oan uổng, bất công (*injustice*) có bất công, oan uổng đòi nợ lại.

tư vị [14] cho được. Nên kỳ tận thế nầy [là] để cho bất cứ ai trên đời còn sống, cũng như chúng sanh bên kia thế giới vô hình, được họp mặt giữa nhau để đền ơn báo oán, thanh toán xong món nợ thân thù,[15] oan ưng [16] đã từng gây tạo.

Kiếp nạn [17] diễn trình có hại có lợi, có oan có ưng để chúng sanh một lần rửa sạch nghiệp chướng. Ma quỷ muốn gì, Trời Phật cũng cho nó tự do. Thứ gì thuộc về của nó, nó có quyền lấy lại; cái gì của thiên đạo, thiện duyên, nguyên căn bản thể thì không được xâm phạm. Nó thuộc về phần âm. Tà tâm, vật dục, mê vọng, bất chính, đều được quy về với âm mà nó làm chủ. Thứ gì, loại gì của chủ nào, [theo] luật công bình, được trả lại cho chủ nó.

Còn một giai đoạn cuối cùng, âm tận âm tiêu, dương khí trưởng thay vào làm chủ, thì âm ác, tà dục, khí dơ, cho đến quỷ vương, binh dân của chúng không sao tồn tại. Cảnh giới u minh theo âm mà cáo chung [18] trong kỳ tái tạo nầy.

Sau cuộc gạn lọc nầy thì cảnh giới trần gian trở nên cực lạc. Quả đất mới, đời mới, người mới, trong sạch hoàn toàn, tâm linh tỉnh sáng, cuộc sống thuần là hồn nhiên, chất phác. Vạn tượng [19] cũng một lòng, vạn bang [20] như một nhà. Trái đất được quét sạch. Lòng người cũng rửa sạch. Trên trời dưới đất một khối thái hòa hít thở trong sạch. Ý niệm hoàn phục lại tiên thiên, linh linh huyền nhiệm. Tình thức cũng y nhiên,[21] căn cảnh [22] cũng như vậy, mà chúng xưa khác, nay khác, chỉ có động cơ, mà động cơ do Chí Tôn nắm giữ, không còn lo ngại.

Ngày đại kiếp hủy diệt trong kỳ tận thế tuy là tàn bạo, hung ác, quyết liệt của cơ Trời, bên trong có ẩn ý là giải thoát trọn vẹn cho chúng sanh. Một lần trả xong hết ráo tội khiên oan trái, không [phải] dây dưa lần hồi mới trả hết. Cũng như một bản án tội phạm năm, mười năm tù, khi xong được trả tự do; bằng [23] án nặng phải bị chung thân khổ sai; nếu án tử hình thì xử tử là rồi.

Cũng ví như chúng sanh tạo gây ác báo đời nầy, [qua] đời khác án treo quản thúc, sống hành xác, chết đi đầu thai, xuống lên vay trả cho rồi, dằng dai nhiều kiếp. Nếu đền trả

---

[14] **tư vị** 私爲 (*one-sided, biased, unfair*): Thiếu công bằng vì theo tình cảm riêng, thiên lệch, *thiên vị* 偏爲.

[15] **thân thù** 親讎: Chịu ơn là *thân,* phải trả nợ; gây oan chuốc oán là *thù*, phải chịu đòi nợ. Ơn oán đều là nợ phải trả, nên gọi là **nợ thân thù**.

[16] **oan ưng** 冤應 (*injustice and justice*): Bất công là *oan*, công bằng là *ưng*.

[17] **kiếp nạn** 劫難 (*calamity, disaster*): Thảm họa tàn khốc, dữ dội trên phạm vi rộng lớn.

[18] **cáo chung** 告終 (*ending, reaching an end*): Chấm dứt.

[19] **vạn tượng** 萬象 (*innumerable manifestations of nature*): Muôn vàn (vô số) những hình tướng biểu hiện của thiên nhiên (thế giới tự nhiên) có thể nhìn thấy quanh chúng ta.

[20] **vạn bang** 萬邦 (*all nations, all countries*): Muôn nước, tất cả các quốc gia.

[21] **y nhiên** 依然 (*as before*): Vẫn thế, vẫn vậy, như cũ, như xưa.

[22] **căn cảnh** 根景 (*senses and external conditions*): Con người có sáu căn (*lục căn* 六根) gồm mắt (*nhãn* 眼), tai (*nhĩ* 耳), mũi (*tỵ* 鼻), lưỡi (*thiệt* 舌), thân 身 thân, ý" 意. Cảnh bên ngoài tác động có thể chi phối sáu căn, khiến tâm xáo trộn.

[23] **bằng** (*if*): Nếu.

mà không vay thêm, biết tu sửa lập công bồi đức thì tiến lên quả vị Tiên Thần; và ví như món nợ khá lớn, không còn cách nào trả được, thì chỉ có tịch biên gia sản ít nhiều, như thế là thanh toán xong.

Nào có khác chi nghiệp ác của chúng sanh. Không còn ngày giờ qua nhiều thế kỷ nữa. Lúc chung kết là ngày cùng, là nguơn mạt hậu, Thượng Đế Chí Tôn chỉ cần cứu thoát linh hồn. Các cửa luân hồi đóng hết, không có đời sau. Đời sau là thượng nguơn, tất cả đều mới, cảnh giới trong sạch trọn lành, cõi Thần Tiên dành cho người chơn thuần linh căn lưu trú.

Nên sự hủy diệt hoàn toàn khắp mặt đất, dọn sạch chông gai rác bụi. Chúng sanh tạo nghiệp nào thì theo nghiệp nấy mà lãnh bản án đến pháp trường. Chết nước, chết lửa, chết vùi lấp, chết đao binh, hay chết loại hình nào tội án đã định. Sát kiếp bằng cách nào bất ngờ không thể biết, cũng gọi tử hình. Nợ nần, oan trái, nghiệp quả đều dứt sạch, như tịch biên gia sản, như tử hình. Trả xong, trang trải đủ; bỏ xác, hồn được siêu.

Chúng sanh nào không nợ máu, thiện nghiệp, không hại đạo, [không là] phản đồ,[24] ý lòng thiện ác quân phân, đến ngày rốt, Thầy (Thượng Đế) trục nguyên tử chơn thần ra, hủy bỏ mạng căn. Đó là phương cứu rỗi.

Nếu trong đám chúng sanh nầy thấy tai biến kiếp họa mà biết hồi đầu,[25] quay lại đường lành, truất bỏ dục vọng tâm tà, thì cũng được đăng siêu.

Còn những nhơn sanh sớm biết hồi đầu, đã vào cửa đạo, tên tuổi [đã ghi] vào bộ hồng danh,[26] [nhưng] chưa mấy nhiệt thành, tục tăng lỏng chỏng,[27] gặp lúc tai biến mà phát động tâm từ, đoái hoài đồng loại, phát nguyện bố thí lập công, làm nhơn làm phước, để cầu cho nhơn dân bá tánh qua cơn hoạn nạn, thì môn sanh đạo hữu nầy ý niệm đổi hướng, thẳng đến bồ đề. Đạo hạnh, công đức tức khắc giương cao. Đứng trên thói tục lòng tà, ra khỏi vật dục lòng trần, tự khắc phàm phu hóa thành Thần Thánh.

Nếu lòng trắc ẩn, tâm từ bi phát nguyện đưa lưng ra hứng chịu, đón nhận khổ đau cho nhơn loại, lãnh thay chịu thế cho chúng sanh; chí khí can trường, có những tình niệm bao trùm một xứ, một cõi, một đất nước nào đương bị sát kiếp hoành hành; trải tâm gánh vác, động đến đất trời. Tuy không dấn thân tại trận, cũng được Thiên Đình ghi công, đón mời và trợ giúp cho ý nguyện, chứng đến quả Phật không sai.

Muốn chống thiên tai, sát kiếp, chỉ cần phát tâm công phu thiền định. Tọa công ngồi tại đạo tràng mà phóng tinh thần, gieo rải thiện duyên kết hợp với huyền linh ân điển xua đẩy sát khí. Tư tưởng càng mãnh liệt, hung sát tự khắc thối lui. Thiền định càng thâm, càng giải phóng cứu người càng dễ.

---

[24] **phản đồ** 反徒 (*disloyal disciple*): Môn đồ phản đạo, học trò phản thầy.

[25] **hồi đầu** 回頭 (*turning one's head back; fig. awaking to illusions of life*): Quay đầu lại; tỉnh ngộ, thức tỉnh.

[26] **đã vào cửa đạo, tên tuổi [đã ghi] vào bộ hồng danh**: Xem *Phụ Đính* cuối bài thánh giáo này.

[27] **tục tăng lỏng chỏng**: Tu không ra tu, tục không ra tục.

Chư môn sanh đạo hữu khéo vận dụng tâm ý đi đúng đường, ứng dụng vào động tĩnh [28] cũng kết quả. Tâm ý là cái động cơ chủ tể nơi người, tác phước tạo nghiệp do nó. Thiên đường hay địa ngục bởi tâm ý mà ra. Người chủ trì được tâm ý, làm Tiên làm Phật rất dễ dàng; mà để tâm ý xiêu dạt, nó sẽ đưa người vào vực sâu biển khổ.

Trong lúc tai biến, động loạn xáo trộn trên hoàn cầu, là một cơ hội cho đạo hữu phát tâm, gieo tư tưởng sự sống tình thương đến những nơi có tai biến. Kết quả rất lớn mà tiến đạo rất mau. Tu một lúc cũng bằng tu trọn đời. Dầu tu trọn đời mà không gặp cơ duyên, cũng không bằng tu một ngày có cơ hội.

Con người có Phật tâm, đạo đức, trông thấy cảnh lầm than liền động lòng thương xót; đâu như chai đá mà chẳng thấy khổ tâm. Đạo hữu chuyên cần công phu tu học thiền định, tạo một bầu hạo khí [29] thái hòa chở che cho Thánh Hội, cho đạo tràng, cho thân, cho xứ sở. Đó là công đức tăng cường nghị lực, làm chủ nội ma ngoại chướng.[30] Khí lực được dồi dào, tinh thần minh mẫn, sức khỏe gia tăng, lập chí dẻo dai; nhiều ngày nhiều tháng lo không thành Phật được sao ?

Đạo giáng hỏa trạch,[31] Đạo khai trong lúc kiếp nạn, tiếp độ người lành kẻ dữ; biết giác ngộ thì giải thoát mau lẹ. Thế gian mê nhiễm sâu dày, không dụng oai linh có mấy ai thức tỉnh. Đời hay cậy sức mạnh, tài trí, danh lợi; đến lúc âm dương, ngũ hành hậu thiên bị thâu hồi, tất cả gì gì cũng hóa thành vô dụng, kẻ trí mới thấy được chỗ sâu kín ẩn khuất bên trong cái sở hữu của họ.

Cái thấy nghe, hay biết tầm thường, hạn hẹp của thế gian, bởi chấp cái tiểu ngã;[32] nó làm hỏng mất cái nguyên cơ.[33] Nó đóng khung cái tâm tánh vào trong ý niệm nhỏ bé, nên lương tâm không chỗ mở rộng. Nếu con người tu hành trừ bỏ được cái ngã chấp,[34] mới trương nở [35] tứ vô lượng tâm (từ bi hỷ xả). Ngã chấp không còn, thì căn cảnh ý tình, tánh tâm hoàn thiện.

Tâm tánh hoàn thiện hợp với huyền linh, tương đồng cùng trời đất, giao liên các cảnh giới thanh tịnh. Dọc theo một hệ

---

[28] **động tĩnh** 動靜 (*movement and stillness; activities; behaviour*): Hoạt động và ở yên; hành vi, cử chỉ. Trang Tử (*Nam Hoa Kinh* 南華經, chương *Thiên Hạ* 天下) nói: *Động tĩnh vô quá, vị thường hữu tội*. 動靜無過, 未嘗有罪. (Hành vi, cử chỉ không lỗi lầm; chưa hề có tội.)

[29] **hạo khí** 浩氣: Chánh khí. Nói tắt của *hạo nhiên chi khí* 浩然之氣, tức là khí hạo nhiên, tinh thần quang minh chánh đại, chí khí bất khuất.

[30] **ma chướng** 魔障 (*obstacles to self-cultivation*): Những chướng ngại cản trở việc tu hành. **nội ma ngoại chướng** 內魔外障 (*internal and external obstacles to self-cultivation*): Những chướng ngại cản trở việc tu hành, chúng có sẵn trong thân, trong tâm và do bên ngoài đưa đến.

[31] **hỏa trạch** 火宅 (*burning house, house on fire*): Nhà cháy, ý nói cảnh khổ vô cùng (*tormenting situation*).

[32] **tiểu ngã** 小我 (*the self*): Cái ta nhỏ hẹp, *phàm ngã* 凡我.

[33] **nguyên cơ** 原基 (*original foundation*): Cơ sở ban đầu, nền tảng gốc, tức *thiên chân* 天眞 (*the divine nature within each person*).

[34] **ngã chấp** 我執 (*the attachment to one's self*): Bám chặt vào cái ta của mình.

[35] **trương nở** (*developing, expanding*): Mở rộng, phát triển.

thống siêu linh, có một lực lượng chạy dài qua thời gian, trải khắp không gian; nó quét sạch được độc khí, ác chướng ma tà. Nên khi các động cơ tâm đạo khởi tác hướng về đâu, đến cảnh giới nào, kéo luôn một đoàn linh khí theo tâm hướng, trở thành một sức mạnh đánh tan mọi chướng hóa. Mọi dị biệt tức khắc phân khai, mà cõi nước, địa giới hay cá nhân đó trở lại bình thường, thanh lặng. Nên những hành giả, giờ giấc công phu sản sanh điển huệ; luật đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, kết nên một tràng [trường] hạo khí lan tỏa đến đâu cũng giải tán được trọc âm (chúng tụ tập để gây tai biến).

Nên công phu thiền định, tịnh tu ở chùa chiền, có một công năng [36] rất linh diệu. Kẻ phàm phu đến đó, hấp được khí thiên đánh lui ý tà ám độn [37] bất an, được khỏe vui cảm khoái mà tỉnh ngộ. Ấy cho nên chư môn sanh kết hợp liên thủ [38] cùng nhau hành thiền nhập tịnh, bảo quản đạo tràng, thánh sở, mà sát nhập cùng Thiên lý lưu tán [39] trong nhơn gian, tiêu trừ sát nghiệp.

Vì cớ đó mà Bác Nhã Thiền Sư [40] trộm nghe thánh ý, trông thấy trẫm triệu [41] không lành, luồng ám khí lảng vảng trên nền đất nước nhà, nên Ngài lập tức nhập thần cho HNNT [42] báo động, để chư thiên ân và đạo hữu chia công, kết nối, xin nguyện tịnh công, hành thiền để hòa hợp điển lành cho Thiêng Liêng sử dụng. Đó là một dịp tiến đức tấn đạo, tăng trưởng đạo tâm, mà còn góp công lập nên công đức, kết duyên cùng đồng loại và các lân bang [43] trên đại địa.[44]

Vậy Bần Đạo lãnh Thiên mạng ban lịnh cho Minh Lý Thánh Hội và Hội Thánh Truyền Giáo y lịnh thi hành.

(. . .)

Bần Đạo ban ơn, chào mừng chư thiên ân và môn sanh nam nữ.

PHỤ ĐÍNH

Khi dạy về quả cộng nghiệp chín muồi, về ngày tận thế, Đức Tôn Sư có nói tới những người *"đã vào cửa đạo, tên tuổi [đã ghi] vào bộ hồng danh"*.

---

[36] **công năng** 功能 (*function, capability*): Công dụng, năng lực.

[37] **ám độn** 暗遁 (*hiding secretly*): Bí mật giấu mình.

[38] **liên thủ** 連手 (*cooperating*): Chung tay cùng làm.

[39] **lưu tán** 流散 (*spreading, dispersing*): Lan tỏa rộng ra.

[40] **Bác Nhã Thiền Sư**: Thế danh là Tôn Văn Khuê (1897-1972), tên trong khai sinh là Nguyễn Văn Miết, người làng Lợi Bình Nhơn, tổng Hưng Long (nay thuộc thành phố Tân An), tỉnh Tân An (nay là tỉnh Long An). Minh Lý Đạo khai năm 1924 thì ngài là một trong mười hai vị khai đạo. Ngài làm Phó Hội Trưởng của Hội Tam Tông Miếu (từ 1927), và làm Hội Trưởng (từ 1951). Ngài dày công phiên dịch kinh sách chữ Nho của Tam Giáo, soạn sách quốc ngữ, và ấn tống (thường lấy bút danh Nguyễn Minh Thiện vì thánh danh là Minh Thiện). Quy thiên tại Sài Gòn, ngài đắc quả *Bác Nhã Thiền Sư Tam Tông Pháp Chủ Nguyên Quân Bồ Tát* 般若禪師三宗法主元君菩薩. (Sinh tiền, ngài chủ trương viết *bác nhã* thay vì *bát nhã*.)

[41] **trẫm triệu** 朕兆 (*warning sign, omen, forewarning*): Điềm báo trước.

[42] **HNNT**: Thánh danh một vị môn sanh Minh Lý Đạo.

[43] **lân bang** 鄰邦 (*neighboring countries*): Các nước láng giềng.

[44] **đại địa** 大地 (*the earth*): Trái đất.

HUỆ KHẢI chú thích & **LÊ ANH MINH** hiệu đính

Bộ (*bạ* 簿: *register*) là sổ sách ghi chép cho một lãnh vực chuyên biệt. Chẳng hạn, sổ sách ghi chép về đất đai sở hữu của người dân được gọi là *địa bộ* 地簿 (*land register*).

Hồng danh 洪名 (*venerable name*) thường được hiểu là tôn hiệu 尊號 (*honoured title*) của một Đấng thiêng liêng. Chẳng hạn tụng *Di Lạc Chơn Kinh* trong đạo Cao Đài là tụng hồng danh các Đấng.

Nhưng trong lời dạy của Đức Tôn Sư (dẫn trên), chúng ta tạm hiểu hồng danh là họ tên (thế danh) hoặc thánh danh (đạo danh) của các vị tu hành được ghi chép vào sổ sách trên Thiên Đình. Nhưng làm sao chúng ta biết mà tin được việc… trên trời?

Trong Kỳ Ba đại ân xá, để khuyến khích chúng sanh ham thích tu hành, có một số thánh giáo hé lộ cho môn sanh Cao Đài biết chút ít bí mật huyền vi về *bộ hồng danh*. Nhờ thế, những ai được ghi tên vào sổ sách nhà Trời thì càng thêm ý thức, càng cố gắng giữ mình cho tròn vẹn đạo đức, phẩm hạnh, ngõ hầu xứng đáng với ơn phước vô biên ấy.[45]

Thật vậy, khi học hỏi rất nhiều thánh giáo Kỳ Ba, chúng ta có thể nhận biết các điều như sau:

1. Đức Chí Tôn (Thầy) và Đức Mẹ Diêu Trì toàn quyền ban thánh danh cho con cái.

2. Ngoài ra, thánh danh được ban trao là do Tam Giáo Tòa ban hồng ân. Chẳng hạn, tại Thiên Lý Đàn (quận Ba, Sài Gòn), ngày 03-9 Canh Tý (Thứ Bảy 22-10-1960), khi ban thánh danh cho tiền bối Nguyễn Thị Ký, Đức Khổng Thánh Tiên Sư dạy:

Hôm nay <u>Bổn Thánh thay mặt Tam Giáo Tòa</u> để ban thánh danh cho Nguyễn Thị Ký nay đã đắc vị thọ phong là An Hòa Thánh Nữ.

3. Vì vậy, khi ban thánh danh cho môn sanh Cao Đài, các Đấng khác hơn Tam Giáo Đạo Tổ thường nói rõ là *thừa lịnh Tam Giáo Tòa.* Chẳng hạn:

3.1. Tại thánh tịnh Ngọc Minh Đài (quận Tư, Sài Gòn), ngày 15-7 Bính Ngọ (Thứ Ba 30-8-1966), Đức Lý Đại Tiên Trưởng Thái Bạch Kim Tinh dạy tiền bối Lương Văn Hích (sinh ngày 18-4-1905):

<u>Thừa lịnh Tam Giáo Tòa</u>, nhơn danh Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, ban thánh danh cho hiền đệ là Chí Kỉnh để đánh dấu bước đầu đệ tam tam cá nguyệt.

3.2. Tại thánh tịnh Ngọc Minh Đài, ngày 15-7 Bính Ngọ (Thứ Ba 30-8-1966), Đức Lý Đại Tiên Trưởng Thái Bạch Kim Tinh dạy tiền bối Trần Thị Nhãn (1919-1982):

<u>Thừa lịnh Tam Giáo Tòa</u>, nhơn danh Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Bần Đạo ban đạo danh cho hiền muội là Thanh Hà, để đánh dấu công quả trên bước đường đào tạo mầm non cho Đại Đạo.

3.3. Tại thánh tịnh Ngọc Minh Đài, ngày 15-10 Đinh Mùi (Thứ Năm 16-11-1967), Đức Thái Bạch Kim Tinh dạy tiền bối Hồ Văn Có (1908-1987):

---

[45] Đức Mẹ dạy: *Nên mỗi khi các con có lầm lỗi hãy nhớ đến đạo danh Thiêng Liêng đã ban cho con mà mau mau hành học cho đúng ý nghĩa của đạo danh ấy tức là Tiên tịch đã ghi rồi vậy*. (Vĩnh Nguyên Tự, Thứ Ba 28 rạng Thứ Tư 29-12-1976)

Hồ Văn Có nghe. (. . .) Bần Đạo thừa lịnh Tam Giáo Tòa ân ban hiền đệ đạo danh là Chí Thuần.

3.4. Cùng đàn ấy, Đức Lý dạy tiền bối Đoàn Ngọc Khoái (1926-1985):

Đoàn Ngọc Khoái, (. . .). Thừa lịnh Tam Giáo Tòa, ân ban hiền đệ đạo danh là Chí Mỹ.

3.5. Cùng đàn ấy, Đức Lý dạy tiền bối Bùi Nguơn Huân:

Bùi Nguơn Huân, (. . .). Thừa lịnh Tam Giáo Tòa, chứng tâm đạo hiền đệ trong sự chí thành phục vụ Cơ Quan. Bần Đạo ân ban hiền đệ đạo danh là Đạt Phước.

4. Người bước vào cửa đạo (nhập môn) thì có tên ghi trong sổ sách Thiên Đình. Tại Minh Lý Thánh Hội, ngày 01-9 Kỷ Dậu (Thứ Bảy 11-10-1969), Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

Khi nhập môn rồi, đương nhiên tên, họ, lý lịch mình sẽ được ghi vào tịch đạo của tôn giáo đó và chịu theo nếp sinh hoạt của tôn giáo đó từ nội quy đến giáo thuyết, giáo điều. Còn về phần thiêng liêng thì cũng đã được ghi danh tánh vào Thánh tịch hoặc Tiên tịch hay Phật tịch.

5. Người được ban thánh danh (đạo danh) thì tên được Thiên Đình ghi vào Tiên tịch 仙籍 (sổ Tiên). Chẳng hạn:

5.1. Tại Vĩnh Nguyên Tự (xã Long An, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An), ngày 08 rạng 09-11 Bính Thìn (Thứ Ba 28 rạng Thứ Tư 29-12-1976), Đức Vô Cực Từ Tôn Diêu Trì Kim Mẫu dạy:

Mẹ cũng ban ơn cho các con dày công tâm đạo trong đợt tu này được đạo danh. Đạo danh mà Mẹ sắp ban hay đạo danh mà các con đã được ban là quý báu vô cùng. Chẳng những đó là tấm gương phản chiếu cho tự tánh của con mà cũng là ghi vào Tiên tịch khi con bước trên nấc thang đại thừa thiên đạo. Nên mỗi khi các con có lầm lỗi hãy nhớ đến đạo danh Thiêng Liêng đã ban cho con mà mau mau hành học cho đúng ý nghĩa của đạo danh ấy tức là Tiên tịch đã ghi rồi vậy.

5.2. Tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, ngày 14-8 Đinh Tỵ (Thứ Hai 26-9-1977), Đức Vô Cực Từ Tôn Diêu Trì Kim Mẫu dạy tiền bối Nguyễn Văn Minh (1913-1980):

Nguyễn Văn Minh, Mẹ ban đạo danh cho con là Chơn Thiện Minh. Con hãy vững bước tiến. Đạo danh của con sẽ được ghi vào Tiên tịch.

6. Nhiều môn sanh Cao Đài tu học, hành đạo rất tích cực, nhưng mong mỏi hoài vẫn chưa được ban thánh danh. Ở California (Hoa Kỳ), tại thánh sở uy tín nọ có một vị đáng kính, thế danh NHT, tuổi ngoài tứ tuần, cũng mang nỗi niềm ấy. Vào giờ Ngọ ngày 21-11 Canh Thân (Thứ Bảy 27-12-1980), Đức Lý Giáo Tông phụng lịnh Đức Chí Tôn giáng đàn để kiểm duyệt bản thảo nội quy của thánh sở ấy. Trước khi khởi sự kiểm duyệt, Đức Lý soi thấu tâm sự của môn sanh NHT đang hầu đàn, nên Ngài từ bi ban lời phân giải:

NHT hãy lắng nghe. Lời hiền đồ thỉnh nguyện Ơn Trên thì lẽ đâu không được phê chuẩn. (. . .) Hiền đồ phải nên biết tất cả bảng thánh danh nơi Kim Môn hãy chưa có danh thánh của hiền đồ.

Hôm ấy, Đức Lý chỉ an ủi chứ không ban thánh danh cho môn sanh NHT. Ngài gìn giữ Thiên luật rất nghiêm. ■

Thánh giáo

LUẬN CHỮ DANH

Chí Thiện Đàn (Khổng Thánh Miếu, Minh Đức Nho Giáo Đại Đạo, Trà Vinh) ngày 10-10 Quý Sửu (Chủ Nhật 4-11-1973).
Pháp đàn: Minh Dần. *Đồng tử*: Chơn An.

THI

NAM bắc TRẦN ai dắt kẻ phàm
PHƯƠNG châm THẾ sự để quy tam [1]
THỔ minh ĐỘ tận người nguyên vị [2]
ĐỊA giáng cơ Tiên dắt chỉ đàng.

TRẦN THẾ ĐỘ [3] lai cơ chào chư môn đồ. Hãy nghiêm trang tiếp Đức Nam Cực Tiên Ông.

TIẾP ĐIỂN
THI

NAM bắc chuyển càn khôn thế giới
CỰC lòng Tiên nên mới lâm phàm
TIÊN đợi chờ Đại Đạo quy tam
ÔNG độ tận Nho đàn chiếu lịnh.

Chiếu lịnh Kỳ Tam [4] dắt kẻ trần
Khuyên người tài đức chớ phân vân
Kỳ cùng mạt hạ [5] Thiên cơ chuyển
Dắt kẻ nguyên căn [6] lướt khỏi trần.

Trần ai, ai tỉnh lại ai mê
Hỡi khách hùng anh lướt dặm đề [7]
Trở lại nhàn quê [8] an lạc thú
Tài bồi đức đủ cội tùng xuê [9]

Xê xang ú líu cống tình tang [10]
Hỡi khách nguyên căn nhớ cảnh nhàn

Chú thích của môn sanh Minh Đức Nho Giáo Đại Đạo (Trà Vinh):

[1] **quy tam**: Gom ba nền tôn giáo lớn ở phương Đông là Nho, Thích, Lão về một gốc. Gốc đó là Thượng Đế.

[2] **người nguyên vị**: Nguyên căn, nguyên nhân (nhơn), những người có căn cội từ Thiên Đình. **độ tận người nguyên vị**: (Mong muốn) độ hết chín mươi hai ức nguyên nhân còn trầm luân nơi cõi trần.

[3] **Trần Thế Độ**: Thổ Địa Nam Phương, vị Thổ Địa trấn đàn tại Khổng Thánh Miếu (Trà Vinh).

[4] **Kỳ Tam**: Tam Kỳ Phổ Độ: Thời kỳ thứ ba mà Thượng Đế mở Đạo để cứu độ nhơn sanh.

[5] **kỳ cùng mạt hạ**: Giai đoạn cuối của hạ nguơn. Hạ nguơn là nguơn điêu tàn và tiêu diệt. Con người tàn ác, bạo ngược, đồi phong bại tục dẫy đầy.

[6] **kẻ nguyên căn**: Cũng như **người nguyên vị** ở chú thích (2).

[7] **dặm**: Đường đi xa xôi, khó nhọc. (Kiều: *Hài văn lần bước dặm xanh.*) **lướt dặm**: Lướt tới, băng ngàn (theo Paulus Của). **đề**: Tức là chữ *đường,* đọc trại ra cho hiệp vận chữ *mê* ở câu trên.

[8] **nhàn quê**: Quê cũ nhàn nhã, tức là thượng giới.

[9] **tài bồi**: Vun trồng; nuôi dưỡng. **tài bồi đức đủ cội tùng xuê**: Bồi đức thật nhiều và lớn ví như cây tùng xum xuê tàn lá. Cây tùng (thông) sống lâu, mùa lạnh lá vẫn xanh. Do đó, dùng hình ảnh cây tùng ở đây để hàm ý rằng có đức lớn thì trường tồn.

[10] **xê xang ú líu cống**: Ngũ cung theo âm nhạc cổ Việt Nam (chẳng hạn như dây hò ba) là *hò xự xang xê cống liu ú,* tương đương với *fa sol la do re fa sol.* **tình tang**: Một cách diễn tả giọng đàn. (Thạch Sanh Lý Thông: *Đàn kêu tích tịch tình tang / Ai mang công chúa dưới hang trở về.*) **Xê xang ú líu cống tình tang**: Đức Nam Cực Tiên Ông ngụ ý Ngài đang đánh đàn, để tìm kẻ tri âm, thấu cảm tiếng đàn của Ngài mà tu hành theo lời Ngài dạy.

Chớ tưởng lợi danh, là ảo ảnh [11]
Rồi đây phải chịu lụy đa mang.[12]

Mang chi khối thịt, xác thân nầy
Thúc giục lòng mình tình phải gây
Lục tặc [13] nó đưa người quỷ ám
Thất tình [14] uốn nắn đọa càng gây.

Gây chi thế sự lắm nhiều lần
Nợ trả muôn đời dưới tục trần
Chỉ có trở về nơi động phủ [15]
Yêng hùng đức đủ mới tài lành.[16]

Lành thay! Nguyên vị biết hồi nguyên [17]
Tế thế [18] độ dân đến cửa thiền [19]

[11] **Chớ tưởng lợi danh, là ảo ảnh**: Đừng nghĩ về lợi danh vì lợi danh dễ có, dễ mất tựa như ảo ảnh (hình ảnh giống như thật, nhưng không có thật).

[12] **lụy đa mang**: Chịu nhiều tai họa.

[13] **lục tặc**: Sáu tên cướp, ám chỉ lục dục (sáu ham muốn: mắt muốn nhìn đẹp, tai muốn nghe hay, mũi muốn ngửi thơm, lưỡi muốn nếm ngon, thân xác muốn sung sướng, ý nghĩ muốn vui). Lục dục phá hoại tâm thanh tịnh giống như kẻ cướp xông vào nhà quấy nhiễu.

[14] **thất tình**: Bảy tình cảm là mừng (*hỷ*), giận (*nộ*), yêu (*ái*), ghét (*ố*), buồn (*ai*), vui (*lạc*), sợ (*cụ*).

[15] **động phủ**: Nơi Tiên Thánh ở.

[16] **Yêng hùng đức đủ mới tài lành**: Kẻ anh hùng đủ đức thì có tài cao mới không mang họa.

[17] **hồi nguyên**: Trở về nguồn cội (là Đạo, Thượng Đế).

[18] **tế thế**: Giúp đời.

Tỉnh lại, hỡi nầy bao khách tục
Nhớ rằng tế phước cõi trần duyên.

Nghe Bần Đạo phân bày. Hỡi nầy khách tài yêng hùng, khi xưa Bần Đạo cũng mang xác thân tứ đại [20] như chư hiền, nhưng biết cõi đời là tạm bợ, nên xuống trần để giúp đời chớ không nghĩ gì về tài danh, lợi lộc. Sao cho nhơn loài hạnh phúc là ta vui. Sao cho đồng bào an lành là ta hạnh phúc. Hóa Công [21] sanh con người đâu phải cho con người sống ích kỷ. Vậy khách hầu đàn có nghe lời Bần Đạo phân chăng?

THI

Ảo ảnh phù du [22] cát bụi mờ
Chi bằng mượn lấy ít vần thơ
Để đưa khách tục về ngôi vị
Bến giác [23] Thần Tiên vẫn đợi chờ.

Chờ nguyên vị đến giờ khai hội [24]

[19] **Tế thế độ dân đến cửa thiền**: Có người dẫn dắt một số đạo tâm đến hầu đàn nên Đức Nam Cực Tiên Ông khen tặng người dẫn khách.

[20] **xác thân tứ đại**: Xác thân con người được cấu thành từ bốn yếu tố là đất, nước, gió, lửa.

[21] **Hóa Công**: Thiên Công, thợ Trời (tức là Trời, Thượng Đế, Tạo Hóa).

[22] **phù du**: Con nhện nước (chỉ sống một ngày rồi chết). Do đó, **phù du** có nghĩa là ngắn ngủi, chóng tàn.

[23] **bến giác**: *Giác ngạn*, bờ giác ngộ; trái nghĩa với **bến mê** (*mê tân*: cuộc đời, thế gian). Từ bến mê sang bến giác phải nhờ thuyền bát nhã (là chánh pháp tu hành) vượt qua biển khổ (*khổ hải*).

[24] **khai hội**: Mở Hội Long Hoa xét chọn người chơn tu đắc đạo.

Nhắc chúng sanh hả hối lâm đàn
Nầy đây nhờ có Thiện Đàn [25]
Hiệp đồng Nho sĩ khuếch trương Đạo nhà.

Người tu hiền Kỳ Ba mở cửa
Rán(g) dồi mài để sửa lòng mình
Tu sao cho được siêu minh
Lòng kia bác ái gội mình sạch đi.

Người anh tuấn nệ gì cõi tục
Kẻ tử quân thúc giục kỳ truyền [26]
Lo tu cho được huờn nguyên [27]
Ở chi cõi thế đau phiền lắm ru? [28]

Người có tu ngàn thu bia để [29]
Kẻ không tu khác thể sóng nhồi
Nhấp nhô chìm đắm thuyền côi [30]
Rồi đây phải chịu ôi thôi đọa đày

Mài gươm báu,[31] anh tài mau tới
Đá đóng rêu [32] ta mới rửa chùi

[25] **Thiện Đàn**: Chí Thiện Đàn.

[26] **Kẻ tử quân thúc giục kỳ truyền**: Nhân thời kỳ Thượng Đế truyền đạo, bậc quân tử hãy ráo riết tu hành.

[27] **huờn nguyên**: Trở về nguồn gốc (là Đạo, Thượng Đế).

[28] **ru**: Chữ đặt cuối câu hỏi tu từ. (Kiều: *Công đeo đuổi chẳng thiệt thòi lắm ru?*)

[29] **Người có tu ngàn thu bia để**: Người tu hành đạo đức được truyền tụng danh thơm muôn đời.

[30] **Nhấp nhô chìm đắm thuyền côi**: Người không tu ví như một chiếc thuyền cô độc giữa biển dễ bị sóng nhận chìm.

[31] **mài gươm báu**: Mài gươm trí huệ cắt đứt ngu muội (vô minh).

Ngọc mài cần phải tới lui [33]
Mượn anh thợ khéo [34] để dồi ngọc trơn

Tình huynh đệ [35] đừng sờn keo gắn
Nghĩa kim bằng [36] thẳng thắn trở về
Động đào [37] là cảnh nhàn quê [38]
Nào cờ thi tửu ê hề [39] thiếu chi

Nơi non ngoại ta thì lui tới
Ở phàm chi còn mới [mến] lợi danh
Ôi thôi nào cải nào canh
Đời tàn cõi tục, ai thành danh cao?

Thành nghĩa ấy, biết bao sóng vỗ [40]
Hỡi khách trần phổ độ quần sanh
Khá tu [41] trọn tấm lòng thành
Không tu rồi bị quỷ [42] giành Kỳ Ba

[32] **đá đóng rêu**: Linh hồn (*đá*) u tối vì thất tình, lục dục (*rêu*) che phủ.

[33] **Ngọc mài cần phải tới lui**: Hòn ngọc ẩn trong đá, cần phải mài giũa mới phát sáng. Cũng vậy, linh hồn phải gột rửa thất tình, lục dục mới sáng suốt.

[34] **anh thợ khéo**: Người tu khéo, tu giỏi.

[35] **huynh đệ**: Người đồng đạo xem nhau như anh em ruột thịt.

[36] **kim bằng**: Bạn bè.

[37] **động đào**: Cảnh Tiên, cõi Tiên.

[38] Xem chú thích (8).

[39] **ê hề**: Nhiều lắm, rất nhiều.

[40] **Thành nghĩa ấy, biết bao sóng vỗ**: Danh vọng, địa vị ở cõi thế lúc nào cũng bấp bênh, dễ tan mất như bọt sóng.

[41] **khá tu**: Hãy lo tu, hãy biết tu.

Hỡi khách tục ai là nam tử
Kìa nghĩ xem nhớ chữ thượng thừa [43]
Tương dưa cần phải mến ưa
Ham chi cá mặn không chừa món chi

Trường đại học [44] cần thi cho đậu
Buổi tàn nguy cất giấu anh tài [45]
Chi bằng mở hoát kỳ khai [46]
Rán(g) mà thi thố đoạt rày bảng danh.

Danh là vầy:

Danh của Đạo, danh thành Khổng Mạnh
Danh mùi đời cá tánh [47] tự kiêu
Danh chi lợi hão [48] phải tiêu
Danh như Khổng Tử, danh nhiều ngàn thu.

Danh Ngô Khởi [49] mờ lu chơn tánh

[42] **quỷ**: Lòng dục. Người không tu thì bị lòng dục dẫn dắt. Người tu mới có thể chế ngự lòng dục.

[43] **thượng thừa**: Bậc tu cao nhất. Bậc này mới mong giải thoát.

[44] **trường đại học**: Cái học lớn của con người là làm sáng cái đức sáng sẵn có của mình (*minh minh đức*), là tu hành đến chỗ hoàn hảo (*chí thiện*). Ám chỉ câu mở đầu sách *Đại Học*: *Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại thân [tân] dân, tại chỉ ư chí thiện.*

[45] **Buổi tàn nguy cất giấu anh tài**: Thời buổi nguy khốn, anh tài thường ở ẩn vì sợ bị bách hại.

[46] **mở hoát kỳ khai**: Kêu gọi anh tài đạo đức đừng ở ẩn mà hãy ra mặt dẫn dắt chúng sanh.

[47] **cá tánh**: Tánh cách riêng biệt của từng người.

[48] **lợi hão**: Lợi không thiết thực, không có ích thật sự.

[49] **Ngô Khởi** (440-381 trước Công Nguyên): Thời Chiến Quốc, khi nước Tề đánh nước Lỗ, Lỗ Mục Công muốn dùng Ngô Khởi làm

Sát thê hiền thọ lãnh tướng quân
Danh gì Trời Phật chẳng ưng
Danh thương nhơn loại, danh dưng Phật Trời

Danh thiên xú,[50] hiền ơi có nhớ
Danh sử bia rạng rỡ Tam Tòa
Kìa xem khắp chốn trần la
Danh kia lợi nọ, ai là người danh

Nã Phá Luân [51] tạo thành Âu Á
Muốn gồm thâu độc bá đồ vương
Danh gì kỳ dị lạ thường
Danh như Hạng Võ,[52] ai thương đó à

Đào mã tổ Tần mà kiếm báu [53]

tướng nhưng còn e ngại vì Ngô Khởi có vợ là người nước Tề. Ngô Khởi bèn giết vợ để tỏ lòng trung với Lỗ. Được Lỗ Mục Công phong làm tướng, ông cầm quân đánh tan quân Tề. Ông có tài quân sự nhưng vô đạo, cuối đời bị quân lính nổi loạn giết chết. Tích Ngô Khởi làm sáng nghĩa câu *"Yêng hùng đức đủ mới tài lành"* (chú thích 16 ở trên).

[50] **thiên xú**: Muôn đời còn hôi thối.

[51] **Nã Phá Luân**: Napoléon Bonaparte (1769-1821) với đế hiệu Napoléon I (vua nước Pháp). Ông đánh chiếm các nước ở châu Âu và đánh sang Nga (phần lớn lãnh thổ của Nga thuộc về châu Á) nhưng thất bại.

[52] **Hạng Võ** (232-202 trước Công Nguyên): Là một vị tướng nổi dậy chống lại nhà Tần. Tánh ông hung bạo, hiếu sát. Bị Hàn Tín đánh bại, định chạy về Giang Đông (quê ông) để chiêu binh. Chạy đến bờ sông Ô Giang thì gặp đình trưởng. Đình trưởng nhắc Hạng Võ khi xưa đã dẫn 8.000 con em ở Giang Đông đi đánh trận, bây giờ chỉ còn một thân trở về, như vậy phải ăn nói thế nào với dân chúng Giang Đông. Hạng Võ ngộ ra và tự cắt đầu để đình trưởng giao nộp và lãnh tiền thưởng.

Sát chúng sanh để tạo vị ngôi
Danh kia còn phải buông trôi
Bị Hàn Tín nọ, ôi thôi rơi đầu!

Nhớ thuở nào công hầu khanh tướng
Khi thất cơ đình trưởng nhắc cho
Yêng hùng, quân tử mãi lo
Chi bằng lập chước,[54] công to cõi đời

Mở Đại Đạo khắp nơi danh vị
Khổng Tử kia đâu nghĩ thân mình
Áo tơi hài tả linh đinh [55]
Sang Tần, qua Sở tự mình thuyết ngôn [56]

Danh như thế nào chôn hiền triết
Đến hôm nay có biết chăng à?
Tổ đình [57] tạo lập Kỳ Ba
Nhơn sanh ghi nhớ ơn mà Ngài đây

Kim và cổ, ta gây bia sử
Chánh hay tà có chữ nhứt tâm [58]

[53] **kiếm báu**: Tìm kiếm vật báu.

[54] **lập chước**: Lập cách khôn khéo để thoát khỏi khó khăn.

[55] **Áo tơi hài tả linh đinh**: Áo và giày tơi tả, rách bươm trong lúc rày đây mai đó, không yên thân một chỗ.

[56] **Sang Tần, qua Sở tự mình thuyết ngôn**: Đức Khổng Tử chu du các nước, mong thuyết phục các vua chư hầu thi hành Đạo của Ngài để cho dân chúng hưởng cảnh thái bình.

[57] **Tổ đình**: Khổng Thánh Miếu của Minh Đức Nho Giáo Đại Đạo ở Trà Vinh.

[58] **Chánh hay tà có chữ nhứt tâm**: Đạo chánh hay tà là do lòng dạ sắt son, trước sau như một (*nhứt tâm*), không thay đổi trước mọi thử thách (cám dỗ, khảo đảo).

Chư hiền chớ có lạc lầm
Thiên kinh vạn quyển hỏi tầm nơi mô?

Chỉ có tu hư vô trở gót
Người chánh chơn chắt mót từ li [59]
Ngàn thu bia để sử ghi
Công dày khổ cực ta thì nặng thêm

Nhắc chữ tu ngày đêm không lãng [60]
Nhớ đến tu bia rạng sử đề
Ai người muốn trở nhàn quê
Nhớ mà nhơn đạo vẹn thề tròn xong

Nay gặp hội Nho Tông Chuyển Thế [61]
Nhắc nhơn sanh quy để lập trường [62]
Đạo Trời có một tình thương
Thương người, thương vật là thương thân mình

Nhớ Thích Ca tận tình hoán chúng [63]
Phế ngôi vàng hữu dụng đầu tròn [64]
Không màng danh vị về non
Để mà hưởng lạc mới còn hôm nay [65]

[59] **chắt mót từ li**: Góp nhóp từng li từng tí công quả, không chê là nhỏ nhặt mà bỏ sót.

[60] **không lãng**: Không xao lãng, luôn để tâm vào việc tu hành.

[61] **Nho Tông chuyển thế**: Dùng tông chỉ đạo Nho (chân truyền của Đức Khổng Tử) để thay đổi xã hội từ xấu thành tốt.

[62] **quy để lập trường**: Trở về với Đạo để lập trường dạy đạo cho dân chúng biết hướng thiện, tu hành.

[63] **hoán chúng**: Hoán cải dân chúng từ xấu thành tốt.

[64] **đầu tròn**: Cạo đầu (*thí phát*).

Nhớ đến chốn trần ai Bần tủi [66]
Mượn cơ thần [67] giun rủi xuống trần
Nhưng mà chẳng thấy ai cần
Còn ham danh lợi nhiều phần lắm ru

Thôi cam đành ngàn thu vĩnh biệt
Uổng kiếp nầy chẳng biết trở về
Ham chi ở cõi trần mê
Tiền nhiều cũng bỏ não nề kề bên

Chuông Bạch Ngọc đã rền kiểng đổ
Mà chúng sanh không độ được lòng
Buông trôi nước chảy theo dòng
Đến ngày bỏ xác, trần hồng uổng thay!

Thảm thương thế giới khắp càn khôn [68]
Dân tộc Á Âu phải lấp chôn
Mới gọi Long Hoa gần bế mạc
Ô hô! Tan tác cả linh hồn!

Giã từ tất cả Nho tông [69]

[65] **Không màng danh vị về non / Để mà hưởng lạc mới còn hôm nay**: Không màng danh vị sang cả, hưởng lạc thú trên ngai vàng mà bỏ vào rừng núi tu hành; nhờ vậy mà từ xưa cho tới hôm nay Ngài còn được đời đời kính thờ là Đấng Thế Tôn.

[66] **Bần tủi**: Bần Đạo buồn tủi (vì chúng sanh còn mê danh ham lợi, không chịu thức tỉnh nghe lời Thần Thánh, Tiên Phật lo tu hành).

[67] **cơ thần**: Ngọn cơ huyền diệu (thần diệu) làm phương tiện cho Thần Thánh, Tiên Phật ban trao chánh pháp cứu đời.

[68] **Thảm thương thế giới khắp càn khôn**: Lời Đức Nam Cực Tiên Ông báo trước về thảm cảnh của thế giới ngày sau.

[69] **Nho tông**: Tông đồ (học trò) đạo Nho, tức là môn sanh Minh Đức Nho Giáo Đại Đạo.

Nữ nam an lạc tấm lòng thanh thanh
Bảng Tiên bền chí đoạt thành
Đến ngày quy vị tài lành lai quê [70]
Non Tiên Nam Cực trở về
Xuất cơ thượng lộc, quy đề Thiên Cung.[71]

Thăng.

[70] **lai quê**: Trở về quê cũ (cõi thượng giới).

[71] **Xuất cơ thượng lộc, quy đề Thiên Cung**: Ra khỏi đàn cơ và lên lưng nai trở về Thiên Đình (Đức Nam Cực Tiên Ông cỡi nai, như hình ảnh Ông Thọ thường thấy trong cụm tượng Tam Đa).

MINH ĐỨC NHO GIÁO ĐẠI ĐẠO hình thành qua cơ bút, khởi đầu từ năm 1932 tại Ba Động, làng Trường Long Hòa, quận Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Người có công gầy dựng buổi ban sơ là tiền bối Ngô Nghiêm Sanh (thánh danh Chơn Minh Sanh), tạ thế năm 1980, đắc quả Thiên Minh Quang Bồ Tát. Cùng góp công đức gầy dựng là tiền bối Ngô Minh Bè (bào huynh tiền bối Ngô Nghiêm Sanh), đắc quả Huỳnh Quang Bồ Tát.

Trước 1975, do lịnh Ơn Trên qua cơ bút, Minh Đức Nho Giáo Đại Đạo cất Khổng Thánh Miếu ở Trà Vinh, mở hai đàn Chí Thiện (Trà Vinh) và Tân Dân (Nha Rộn, Bạc Liêu; sau dời về Sài Gòn) để Ơn Trên dạy đạo qua cơ bút.

(Theo Huệ Khải, *Hồ Biểu Chánh Xưa và Nay*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2014, tr. 57.)

HIỆP TÂM CẦU NGUYỆN

Đạo trưởng **NGÔ MINH CHÍNH** (chức sắc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài) sinh năm 1931 tại xã Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Ngài lần lượt là: Đầu Phòng Văn thánh thất Châu Long Đài (1954-1957); thọ Thiên phong Luật Sự (1957); Trưởng bộ phận Minh Tra kiêm nhiệm Đầu Phòng Văn tỉnh đạo Bình Định (1958-1972); Trưởng Ban Minh Tra thành đạo Cao Đài Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa (1973-1982); Minh Tra tại tỉnh Đồng Nai (1983-1991); hành đạo tại Trung Hưng Bửu Tòa (1992-1998); Chưởng Quản chi Thế (Hiệp Thiên Đài) kiêm nhiệm Chưởng Quản Cơ Quan Minh Tra (1996); thọ phẩm Sĩ Tải (1999); thọ phẩm Truyền Trạng, Chưởng Quản chi Pháp thuộc Tòa Pháp Chánh (2002). Đạo trưởng quy thiên ngày 27-01 Canh Tý (20-02-2020), tại tư gia ở thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Hiệp tâm cùng quý Thiên ân chức sắc, chức việc, môn sanh Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài và gia đình đạo trưởng, Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo chúng con kỉnh thành cầu nguyện Đức Chí Tôn ban hồng ân đến Truyền Trạng Ngô Minh Chính là bậc hướng đạo chân tu và là người con thương yêu của Đức Đại Từ Phụ.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

CHỈ CÓ VĂN MINH ĐẠO ĐỨC MỚI ĐEM ĐẾN AN BÌNH CHO THẾ GIỚI

TRẦN THANH TẠO

I. Nền văn minh hiện đại và thời kỳ khoa học vật chất phát triển

Trong thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21 này với sự phát triển không ngừng của khoa học hiện đại đã tạo cho loài người xích lại gần nhau hơn. Đây là thời kỳ "năm châu chung chợ, bốn biển chung nhà". Các nền văn minh được chia sẻ rộng rãi với toàn thế giới. Xin lược qua một số thành tựu mà loài người đạt được.

Công nghệ thông tin - truyền thông: Mọi người trên thế giới này đều có thể kết nối với nhau qua điện thoại, video, e-mail (thư điện tử) rất nhanh chóng thuận tiện. Hệ thống chia sẻ dữ liệu thông tin bằng công nghệ "điện toán đám mây" đưa nhân loại đến kho tàng dữ liệu vô cùng tận. Các thiết bị cầm tay như iPad, iPhone giúp ích mọi người tra cứu tài nguyên của nhân loại bất cứ nơi nào.

Y học: Khoa học hiện đại có thể ghép hoặc thay được nhiều bộ phận của con người (tim, gan, phổi...); điều trị được nhiều bệnh mà trước đây không điều trị khỏi (lao, cùi...); bác sĩ có thể chẩn đoán bệnh từ xa; công nghệ làm chi giả (*Active Bionic Prosthesis*); kỹ thuật chụp cộng hưởng từ các chức năng của não (MRI); phẫu thuật bằng robot, laser...

Địa chất: Loài người có thể khoan dưới lòng đất, lòng đại dương để khai thác tài nguyên khoáng sản. Nhật Bản vừa qua

đã khoan giếng ngầm dưới biển với tổng chiều sâu đến 7.740m.

Khoa học vũ trụ: Loài người đã sản xuất nhiều vệ tinh để đo đạc, phân tích thời tiết khí hậu với độ chính xác cao; chụp ảnh được hầu hết các nơi trên trái đất; sản xuất được phi thuyền có khả năng đi đến mặt trăng, sao Hỏa…

Khoa học sử dụng cho chiến tranh: Nhiều công nghệ cao được sử dụng trong chiến tranh như bom hạt nhân, tàu ngầm, tên lửa, máy bay không người lái, và mới đây Mỹ còn phát triển vũ khí bằng tia laser…

Vật lý hạt: Hai nhà khoa học François Englert (Bỉ) và Peter W. Higgs (Anh) đồng nhận giải thưởng Nobel Vật lý 2013 với khám phá ra hạt Higgs (*boson Higgs*), còn gọi là hạt của Chúa (*God particle*)…

Nhìn chung trong thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21 này, loài người có một nền văn minh khoa học vật chất tột bật. Tuy nhiên, nền văn minh vật chất và văn minh đạo đức không được phát triển đồng đều. Loài người đang bị cuốn hút theo nền văn vật chất trong lúc nền văn minh đạo đức bị lu mờ.

II. Nhận định văn minh hiện đại theo thánh giáo Cao Đài

1. Chỉ có nền văn minh vật chất thì không thể đem lại cho thế giới an bình, hạnh phúc.

Nguyên nhân vì sao? Đức Bạch Phụng Đồng Tử dạy:

Truy nguyên bệnh vì chưng tập quán
Vì thói hư làm loạn dân lành
Nỗi vì học thuyết cạnh tranh
Nỗi lòng chuyên chế, nảy sanh cường quyền.[1]

Khoa học hiện đại rất phát triển. Từ y học, sinh học, công nghệ thông tin, khoa học vũ trụ… đều đem lại những thành quả rất đáng khâm phục. Tuy nhiên các thành quả đó chỉ đáp ứng cho một số nhóm người chứ chưa làm cho mọi tầng lớp con người có cuộc sống hạnh phúc, an lành. Người nghèo chỉ hưởng thụ một phần rất nhỏ trong sự phát triển đó mà thôi.

+ Học thuyết cạnh tranh đang làm ảnh hưởng những thành quả của phát minh công nghệ.

Ví dụ 1: Ngành y học rất phát triển nhưng người nghèo không có tiền thì không thể mổ tim, hay thay thủy tinh thể… Hiện nay người bệnh ung thư phát hiện sớm tại Việt Nam phải điều trị tại Singapore phải trả tối thiểu trên ba tỷ đồng cho một đợt điều trị. Vậy bao nhiêu phần trăm người bệnh ung thư được hưởng nhờ thành quả y học đó?

Ví dụ 2: Nền công nghệ quốc phòng được cho là phát triển trước công nghệ dân sự khoảng hai mươi năm. Nếu tính sơ thì công nghệ quốc phòng Mỹ đi trước Việt Nam từ năm mươi đến một trăm năm. Nhưng những thứ công nghệ đó đâu đem được sự an bình cho thế giới. Tiêu diệt loạn này thì phát sinh loạn khác; dẹp được giặc này thì nảy ra giặc khác.

+ Vì tập quán, vì màu da sắc tóc, vì phân biệt tôn giáo, vì cường quyền gây nên chia rẽ, hận thù biết bao thế hệ. Mà người phải đón nhận sự đau khổ đó chính là những dân lành.

Ví dụ 3: Tại Iraq và Syria, một tổ chức Islam cực đoan đã thành hình Nhà Nước Islam (*IS: the Islamic State*). Vì phân

[1] Thánh thất Trung Thành, 15-7 Mậu Dần (10-8-1938).

biệt tôn giáo, màu da, sắc tóc mà họ thực hiện các vụ chặt đầu man rợ, những vụ giết người tập thể… gây nên biết bao đau thương, tang tóc cho những người dân vô tội.

Đức Bạch Phụng Đồng Tử than thở:

Nỗi chủng tộc chia riêng sắc giống
Nỗi liệt cường mạnh sống, yếu thua
Than ôi! Căn bệnh khôn ngừa
Nên tuồng giết lẫn sớm trưa diễn hoài.[2]

Từ văn minh vật chất đó, con người bị cuốn hút, lao vào vòng lẩn quẩn. Quanh năm suốt tháng vét hết thể lực, trí lực để tạo ra của cải, vật chất. Người người không có thời gian nghỉ ngơi, tịnh dưỡng. Rồi mê muội theo sự cám dỗ của đồng tiền, suốt cả cuộc đời lăn lộn với đống tiền của, giành giựt, chiếm đoạt để có thật nhiều tiền của mà suốt cuộc đời cũng không biết tiêu dùng sao cho hết số của cải ấy.

Ơn Trên dạy rằng thế gian là cõi tạm nhưng cũng là trường thi công quả để con người học tập, thực hành nhằm tiến hóa lên các phẩm vị thiêng liêng. Nhưng con người vì quá say mê vật chất mà quên đi đạo đức, nên suốt đời chìu lòn theo miếng mồi vật chất, đỉnh chung, danh lợi.

Đức Kim Quang Thánh Mẫu dạy:

Sóng văn minh ba đào lã chã
Nhìn chúng sanh lạc ngả lầm đường
Mấy ai biết đạo luân thường
Biết gìn dưa muối, rau tương mặn nồng.

[2] Thánh thất Trung Thành, 15-7 Mậu Dần (10-8-1938).

Hỡi chúng sanh! Chim lồng cá chậu
Kiếp mấy năm cũng dẫu tranh cường
Tang điền mà biến hải thương
Cũng vì vạn loại mến đường tà tây.[3]

Trước sự mê muội của nhân loại, Thầy dạy:

Càng trông lại, càng thôi nao nức
Biết nhờ ai đạo đức an bình
Đời ôi! Đời nói văn minh
Văn minh thêm để thêm khinh cho người.

Đời chẳng biết hổ ngươi cũng giỏi
Nghe văn minh cũng gọi văn minh
Văn minh càng lắm càng sinh
Càng sinh thế giới đao binh dẫy đầy.

Văn minh hỡi, có hay chăng nhỉ?
Văn minh sao chung thủy biệt phân. . .[4]

Tóm lại:

"*Cuối hạ ngươn nầy, nhơn loại phần nhiều dụng hết tinh thần xu hướng vào lối văn minh vật chất; món ăn sẵn đủ sơn trân hải vị; chỗ ở lại nguy nga đài các; y phục tiện dùng gấm nhiễu che thân, thậm chí ra một tấc đường vẫn có ngựa xe đỡ gót. Cái lạc thú hiện thời trên cõi tạm nầy làm cho con người mê mẩn; rồi đua chen nhau tranh giành phúc lộc; lăng xăng xạo xự trên chốn võ đài; mạnh đặng yếu thua; khôn còn dại mất. Phần đông bực thông minh, lại đem cả trí khôn làm món binh khí hại người; kẻ tước trọng thêm dùng hết thế quyền ép*

[3] Thánh tịnh Thanh Quang, 01-3 nhuần Bính Tý (21-4-1936).
[4] Thánh thất Nam Trung Hòa, 06-7 Mậu Dần (01-8-1938).

dân đen ra bạc trắng. Quanh năm cứ lo cho xác thân hưởng điều khoái lạc, vợ ấm con no, được ngày nào vui ngày nấy; cho kiếp chết là kiếp mất; gọi thiên đường, địa ngục là câu chuyện hoang đàng. Bậu bạn lỗi câu tín nghĩa, vợ chồng quên đạo tào khương; mảng vụ chữ kim thời mà phong dời tục đổi. Than ôi! Lượn sóng văn minh tràn dập tới đâu thì nền luân lý ngửa nghiêng tới đó.

Nếu Đạo Trời không sớm mở lần ba, nền phong hóa, mối cang thường sau nầy phải vì đó mà hư hoại." (Lời Tựa, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển)

2. Ơn Trên dạy phải xây dựng nền văn minh bằng đạo đức, tinh thần làm nền tảng. Thầy dạy phải xây dựng văn minh đạo đức tinh thần làm làm nền tảng thì thế giới mới được thái bình lạc nghiệp:

Văn minh hỡi, có hay chăng nhỉ?
Văn minh sao chung thủy biệt phân
Văn minh đạo đức, tinh thần
Văn minh ấy mới thiệt phần văn minh.

Văn minh đặng thái bình lạc nghiệp
Văn minh nầy đáng kiếp văn minh
Đời ôi, đời biết trọng khinh
Đời ôi, đời biết văn minh thế nào!

Đem đạo đức hô hào rải khắp
Kêu chúng sinh thất thập nhị cầu
Biết lo thức tỉnh hồi đầu
Biết tìm Đạo chánh cao sâu độ đời. [5]

[5] Thánh thất Nam Trung Hòa, 06-7 Mậu Dần (01-8-1938).

3. Trên nền tảng văn minh đạo đức mới xây dựng văn minh vật chất. Đức Phan Thanh Giản dạy:

Dụng khoa học trước gầy đạo đức
Toan đại đồng cần nhất tu thân
Khuếch trương học nghiệp canh nông
Đồng bào ai có biết không đồng bào? [6]

4. Đạo Cao Đài không rũ bỏ mà vẫn kêu gọi phát triển, khuếch trương nền văn minh vật chất. Đức Phan Thanh Giản khuyến nhủ đồng bào cả nước:

Cũng đồng sinh trong bầu Tạo Hóa
Cũng sống chung trên quả địa cầu
Người sao dân mạnh, nước giàu
Có tàu vượt bể, có tàu lên mây.

Chế máy móc dựng gầy công nghệ
Lập thương nông cứu tế quốc phòng
Nào là điện tín, phi công
Nghe xa nghìn dặm, đi không đầy giờ.

Dân tộc ta sao khờ, sao dại
Nước nhà ta sao bại, sao hư
Không nghề nghiệp, không thiên tư
Văn minh công nghệ ai chừ khuếch trương? [7]

III. Để xây dựng nền văn minh đạo đức, mọi người cần phải chịu khổ nhọc tìm kiếm, học hỏi.

Thầy dạy: "*Đã bước chân vào đường đạo hạnh mà chẳng*

[6] Thánh thất Trung Thành, 20-12 Mậu Dần (08-02-1939).
[7] Thánh thất Trung Thành, 20-12 Mậu Dần (08-02-1939).

để công tìm kiếm, học hỏi cho rõ ngọn nguồn, thì làm phận sự môn đệ như thế có ích chi cho nền Thánh Giáo đâu." [8]

Mọi người trước cần phải học để mở mang kiến thức. Trong *Nữ Trung Tùng Phận*, Đức Đoàn Thị Điểm dạy:

Học cho rộng giao thông tứ xứ
Học cho cùng xử sự ngoại lân
Học cho đúng bậc tài thần
Ưu quân ái quốc, vua cần dân nghinh.

Học cho thấu máy linh cơ Tạo
Học cho toàn trí xảo văn minh
Thâu tài hay, nhập nước mình
Làm cho dân hưởng thái bình giàu sang.

Sau khi học tập được văn minh đạo đức và văn minh khoa học thì phải đem hạt giống lành đó nhân rộng ra từ gia đình đến quốc gia và toàn nhân loại, xây dựng một thế giới đại đồng. Ấy là một nền văn minh cao cả nhất. Đức Bạch Phụng Đồng Tử dạy:

Đạo đức đủ là nền tảng đó
Nhà đại đồng nào khó dựng đâu
Quảng truyền Á, Mỹ, Phi, Âu
Đồng bào vạn quốc, năm châu một nhà.

Ai ai cũng nhìn Cha Thượng Đế
Người người đều đồ đệ Tiên Ông
Khắp cùng Nam, Bắc, Tây, Đông
Không giàu không khổ, cũng không sang hèn.[9]

[8] Chợ Lớn, ngày 23-11 Bính Dần (27-12-1926).

[9] Thánh thất Trung Thành, 15-7 Mậu Dần (10-8-1938).

Để được vậy, cái học cần thiết hãy bắt đầu từ thanh niên nhà Đạo. Đức Bạch Phụng Đồng Tử nhắn gửi:

Lời tâm huyết chạm lòng thiết thạch
Nhắn cùng ai là khách thanh niên
Ấu thơ nặng nợ bút nghiên
Nỗi cơm nỗi áo, thung huyên nhọc nhằn.

Nỗi thầy bạn tập rèn un đúc
Nỗi gia đình giáo dục sớm hôm
Những mong tài đức phi phàm
Đảm đương trách nhiệm cho kham cho tròn.[10]

TRẦN THANH TẠO
(Tam Kỳ, Quảng Nam)

[10] Thánh thất Trung Thành, 15-7 Mậu Dần (10-8-1938).

QUÊ

VÕ VĂN PHO

Hằng năm bạn còn dịp về
Ăn cơm cùng mẹ thăm quê đôi lần
Tôi nay cha mẹ mãn phần
Anh chị vắn số người thân chẳng còn
Quê xa khuất bóng hoàng hôn
Mờ sương khói bếp nhớ cồn cào thôi
Đêm sâu chưa cạn bồi hồi
Đời sông lỗi nhịp lở bồi ngẩn ngơ
Đò ngang bên đợi bên chờ
Mong chi con sóng đến giờ chưa nguôi
Mãi thì thầm vỗ trong tôi
Mùa xanh xưa ắp ngọt bùi vị quê.

ĐỨC BAO DUNG TRÊN BƯỚC ĐƯỜNG ĐỜI GIẢ TẠM

SỬ KIẾN NGUYÊN

Dòng thời gian trôi đi, đi mãi. Kiếp luân hồi vay trả, trả vay. Sanh ra đây mấy chốc rồi cũng phải ra đi, đi trên con đường vô tận. Ngưỡng cửa hoàng hôn sao mà tuyệt đẹp! Cái đẹp tuyệt trần, mà thế nhân có thể cảm nhận được trước cảnh trời chiều tịch mịch ấy. Vậy ta thử hỏi, lo hay không đáng lo? Buồn hay không đáng buồn? Tiếc hay không đáng tiếc? Buổi ra đi đâu có được gì, ngày chung cuộc chỉ đem về có một chữ tâm và công nghiệp đã gây thành cho sanh chúng.

Mảnh hình hài nhục thể do vật chất biến thành. Xác thân ta đâu phải của ta, cát bụi trả về cho cát bụi. Đó chẳng qua là chiếc thuyền đưa khách qua sông, khi đến bến bờ rồi phải rời khỏi nó, chẳng lẽ lại luyến tiếc vấn vương để chậm con đường vô tận. Con đường ấy được Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc gọi là *Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống*. Ở nơi đó không có cái ta, không có sang hèn, chỉ duy có tình thương yêu vô tận, không ăn mà sống, không mặc mà lành, linh quang tươi đẹp vô cùng.

Bây giờ ta xét thấy, những nỗi nhục vinh, những sự giàu hèn, những điều trái tai giữa cảnh đời thường phô diễn, sự phân ly trắng đen ấy mới sinh ra những tình cảnh giận hờn ghét ganh, vui buồn lẫn lộn. Chẳng qua do cái cách mà ta tiếp nó. Ngoại cảnh ta đem vào lòng, chứ không phải ngoại cảnh áp đặt lên ta, thế mới nói:

Ngoại cảnh chẳng qua rèn đức hạnh,
Chân tâm vô điểm bụi trần phai.

Nghịch cảnh giữa dòng đời, tỷ như ngày với đêm. Không vì ngày mà bỏ đêm, cũng không vì đêm mà bỏ ngày. Vì ngày đêm là một kia mà. Nếu bỏ một trong hai thì nhơn loại sẽ bị tự diệt không còn sự sống nữa. Sao ta không vui trong lý lẽ biến dời ấy, để cho cõi lòng được thanh tịch, tâm linh được nhẹ nhàng?

Ôi! Bể cả mênh mông, lòng ta mênh mông, thì buồn vui làm sao vào được cõi lòng... Tình ta bao dung, lòng ta đại lượng, thì tâm ta mới sống trong khối tình thương yêu bao la vô tận, sự thương yêu vô lượng mà Đức Chí Tôn đã đặt vào tâm mỗi người, dầu sang hèn, nghèo khổ, phú quý, vẫn đồng tánh linh thương yêu ấy. Quý lắm thay! Nhiệm mầu thay!

Minh họa: Annie Vallotton (1915-2013)

Có bao dung, đại lượng
thì mới sống thương yêu.

Ghét một việc đáng ghét, thì sự ghét ấy chỉ làm tổn hại chơn tâm. Thương một việc không đáng thương, thì sự thương ấy sẽ mở lòng đại lượng bao dung. Thế mới thấy rằng sự thương yêu là chìa khóa mở cửa Bạch Ngọc Kinh hay là

Cõi Thiêng Liêng Hằng Sống, mà Đấng Hóa Công đã dành sẵn cho con cái của người đó vậy.

Sự cản trở khó khăn trong đời sống của ta, đó là do phàm tánh của mình. Ta phải tranh đấu lắm, vất vả lắm, mới chế ngự được phàm tánh ấy. Trong phàm tánh ấy có buồn vui, hờn giận, ghét ganh, tham lam, ham muốn danh lợi quyền... Bao nhiêu đó đủ làm cho kiếp sanh của ta đắm chìm trong phiền lụy, khổ não lắm! Trên bước đường gay go ấy, nếu ta định tỉnh được lương tâm của mình, cái lương tâm ấy là đức thiên lương của Đức Chí Tôn đã ban cho, đức thiên lương thương yêu vô tận, lúc bấy giờ ta mới định được con đường tâm linh của ta giong ruổi. Mỗi ngày ta bỏ một ít tư kỷ của mình, đến khi đạt được thánh chất trọn lành. Thánh chất trọn lành ấy là điển quang giao cảm với quyền năng Tạo Đoan càn khôn vũ trụ. Quyền năng đó chỉ có một khuôn luật thương yêu vô đối. Bởi thế, khi ta định tỉnh được rồi, ta sẽ vững bước trên con đường tâm linh, chỉ duy có thương yêu vạn linh hiệp cùng Chí Linh, đó là Đạo.

Kiến độc giác linh huờn đắc đạo,[1]
Hư vô soi sáng nhuận ân Thiên.

Sóng trần mờ mịt. Những nghịch cảnh, những đúng sai, ta khó mà quyết đoán được. Vì trong cái đúng vẫn có sự sai và trong cái sai cũng có khép cầm sự đúng, không ai nhận định chính xác được. Lòng ta khoáng đạt bao dung, xét đoán một việc gì cũng không do ở tư ý, tư tâm của ta thì sự xét đoán ấy mới thật công chánh.

[1] Câu này ý nói tự mình giác ngộ mà đạt đạo.

Mọi sự việc đều bao hàm hai mặt ghét và thương. Phải chăng sự ghét thương phát sinh từ hờn giận ghét ganh hay do sự tranh đấu giữa thánh chất và phàm tánh. Đời sống nội tâm bị chia lìa từ khi sự hờn giận buồn vui đã thấm vào chơn tánh. Chỉ khi nào ta nhìn thấy minh sư nơi tận cõi lòng, chứng ngộ được chơn lý đạo đức siêu thoát, thì đời sống nội tâm ta sẽ không còn bị phân chia nữa. Thôi thì ta vui trong đạo lý siêu thoát ấy, lấy nghịch cảnh để đổi lấy đức bao dung khoáng đạt trên bước đường đời giả tạm.

Lý đạo đức thật mầu nhiệm vô cùng, ngôn ngữ ở thế gian không diễn tả hết được ý nghĩa nhiệm mầu của máy linh cơ Tạo. Chỉ có lòng ta mở, tâm ta tìm thì mới chứng ngộ chơn lý siêu thoát ấy.

Mượn ngôn ngữ để gởi khách trao duyên, không để nhằm giáo hóa lòng người, mà để thế nhân tìm hiểu cái sâu thẳm khải phát, cái mà lòng ấp ủ hoặc có sẵn nơi mình mà mình không bao giờ nhớ đến. Đạo lý thâm sâu nơi tận cõi lòng.

Bầu linh hầu đặng tiêu diêu,[2]
Thuyền từ đợi khách giải kiều để chân... [3]

SỬ KIẾN NGUYÊN
Thánh địa Tây Ninh
tiết Lập Đông năm Kỷ Hợi (2019)

[2] *Bầu linh*: Nơi chứa chơn linh. Câu này ý nói chơn linh phải tìm cách thoát vòng cương tỏa mà vui thú tiêu diêu.

[3] Câu này ý nói thuyền bát nhã (*thuyền từ*) chực chờ rước khách nguyên nhân qua cầu giải thoát (*giải kiều*) khi tự mình thoát vòng cương tỏa.

QUÃNG ĐỜI HỌC TRÒ GIAN KHỔ

Giáo Hữu **THƯỢNG CÔNG THANH**

Trong một lần về quê, qua một người cháu ở thánh thất Từ Quang (thôn Cẩm Phú, xã Điện Phong, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam), hiền huynh Đỗ Phú Công được một đồng tử chấp bút để giúp huynh thọ ân điển Thiêng Liêng. Vào Tuất thời ngày 02-3 Tân Mão (Thứ Hai, 04-4-2011), có Đức Bạch Phụng Đồng Tử báo đàn, sau đó Đức Cao Đài Giáo Chủ giáng lâm. Thầy ban ơn cho hiền huynh như sau (trích):

CÔNG con ơi, đời nguy lắm khổ
Con vào đời là độ chúng sanh
Cầm cương quyền pháp nguồn lành
Độ sanh, độ tử phải hành cho xong.

Đời của con cuồng phong bao trận
Trải bao phen số phận đau thương
Một thân dãi nắng dầm sương
Một tay chèo chống buồm trương lái lèo.

Trải bao cảnh khổ nghèo kiếp sống
Trải bao phen gió lộng điên nguy
Gia đình con gặp thời suy
Mà con còn lắm nỗi gì phân vân.

Những câu thánh thi trích lại trên đây hoàn toàn đúng với cuộc đời Đỗ hiền huynh từ buổi ấu thơ cho đến khi trưởng thành. Đạo Uyển xin trích đăng một phần hồi ký (bản thảo tháng 11-2014) của Đỗ hiền huynh để chia sẻ với quý bạn đạo quãng đời học trò gian nan, khổ nghèo của hiền huynh.

Tôi sinh ngày 08-8 Quý Mùi (Thứ Ba 07-9-1943) tại làng Kỳ Lam, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, trong một gia đình Nho Giáo. Ông nội mất lúc cha tôi mới lên năm tuổi. Bà nội tần tảo nuôi hai con đến tuổi trưởng thành thì chú tôi mất. Cha tôi có vợ sớm và có nhiều con (bảy trai, một gái).

Tôi lên tám thì cha tôi cho tôi đi giữ trâu nhà ông Hương Hồi. Một buổi nọ trời dông, sét đánh, trâu chạy mất. Tôi khóc lóc, chạy về nhà vì sợ mất trâu. Rồi còn những ngày khác, tôi lo sợ chủ rầy vì cắt cỏ không đủ cho trâu ăn. Tôi kể với mẹ tôi và mẹ tôi cũng khóc theo, rồi mẹ quyết định cho tôi ở nhà.

Tôi đi học chữ quốc ngữ với ông Hương Lương (Giáo Hữu Ngọc Cang Thanh) và ông Phó Cầu (Đỗ Phú Cầu). Đến khi đình chiến (1954), trường Kỳ Lam mượn được nhà thờ họ Trần để mở lớp dạy học. Tôi học lớp Năm (nay là lớp Một) đến hết lớp Tư (nay là lớp Hai) thì trường cộng đồng Dẫn Đạo Kỳ Lam được tỉnh xây dựng khang trang. Tôi thi vào đỗ, và học lớp Ba ở đây. Lúc đầu còn khó khăn, học chỉ ở mức trung bình; nhưng năm sau và năm kế tiếp, hằng tháng tôi đều có tên trên bảng danh dự.

Hết bậc tiểu học, tôi đành ở nhà vì không có điều kiện tài chánh. Cha tôi gởi tôi ra Đà Nẵng để học nghề gò thùng với

người bác trong họ; khi đi chỉ vỏn vẹn hai cái quần đùi và một cái áo sơ mi. Tôi làm việc rất vất vả. Sáng dọn hàng ra, tối dọn hàng vào. Ăn cơm xong, tắm giặt cái quần, mong trời đừng mưa, mai mới có quần mặc. Còn áo thì để dành, phơi mình ra nắng gió. Học nghề mới ba tháng, tôi trốn về vì nhớ cha nhớ mẹ, nhớ đàn em. Mặc cha tôi la rầy, tôi vẫn không đi Đà Nẵng nữa, ở nhà làm ruộng.

Một năm sau, mở trường Nguyễn Duy Hiệu cách làng chừng bảy cây số. Tôi xin đi học lại, học phí thì có anh Ba (con người dì) giúp. Tôi rất cố gắng, mặc dù phải đi bộ hằng ngày. Sách vở không đầy đủ và phải lo công việc nhà, nhưng năm nào tôi cũng lên lớp.

Kỷ niệm đáng nhớ trong đời tôi là một lần đi hái dâu ở biển Long Hội, khi nghe tàu lửa hụ mà dụt (giỏ) dâu chưa đầy, tôi khóc nức nở. (Tàu đến ga Kỳ Lam đúng 10 giờ 30, cất tiếng hụ trước khi chạy tiếp vào Sài Gòn.) Bà Sinh đi qua hỏi: "Chuyện gì con khóc?" Tôi nói: "Thưa bà, cha con giao nhiệm vụ cho con là phải hái đầy dụt dâu mới được về đi học. Hôm nay trời có gió bấc nên dâu héo, con hái không đủ. Về trễ, không đi học kịp; còn về sớm thì sợ cha không cho đi học nữa, nên con tủi mà khóc." Thế là bà kêu mọi người tới hái phụ cho tôi, chẳng bao lâu dụt dâu đã đầy. Tôi về, vừa đi vừa chạy cho kịp giờ học. Lúc ấy, từ đâu bay đến một tờ giấy, tôi nhặt rồi đem về đọc, thấy có hai bài thơ thất ngôn bát cú như sau:

- Bài thứ nhất nhan đề là *Thương*.

Thương vì oan nghiệt của trần gian
Thương thấy đạo mầu chẳng hỏi han
Thương Chúa giáng lâm ai rõ biết
Thương đời chấp trứ (1) *lại nguy nàn*
Thương tài cứu thế người chê bán
Thương phép huyền linh chúng chẳng màng
(. . . . . quên câu 7 . . . . .)
Thương nên ta phải hết lời than.

- Bài thứ hai nhan đề là *Tiếc*.

Tiếc ai chẳng biết nghĩ lo xa
Tiếc mối đạo tâm khó kiếm mà
Tiếc ít kẻ tìm kinh bạch tự (2)
Tiếc người chẳng biết nước ma ha (3)
Tiếc linh đơn đặng,(4) *không ai luyện*
Tiếc đạo tiên thiên học chẳng già (5)
Tiếc mối mộng trường như chớp nháng (6)
Tiếc hồi sắp đến Hội Long Hoa.(7)

Đạo Uyển chú thích:

(1) **chấp trứ**: Chấp trước, bám chặt vào điều gì, cứ cho đó là thật.

(2) **kinh bạch tự**: Kinh vô tự, tức là đạo pháp vô vi, tâm pháp đại thừa.

(3) **nước ma ha**: Ám chỉ đạo pháp diệu huyền, mầu nhiệm, có công năng cứu giúp con người giải thoát.

(4) **linh đơn đặng**: Có được linh đơn (thuốc vô cùng hiệu nghiệm). Ý nói thân thể con người có sẵn "dược liệu" để chế tạo thành linh đơn; tức là con người có sẵn âm dương, ngũ hành, v.v… trong cơ thể để tu luyện cho thành đạo quả, thoát luân hồi sanh tử.

(5) **học chẳng già**: Học không tới mức độ thành thạo, thuần thục.

(6) **mộng trường như chớp nháng**: Cõi mộng (*mộng trường*, thế gian) rất ngắn ngủi, ví như tia chớp vừa nháng lên liền lặn tắt.

(7) **Tiếc hồi sắp đến Hội Long Hoa**: Tiếc cho người không tu nên bị loại ra ngoài Hội Long Hoa sắp mở màn.

Qua những lần đám giỗ ở gia đình, tôi thích thú nghe những bài kinh Cao Đài, nhưng có thì giờ đâu mà đọc. Vả lại sách cũng chẳng có bao nhiêu. Đạo hữu chép kinh hoặc thánh ngôn, thánh giáo, bảo quản tốt, chuyền tay nhau. Người thân thích mới cho mượn. Khi đọc, họ mặc áo quần tử tế.

Tôi đến thánh tịnh Thanh Quang (lúc ấy còn mượn nhà bác Hương Ba) nhưng chỉ đứng ngoài cửa nhìn vào, hễ thấy cha tôi thì lật đật chạy về. Hình như lúc bấy giờ có quan niệm lớn tuổi mới tu, đàn ông đi thánh thất nhiều hơn đàn bà.

Đầu năm 1963, trường trung học Kỳ Châu mở. Lúc ấy tôi đã học đến Đệ Tứ (lớp Chín bây giờ). Tôi về học ở đây, cách nhà hai ba cây số. Mỗi lần đến trường đều đi ngang qua thánh tịnh Thanh Quang (thánh tịnh đang xây dựng ở địa điểm khác hơn nhà bác Hương Ba). Tôi thường vào đó chơi và nghe kinh. Một bữa nọ tôi vụt chạy về nhà, gặp ông Hương Chính đón lại hỏi: "Việc gì con chạy?''

Đỗ Phú Công
học sinh lớp đệ Thất

Tôi trả lời: "Thưa ông, tôi muốn vào chùa để nghe kinh học đạo nhưng sợ cha tôi vì ông nói con nít mà tu hành cái gì, chỉ biết học biết làm. Nếu ông biết được, ông sẽ bắt tôi nghỉ học, nên tôi thấy cha là bỏ chạy."

Không biết ông Hương Chính nói với cha tôi thế nào mà thời gian sau ông bảo: ''Con muốn đi chùa thì cứ đi."

Được ông Hương Chính và cậu Ngân dẫn tấn, tôi nhập môn vào ngày 01-8 Quý Mẹo (Thứ Tư 18-9-1963), trước khi thánh tịnh Thanh Quang khánh thành mười tám ngày.

Sau ngày khánh thành thánh tịnh, tôi bị sốt rét đến cùng độ, thuốc thang không hết. Tôi nói với cha tôi: "Cha lên nói với bác Hương Ba xin *Bác Tế Tiên Phương* [8] cho con uống, chứ con chịu không nổi."

Cha tôi nói: "*Bác Tế* hết gì mà xin!"

Mẹ tôi nói: "Con nó muốn như vậy thì ông cứ đi."

Cha tôi đến thánh thất cầu xin, chẳng những không có thuốc mà còn bị Ơn Trên quở qua bốn câu thánh thi:

Việc gì lại hỏi Lão Tiên
Bởi lòng nghi tín không tin phép mầu
Tu hành trước phải lo âu
Linh đơn cứu thiện hồi đầu [9] *sẽ trao*.

Vài hôm sau, ông Lễ Mười (Lễ Sanh Ngọc Bá Thanh) đến hỏi thăm. Cha tôi trình bày sự việc và ông khuyên nên cầu

[8] ***Bác Tế Tiên Phương*** 博濟仙方 (*Thuốc tiên cứu độ rộng khắp*) do Đức Lữ Tổ (Lữ Động Tân) ban cho. Thời xưa, ở Quảng Ngãi, có Giáo Hữu Phổ Thông Nguyễn Chơn Long (Cơ Quan Truyền Giáo Cao Đài) dịch *Bác Tế Tiên Phương* ra quốc ngữ. Về sau tiền bối đổi tên là Nguyễn Minh Đạo, dạy học tại trường trung học Hưng Đạo, và trường Nguyễn Dục ở Tam Kỳ.

[9] **hồi đầu**: Quay đầu lại, ý nói trước khi thỉnh thuốc tiên phải sám hối vì trót thốt lời vô lễ, không tin thuốc Đức Lữ Tổ ban cho.

nguyện vài hôm, rồi đến xin lại. Quả thật, lần sau cha tôi xin được thuốc và tôi hết bệnh cho đến bây giờ.

Hồi đó, mỗi kỳ thi trung học chỉ đậu khoảng 25%. Mỗi năm có hai kỳ thi. Kỳ thứ nhất vào khoảng tháng 6, kỳ thứ hai vào khoảng tháng 8. Ai không đậu kỳ một có thể thi kỳ hai. Tôi đậu kỳ một nhờ học bài tốt. Tôi học bài đến nỗi ngủ quên trên bàn học, để quyển tập gần cây đèn. Đèn ngã, dầu cháy hết mấy tờ giấy. Ngọn lửa liếm vào tay mới biết.

Việc tu hành của tôi cũng rất tốt. Tôi thường mượn thánh ngôn, thánh giáo của quý ông ở thánh thất về chép. Có khi đạo hữu nhờ tôi chép. Tôi giữ cu cu [10] những bài tôi chép được, thế mà không biết ai mượn rồi làm mất. Tới nay tôi còn tiếc.

Có lần đi học về tôi nghe dưới hàng tre có tiếng giãy giụa của những con cá sau cơn lụt còn kẹt lại ở chỗ đất trũng (vì người ta gánh đất đắp nền nhà). Tôi vào nhà lấy đôi thùng gánh nước ra bắt chúng nó rồi đem ra sông thả. Buổi chiều đó gió mát, nước xanh biếc, sóng vỗ rì rào, tôi lẩm nhẩm đọc bài kinh cầu nguyện Phước Thiện,[11] xong rồi thả cá xuống. Thật là thú vị khi thấy các con cá bơi tới bơi lui, lặn lên lặn xuống không chịu bơi xa, mặc dù mặt nước sông Thu Bồn rất rộng. Có lẽ chúng bày tỏ một lời cảm ơn chân thành nhất đối với tôi.

[10] **giữ cu cu**: Tiếng địa phương, nghĩa là giữ khư khư, giữ rất kỹ.

[11] **kinh cầu nguyện Phước Thiện**: Kinh của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, gồm ba mươi bốn câu lục bát, mở đầu (câu 1-2) và kết thúc (câu 33-34) giống nhau: *Lòng thành khẩn nguyện Thiên Nhan / Thương con Thầy đến bảo toàn khai nguyên.*

Ngày 19-8 Quý Mão (Chủ Nhật 06-10-1963) khánh thành thánh tịnh Thanh Quang. Tối đó có đàn cơ, tôi trộm vào hầu đàn. Bài thánh giáo tôi còn nhớ rõ:

Cái công cái tội đã bù xong
Thiên hạ đang chờ một lối thông
Cổ với kim đừng cho phải lệch
Phật Trời ban phước phải nơi lòng.

Hay:

Giữa cơ đạo bâng khuâng bất nhứt
Giữa lòng người tiêu cực ngược xuôi
Chợ đời chưng dọn đủ mùi
Ai tham danh lợi mê vui bể trần

Cơ khảo thí có phần gay gắt
Quỷ ma toan dẫn dắt lộn đường
Mặc lòng như ngựa không cương
Pháp quyền buông thả không tường trắng đen

Mà nơi đây vườn sen chớm nở
Còn là đà chưa vượt lên cao
Ơn Thầy thưởng chút công lao
Gắng thêm lên nữa sẽ vào Long Hoa.

Hay:

Toàn cả Thiên ân cả đạo mầu
Nương nhờ quyền pháp hãy bình an
Sống còn giữ trọn nhơn và nghĩa
Tu học để rồi độ thế gian.

Sau khi đậu trung học đệ nhất cấp, tôi ra Đà Nẵng học tiếp. Học phí cũng do ông anh đài thọ như cũ, còn ở thì nhờ nhà

bác bà con trong họ, có tính cách gởi gạo (có gì ăn nấy). Hằng tuần mỗi chiều Thứ Bảy tôi đạp xe về nhà, và chiều Chủ Nhật đạp xe chở gạo ra. Tội nghiệp cho dì tôi, lần nào cũng đến phụ xay lúa, giã gạo, sàng sảy để kịp có gạo cho tôi chở đi. Nhiều lần không làm kịp hoặc hết lúa không có gạo chở đi, tôi rất buồn bởi vì kiếm được cái chữ đối với tôi rất khó. Mỗi bữa ăn có mặt thì ăn, không có thì thôi, cho nên có lần tôi phải chịu đói. Tuổi trẻ sáng trưa không ăn nên có lúc tôi đói xỉu, phải qua nhà kế bên nằm luôn, đành nghỉ học một buổi.

Nhà bác tôi chật và buổi chiều bán sữa đậu nành tới 11 giờ đêm. Tôi dọn dẹp rồi bác mới đi ngủ. Đợi bác say giấc, tôi mới trải chiếu dưới hiên nhà để ngủ. Rồi có lần ngồi học bị bác rầy: "Vặn cái đèn cháy lớn, hết dầu." Tôi buồn và lo, vì sợ mích lòng, bác không cho ở thì biết ở đâu. Ai đời cái đèn trứng vịt thì có sáng là bao mà phải hạn chế. Nên từng đêm tôi ra ngồi dưới gốc trụ điện, nhờ ánh sáng mà học.

Năm Giáp Thìn (1964) lụt lớn, mùa màng mất hết, nhà sụp cây trôi, súc vật chết ngổn ngang. Tôi đi bộ về nhà (cách Đà Nẵng khoảng ba mươi cây số) cùng với một số người bạn khác, men theo lộ giới đường rầy xe lửa. Nhờ biết lội nên đoạn đường nào sạt lở chỉ có nước mênh mông thì chúng tôi lội bơi qua.

Đi từ 6 giờ sáng đến 2 giờ chiều mới tới ga Kỳ Lam. Từ ga về nhà tôi phải đi thêm một khoảng đường độ tám trăm mét. Cả nhà hoảng hốt vì nước trong nhà cao đến một mét. Rất may là cả nhà bình yên.

Sau đó nước từ từ rút ra, để lại một lớp bùn dày khoảng nửa mét. Nhà cửa, cây cối, đường sá chỉ thấy toàn là bùn. Tất cả người dân đều lo dọn dẹp, làm sạch bùn trong nhà, ngoài vườn, rồi sau mới đến đường xá.

Khi nước rút ra hết (chảy ra sông ra biển, người dân gọi là nước giựt) thì những trận mưa to hạt làm cho bùn tan ra và chảy đi, gọi là mưa dội bùn. Thời gian khá lâu mới hết.

Nghe nói trong trận lụt này những người ở vùng cao và ven sông chết rất nhiều, nhà cửa súc vật trôi ra biển vô số. Tôi nghe kể lại, có gia đình cả nhà ngồi trong nhà thay phiên nhau kêu cứu khi nước cuốn cả nhà đi, nhưng chẳng ai dám ra cứu vì nước lớn và chảy xiết, nên đành để gia đình đó trôi ra biển cả.[12]

Vịt heo gà chới với lẫn trâu bò
Dòng nước bạc đưa người về tử lộ.

Sau trận lụt, súc vật chết nằm la liệt, bốc lên mùi hôi thối khó tả. Đúng như câu thánh giáo mà đầu năm Ơn Trên đã dạy tại Trung Hưng Bửu Tòa:

---

[12] Trong nạn lụt năm 1964 ở Quảng Nam, theo Sở Nông nghiệp tỉnh Quảng Nam thì có khoảng sáu ngàn người chết. Theo nhà thơ Tường Linh (tên khai sinh Nguyễn Linh, sinh ngày 12-12-1931 tại làng Trung Phước, huyện Quế Sơn, nay là Quế Trung, Nông Sơn, Quảng Nam) thì có khoảng bốn ngàn người chết. Về nạn lụt năm Thìn này, Tường Linh viết bài thơ có đoạn:

Không còn gì nữa cả
Không còn gì nữa cả em ơi!
Một tháng quê hương không bóng mặt trời
Một tháng quê hương mưa gào gió thét
Đất Quảng thân yêu người người rên xiết
Sáu mươi năm lại đến họa năm Thìn
Thảm nạn này biết thuở nào quên!

Một góc miền Trung trong nạn lụt năm 1964. *Ảnh tài liệu*.

Hội An (Quảng Nam) trong nạn lụt năm Thìn (1964). *Ảnh tài liệu*.

Nam nữ sinh viên ở Sài Gòn gói bánh chưng, bánh tét cứu trợ đồng bào nạn lụt miền Trung. *Ảnh tài liệu*.

Các em hướng đạo sinh lạc quyên trên đường phố Sài Gòn góp phần cứu trợ đồng bào nạn lụ miền Trung 1964. *Ảnh tài liệu.*

Nên ghi nhớ thu sang đông lại
Khắp đó đây như bãi trường sa.

Từ các tỉnh trong Nam, đặc biệt là sinh viên Quảng Nam ở Sài Gòn, khởi xướng chương trình về miền Trung cứu trợ. Họ đến nơi dọn vệ sinh, giúp đỡ gạo, mì ăn liền, thuốc men, áo quần, mền, chiếu... Sau đó nhiều phái đoàn cứu trợ quốc tế vào cuộc.

Trường Sao Mai là tư thục của người Công Giáo. Họ cũng giảm học phí cho những học sinh nghèo ở thôn quê bị lụt có xác nhận của chính quyền. Tôi làm đơn gởi vào được giảm 20%. Thấy ít quá, tôi sửa 40%. Lên Văn Phòng họ không chịu vì thấy ai cũng 20% và chữ tôi sửa. Tôi nói chữ sửa là của thầy hiệu trưởng. Thầy hiệu trưởng (linh mục Giuese Lê Văn Ấn) tình cờ đi ngang qua nghe vậy, bảo tôi vào văn phòng thầy.[13]

Sau khi xem xét đơn thầy nói: "Xét giảm ở đơn này là thầy Huỳnh (phó hiệu trưởng) chứ không phải thầy. Mà thầy Huỳnh chỉ cho giảm 20% thôi."

[13] Linh mục Giuse Lê Văn Ấn sinh tại quận Bồng Sơn, tỉnh Bình Định (1916). Qua Rôma du học (1938). Được truyền chức linh mục (1944), tốt nghiệp tiến sĩ Thần Học tại Rôma. Sau đó tốt nghiệp cử nhân Xã Hội Học ở Pháp và qua Anh nghiên cứu một năm. Về nước (1948), làm cha sở giáo xứ An Ngãi (Quảng Nam). Thăng chức chánh xứ Đà Nẵng, và hạt trưởng Đà Nẵng (1956). Sáng lập và làm hiệu trưởng trường trung học tư thục Sao Mai (1963) là một trong những trường lớn ở Đà Nẵng. Được tấn phong giám mục tại nhà thờ chánh tòa Đà Nẵng (09-01-1966), chấp chánh giáo phận Xuân Lộc mới thành lập (13-01-1966) cho tới khi về với Chúa (1974).

Tôi đáp: "Thưa thầy, thú thật nhà con khổ quá. Không biết tháng sau còn tiền đóng học phí nữa không, nên con tự động sửa. Mong thầy thứ lỗi cho con cho học hết tháng này."

Thầy hỏi quê tôi và hoàn cảnh rồi viết trong đơn: "Từ nay trở đi trò Công được giảm 50% học phí." Tôi thực sự rất mừng và từ đó về sau tôi chỉ đóng học phí phân nửa. Nhờ học phí đóng phân nửa nên tôi có phần thư thả.

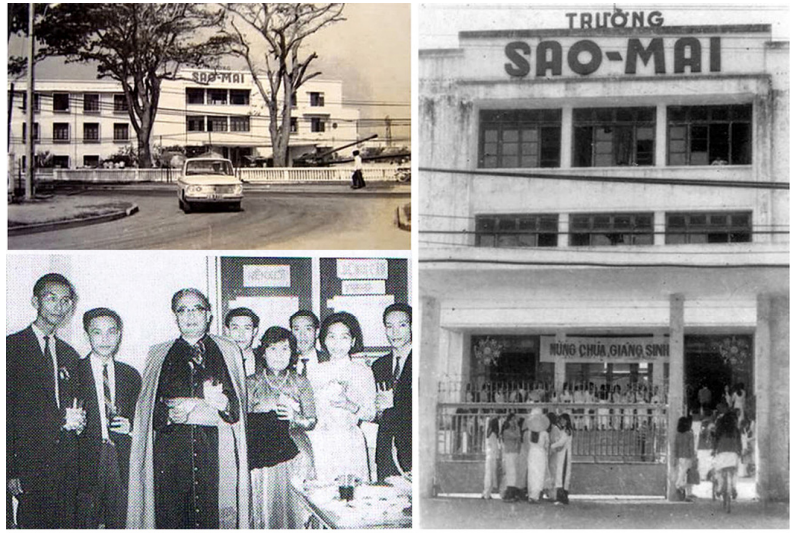

Linh mục Giuse Lê Văn Ấn (hiệu trưởng) và một số giáo chức trường trung học tư thục Sao Mai ở Đà Nẵng. *Ảnh tài liệu*.

Hằng ngày, tôi ăn cơm tại quán cơm từ thiện do Hội Khuyến Học Đà Nẵng mở ở đường Độc Lập (nay là đường Trần Phú). Thức ăn thì mình trả tiền, còn gạo và người phục vụ thì Hội Khuyến Học lo. Muốn ăn phải có thẻ học sinh và mua phiếu trước. Đến giờ quy định thì đưa phiếu, lấy một

mâm cơm cá nhân ra ăn. Cơm và nước mắm tự do, hễ hết thì lấy thêm. Cũng có anh em hoàn cảnh như tôi, hai đứa mua chung một phiếu, lợi dụng lấy cơm và nước mắm ra ăn. Nhờ gạo ngon nên dẫu ăn cơm với nước mắm vẫn thấy ngon. Ở nhà quê mà được như thế cũng phúc lắm rồi.

Có lần tôi bị giám thị hỏi: "Tại sao hai cậu chỉ có mua một phiếu mà hai người ăn? Ở đây không có tiêu chuẩn đó." Chúng tôi năn nỉ, trình bày hoàn cảnh lụt lội ở thôn quê. Giám thị thông cảm và đôi khi còn đem thức ăn cho chúng tôi nữa.

Dù cố gắng nhưng kỳ thi tú tài thứ nhất tôi không đậu. Nghe lời của anh Dương Văn Long, tôi cùng anh Phan Minh Khóa và Trần Văn Thức lên bãi cát ở ngã ba Cai Lang (bây giờ đối diện công viên 29 Tháng 3) cất một cái nhà mà vật liệu do anh Long cung cấp, chở từ quê ra, để bốn anh em đồng học quyết đạt cho được bảng vàng kỳ thi thứ hai. Nhưng kỳ thi tú tài này ban B (toán) quá khó, tôi và anh Khóa hỏng, anh Thức và anh Long học Ban C (văn) đậu. Tôi mất đức tin vào lá thăm Khổng Minh, xin ở thánh tịnh Thanh Quang:

Cửa Trời treo bảng đề danh
Còn treo giá học, còn dành phần Tiên
Âm vang ngựa thét ven miền
Thu sang ào ạt tiếng truyền lộc minh.

Tôi buồn và học nhiều quá nên sinh bệnh, được bạn bè chở vào bệnh viện Đà Nẵng, nằm khu nhà thương thí để chữa trị. Nhà thương thí chữa trị không lấy tiền. Trong lúc đang nằm ở đó thì được tin báo tôi và anh Khóa đồng đỗ tú tài đặc biệt kỳ này vì nhà nước ưu tiên vớt thêm một điểm cho thí sinh ở vùng bị lũ lụt. Tự dưng tôi thấy khỏe.

Ở quê lúc bấy giờ đỗ trung học cũng hiếm chứ đừng nói gì đến đỗ tú tài. Tội nghiệp chú Hương Luyện nhà kế bên, khi nghe tin tôi đỗ đạt, chú không nhịn đựng sự vui mừng mà la lên cả xóm đều biết: "Thằng Công đỗ tú tài rồi, bà con ơi!" Vì vậy, khi tôi nằm bệnh viện, nhiều người âm thầm giúp cho cha mẹ tôi có tiền đóng viện phí, ra vào nuôi nấng cho tôi qua cơn bệnh ngặt nghèo.

Nhiều người đến thăm và bàn với cha mẹ tôi: "Cháu đã đỗ tú tài. Anh chị nên chạy chữa lo cho cháu, sau này mà nhờ."

Cha tôi về quê mấy hôm sau ra lại và tôi được chuyển xuống khu nhà thương hạng (có lấy tiền). Ở nhà thương hạng thuốc men đầy đủ, song ăn uống thì mình tự lo. Còn ở nhà thương thí thì có các hội từ thiện tài trợ nên được ăn uống miễn phí. Tôi nằm ở đó gần ba tháng, chủ yếu là bạn bè đến thăm.

Tôi nhớ có một lần vào buổi chiều ngày 16-8, tôi nghe tiếng gọi: "Anh Đỗ Phú Công nằm ở đâu? Có người đến thăm." Tôi lật đật ngồi dậy và y tá chỉ vào hai chị mặc áo dài trắng đang đi đến. Hai chị hỏi: "Em là Đỗ Phú Công hả?"

Tôi dạ. Mẹ tôi hỏi: "Xin lỗi các chị ở đâu mà tôi không biết."

"Vâng, tôi ở Cơ Quan Nữ Phái Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài. Ngày hôm qua Vía Đức Mẹ, được tin em Công bệnh, các chị cử chúng tôi đến thăm."

Sau này mới biết đó là chị Trần Thị Phúc và chị Trần Thị Lộc, đều tu giải thoát ở Hội Thánh.

Còn một kỷ niệm đáng nhớ khác trong đời tôi. Lúc ở bệnh viện thì có một cô bạn đến thăm người thân, đồng cảm với hoàn cảnh nên thường lui tới giúp đỡ tôi. Tôi đón nhận và chịu ơn người này. Trong lúc không ai nương tựa, có người giúp là điều vô cùng quý. Khi vào Sài Gòn, tôi bệnh nằm ở bệnh viện Chợ Rẫy, cô cũng từ Đà Nẵng vào thăm, và kỳ đau thập tử nhất sinh cũng có cô vào thánh thất Trung Hiền để thăm. Cô nhỏ hơn tôi một tuổi, ngoại hình đẹp, sao chẳng nghe nói gì đến việc thành lập gia đình. Khi ở Đà Nẵng, về tình cảm thì tôi chẳng quan tâm, chỉ lo học và thường mặc cảm cho hoàn cảnh.

Có lần thầy giáo giới thiệu tôi đi kèm học sinh lớp đệ Tứ (dưới tôi hai lớp) là cô Nguyễn Thị Thuận ở đường Tú Xương, con gái của Phó Thị Trưởng Đà Nẵng. Gia đình cô giàu có, đối đãi với tôi quá tử tế. Trước khi dạy, tôi được ăn cơm với cô ta một bữa ăn thịnh soạn. Khi học thì phòng ốc, nước uống nói chung là đầy đủ tiện nghi. Tôi dạy được một tháng thì nói với thầy xin được nghỉ dạy vì cô đẹp mà ở trên lầu cao chỉ có tôi và cô, sợ mình không làm chủ được, mất danh dự của thầy.

Khi ra Đà Nẵng tôi ít đến Hội Thánh vì không quen người nào ở đó. Một bữa nọ, anh Trần Văn Thức (cùng học ở quê với tôi) chỉ anh Dương Văn Long đang ngồi uống nước ngoài cổng trường Sao Mai cách tôi khoảng ba mét, nói: "Thằng đó cũng đạo Cao Đài với mình." Sau đó, anh Dương Văn Long đến rủ tôi về Hội Thánh hằng tuần vào sáng Chủ Nhật. Từ đó, tôi mới quen với môi trường sinh hoạt và trở thành ủy viên Chi Đoàn Thanh Niên Hưng Đạo Đại Đồng Xã (do anh Trương Công Bán làm chi đoàn trưởng) cho đến khi vào Sài Gòn. ■

ĐẾM TUỔI

Bảy mươi, ừ bảy mươi rồi
Bao nhiêu xáo trộn một thời đã xa
Thân như lỡ bước chiều tà
Hồn mang nặng bóng quê nhà xa xôi
Bảy mươi, ừ bảy mươi rồi
Nhìn ra bốn phía nói cười loanh quanh
Tin yêu như lá lìa cành
Thấy người ngồi đó buồn xanh xao đời
Bảy mươi, ừ bảy mươi rồi
Chiều nay sao nhớ lại thời thanh niên.

TRẦN THIÊN HỒNG (*Bạc Liêu*)

GIÃ BIỆT BẠN HIỀN

Thì thôi, quán trọ trần gian
Người đi dẫu để muôn vàn nhớ thương
Biết bao nhiêu nỗi đoạn trường
Chơi vơi, hụt hẫng nẻo đường vợi xa
Thì thôi, cửa sổ ngựa qua
Dẫu còn đây những nhập nhòa khói sương
Cõi này dẫu lắm vấn vương
Chốn kia thăm thẳm dặm trường biệt ly
Thì thôi, thanh thản người đi
Ngày giờ giã biệt, thôi thì vậy thôi
Quê xưa người trở lại rồi
Vĩnh hằng chốn cũ, an ngôi vị mình.

ĐỖ THỊ KẾT

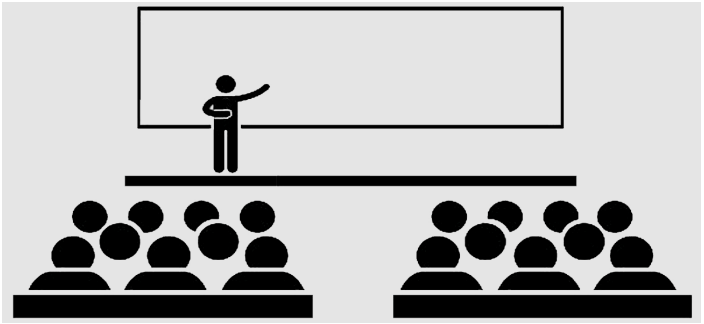

GIỜ RA CHƠI

HÀ NHƠN

Tân chia xấp bài đã chấm điểm ra làm ba phần, giao cho ba nam sinh ngồi đầu ba bàn trên cùng. Ba em đứng phắt dậy, đón lấy xấp bài bằng hai tay, rồi bước ra khỏi băng ghế, lần lượt nhìn họ tên ghi trên tờ giấy mà hoàn lại cho bạn ở từng chỗ ngồi. Không mấy chốc số bài làm đã được nhận lại hết, ba em mau mắn trở về bàn của mình. Tân mỉm cười quan sát học trò lao xao đọ điểm lẫn nhau; đứa cười vui, đứa chau mặt, đứa vò tóc ra vẻ tức tối vì mắc lỗi bị thầy trừ điểm…

Độ chừng các em đã xem lại bài xong xuôi, Tân đứng trước bảng, vừa vỗ tay chậm chậm mấy tiếng đủ to, vừa đưa mắt nhìn khắp cả phòng học. Đã quen hiệu lệnh của thầy, một số em ngồi bàn đầu cũng vỗ tay lặp lại như vậy. Nhanh chóng, cả lớp vãn hồi trật tự và yên lặng. Muốn biết có trò nào thắc mắc về kết quả bài làm hay không, Tân vui vẻ hỏi:

- *Any questions, please?*

Một cánh tay giơ lên. Tân mở bàn tay phải để ngửa ra, làm cử chỉ mời cậu húi cua ngồi dãy giữa, đầu bàn thứ hai. Hải liền đứng dậy. Trọn câu tiếng Anh dịch ra tiếng Việt bị thầy gạch luôn một lần bút đỏ dài ngoằng mà chẳng sửa gì hết nên cậu không hiểu mình sai chỗ nào. Bởi vậy, Hải hỏi:

- *Sir, I don't understand! What's my mistake?*

Tân dạy lớp Mười toàn con trai, tiếng Anh là sinh ngữ một. Anh luôn khuyến khích học trò thực hành nói những câu đơn giản. Khi giảng bài, anh hạn chế dùng tiếng Việt; trừ lúc dạy ngữ pháp và luyện dịch thì mới dùng tiếng Việt dẫn giải tỉ mỉ cho học trò hiểu bài thật rõ.

Bước xuống bục gỗ, Tân đi tới bàn của Hải và cầm lấy bài, xem lại chỗ cậu thắc mắc. Hải là học trò giỏi, bài làm hầu như hoàn hảo, trừ phần ứng dụng dịch câu văn dạng bị động (*passive voice*), và Tân cố ý chấm bài như vậy để khiến Hải "ức" mà sẽ nhớ lâu lỗi sai.

Tân mỉm cười trở lại bục, đứng trước bảng, yêu cầu Hải đọc lớn câu dịch bị thầy gạch bỏ cho cả lớp cùng nghe, và anh chép nhanh câu đó lên bảng: *Ruộng đồng ở làng tôi bị tàn phá bởi bom đạn.* Tân lẳng lặng cầm mẩu phấn màu, gạch chéo chữ *ở* và chữ *bởi*, khoanh tròn hai chữ *bom đạn*, rồi vẽ mũi tên "dẫn" nó về chỗ trống nằm giữa *bị* và *tàn phá*. Xong, anh bước đến bàn thầy giáo đứng, để trống trải nguyên không gian trước tấm bảng cho cả lớp dễ nhìn rõ, dễ chú ý.

Có mấy ngón tay chỉ trỏ lên bảng, vài cái miệng xì xào bàn tán. Hải nhìn thầy, cười có vẻ ngượng nghịu rồi ngồi xuống sau khi xem câu dịch thầy vừa sửa: *Ruộng đồng làng tôi bị bom đạn tàn phá.*

Vẫn đứng tại bàn, Tân gõ gõ lên mặt gỗ cộp cộp mấy tiếng. Cả lớp hướng mắt về anh chờ đợi. Tân thong thả giải thích:

- Chúng ta nói *"Tôi được ba má thương yêu"* chứ đâu ai nói *"Tôi được thương yêu bởi ba má"*. Cũng vậy, không lẽ các em nói *"Nó bị cắn bởi chó"* à? Phải nói *"Nó bị chó cắn"* mới là tiếng Việt, đúng không nào?

Cả lớp cười rần. Ngay lúc đó, tiếng chuông điện chợt ré lên chát chúa. Buổi dạy vừa dứt, cũng kịp đến giờ ra chơi. Tân đưa tay ra dấu cho phép học trò túa ra khỏi lớp, rồi bắt đầu thu dọn sách vở bỏ vào cặp táp.

Tân bước dọc theo hành lang, ngang qua phòng Giám Học thì gặp cụ giáo Bảng đang đứng ở cửa. Anh chưa kịp chào, cụ đã vui vẻ nói ngay:

- À, thầy Tân. Mời thầy vào uống nước. Tôi hỏi việc này.

Thì ra cụ đón mình. Việc chi nhỉ? Tân thắc mắc.

Cụ giáo Bảng sắp nghỉ hưu rồi. Làm giám học, nhưng có bằng cử nhân Việt-Hán nên niên khóa nào cụ cũng dạy thêm một ít giờ Quốc Văn tại trường cho vui. Hồi mới được bổ về trường, Tân đã sớm quý cụ vì tính cụ điềm đạm và nhân hậu. Biết Tân theo đạo Cao Đài, ăn chay trường, nên những dịp Ban Giám Hiệu tổ chức đãi cơm, cụ đều chu đáo dặn dọn riêng cho Tân mâm chay nho nhỏ, và cụ ngồi ăn chung với anh cho có bạn.

Buổi đầu, Tân tỏ vẻ áy náy, thì cụ bảo:

- Tôi có tuổi rồi, bụng dạ hơi yếu. Thỉnh thoảng thọ trai cũng nên lắm chứ, phải không thầy?

Rồi cụ chuyển đề tài liền:

- Tôi nghĩ đạo của thầy có lẽ mầu nhiệm lắm, bằng không thì đang trẻ trung như thầy làm sao có thể hy sinh thú vui rượu thịt, giỏi chịu chay lạt quanh năm. Tôi phục thầy đấy.

Tân ngồi đối diện với cụ Bảng ở cái bàn nước nhỏ. Cụ rót mời Tân chén nước vối nâu đỏ. Có lần cụ cho anh biết từ hồi vào Nam tới giờ, cụ vẫn thích dùng nụ vối hơn chè xanh.

- Thưa thầy, không biết thầy cần hỏi việc gì ạ?

- À, chẳng liên quan gì tới việc dạy học cả. Chỉ là muốn nói chuyện phiếm với thầy thế thôi.

Thấy lòng nhẹ nhõm, Tân cầm chén nước lên thong thả hớp từng ngụm nhỏ, chờ đợi. Cụ giáo Bảng chậm rãi nói:

- Tôi vốn vẫn xem mình là con nhà Nho, mà Nho là triết lý sống chứ không phải tôn giáo. Bây giờ già rồi, tôi bắt đầu nghĩ tới tôn giáo. Nhưng nước mình nhiều đạo quá, tôi chưa biết nên bắt đầu từ đâu. Thỉnh thoảng có tìm đọc ít kinh sách nhà Phật nhưng có lẽ chưa đủ duyên sao ấy.

Ngừng một chút, cụ tiếp tục câu chuyện:

- Chủ Nhật rồi ghé nhà sách, thấy một cuốn lược khảo tín ngưỡng Việt Nam, tôi tò mò mở ra xem thử. Thấy sách có chương viết về đạo Cao Đài, tôi liền nghĩ tới thầy và tự nhủ: Sẵn trong trường có thầy theo đạo Cao Đài, nếu cần biết điều chi thì hỏi thầy rất tiện. Bởi vậy tôi đã mua sách và đang đọc mấy hôm nay. Thầy sẽ giúp tôi chứ?

Tân thấy ngượng, nghĩ bụng: "Mình theo đạo bấy lâu mà thật ra hiểu đạo đâu được bao nhiêu." Chưa biết trả lời cụ

Bảng thế nào thì anh nghe cụ nói:

- Tôi đã xem trong sách cái chương viết về nghi lễ. Tác giả bảo đạo Cao Đài có thờ Đức Mẹ Diêu Trì. Đúng không, thầy?

- Dạ.

- Nhưng hồi còn ở quê ngoài Bắc, tôi nhớ các cụ hay nói là "Dao Trì". Nay gặp sách ấy viết lạ, tôi thử mở từ điển, thấy Thiều Chửu cũng đọc là "Dao", viết với bộ "Ngọc". Tra thêm từ điển tiếng quan thoại in trong Chợ Lớn thì thấy họ chỉ cách phát âm nghe giống như "Dảo". Vậy thì đọc "Dao" có lẽ đúng hơn "Diêu". Nghĩ vậy mà tôi không khỏi đắn đo. Tôi tự hỏi thế này: Cao Đài dùng cơ bút dạy đạo, Trời Phật giáng cơ đã viết ra chữ là "Diêu Trì", thì ắt nói "Diêu" phải đúng hơn "Dao" chứ? Thầy nghĩ sao, thầy Tân?

Tân thầm kêu khổ. Hồi nào tới giờ theo đạo, anh chẳng bận tâm nghĩ tới chữ nghĩa chi li như cụ Bảng. Vốn có cử nhân Việt-Hán nên cụ thích rị mọ chữ Nho, còn anh chỉ biết chút tiếng Anh kiếm cơm; hai bên rõ ràng khác "hệ", làm sao anh có thể trả lời cho xuôi câu hỏi của cụ.

Hỏi Tân nhưng thật ra chẳng phải để tìm câu trả lời của anh, thế nên cụ Bảng liền nói tiếp:

- May mắn tôi vẫn giữ quyển *Vương Lực Cổ Hán Ngữ Tự Điển* từ thuở còn làm sinh viên ban Việt-Hán. Tôi bèn tra cứu thêm thì thấy người Hoa họ chỉ cách đọc theo phiên thiết là *DƯ*, *CHIÊU thiết*, *BÌNH thanh*, *TIÊU vận.* Vậy thì đọc và viết là "Diêu" chính xác hơn "Dao". Thấy thế, tôi tin cơ bút Cao Đài quả mầu nhiệm, thầy ạ.

Tân "điếc" luôn vì một loạt chữ Nho cụ Bảng thốt ra. Rồi sực nhớ một địa danh ở miền Trung, Tân nói:

- Thưa thầy, tại tỉnh Bình Định có địa danh Diêu Trì. Vậy, suy ra ngoài Bắc gọi "Dao", chuyển vô Trung và Nam thì gọi "Diêu". Cũng như ngoài Bắc nói "Vũ", nói "Hoàng", nói "Phúc"… nhưng Trung và Nam nói "Võ", nói "Huỳnh", nói "Phước"... Đó là biến âm, là "*phonetic variation*", thế thôi.

Cụ giáo Bảng gật đầu:

- Vâng, có lẽ vì địa phương kiêng húy ai chăng? Nhưng thầy có để ý tới ngoại lệ không? Này nhé, ông vua "Hoàng Đế" trong huyền sử Trung Hoa thì ở Trung và Nam đều nói là "Huỳnh Đế"; nhưng khi xưng hô với vua, sách vở ba miền đều viết là "Hoàng Thượng" chứ chẳng ai viết "Huỳnh Thượng". Còn nữa, dân mình ở cả ba miền đều nói giống nhau là "Ngọc Hoàng Thượng Đế", không có biến âm "Hoàng" thành "Huỳnh" chi hết. Thầy đồng ý chứ?

Cảm thấy cứ "xới" chuyện biến âm trong phương ngữ mà bàn thì sẽ lằng nhằng, khó dứt, và ngoài hiểu biết của mình, Tân liếc trộm đồng hồ tay. Hiểu ý, cụ Giám Học đứng dậy chìa tay ra. Tân cũng đứng lên, bắt tay cụ. Tiễn anh ra cửa, cụ nói thêm:

- Thôi, để thầy còn nghỉ ngơi một chút trước khi lên lớp dạy tiếp. Nhưng tôi có nói trước rồi đấy, thầy nhé. Lúc nào thắc mắc về đạo Cao Đài, tôi sẽ nhờ thầy giải đáp.

HÀ NHƠN

(*Trích* Những Người Con Áo Trắng, *truyện dài.*
Xem từ Đạo Uyển Xuân 2020, tập 33.)

MINH HỌA LỜI CHÚA VỚI ĐƯỜNG NÉT ĐƠN GIẢN

HUỆ KHẢI

Annie Vallotton (1915-2013)

Anne Marie (Annie) Vallotton, người Thụy Sĩ, sinh tại thủ đô Lausanne ngày 21-02-1915, tạ thế ở Pháp ngày 28-12-2013. Thân phụ bà là nhà văn, nhà giáo, nhà báo Benjamin Vallotton (1877-1962); ông đã học thần học ở Munich (Đức) và Paris (Pháp). Thân mẫu bà sinh ở vùng Alsace (Pháp), là cháu gái một mục sư Tin Lành thuộc Hội Thánh Luther.

Với chủ ý dùng minh họa để truyền rao Lời Chúa, bà Vallotton đã xuất bản các tập tranh trong các năm 1970, 1973, 1977, 1982… Đặc biệt là quyển *Priority* (gồm sáu mươi tranh vẽ về cuộc đời Đức Giêsu, in trong thập niên 1960) đã gây ấn tượng cho nhà ngôn ngữ học người Mỹ là Eugene Nida (1914-2011) đang làm xuất bản ở New York. Ông Nida liên lạc với bà Vallotton để cậy bà minh họa một quyển Kinh Thánh. Năm 1966, hai bên gặp nhau mười phút tại sân bay Stuttgart (Đức) và bà Vallotton đồng ý vẽ cho quyển *Good News Bible* (Kinh Thánh Phúc Âm) do American Bible Society (Hội Kinh Thánh Hoa Kỳ) xuất bản.

Bà vẽ hơn năm trăm tranh [cho quyển Kinh Thánh Phúc Âm], trong đó có "một số tranh phải vẽ đi vẽ lại tới tám mươi, chín mươi lần mới ưng ý", bà tiết lộ như vậy trong cuộc phỏng vấn năm 2008 (*I did some of the drawings* [for the Good News Bible] *80-90 times before I achieved the one I wanted*.)[1] Bút pháp của bà rất độc đáo: Chỉ dùng đường nét đơn giản (*simple lines*) và bóng mờ (*shading*) để diễn tả nhân vật và cảm xúc. Bà bảo: "Tôi muốn đơn giản tranh tới mức tối đa. — *I wanted to simplify them the most I could*."

Good News Bible (Kinh Thánh Phúc Âm) nhằm chuyển Lời Chúa đến đại chúng bằng thứ tiếng Anh đời thường, dễ hiểu. Cho tới nay, hơn 225 triệu bản in đã ra đời; mỗi quyển đều có tranh minh họa của bà Vallotton.

Tôi trích lại đây mười hai tranh vẽ tiêu biểu của bà Vallotton. Kèm theo từng tranh, tôi trích các đoạn Phúc Âm liên quan, mượn từ bản dịch 2011 của Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ.

---

[1] http://news.americanbible.org/blog/entry/corporate-blog/annie-vallotton-legacy-of-the-good-news-bible

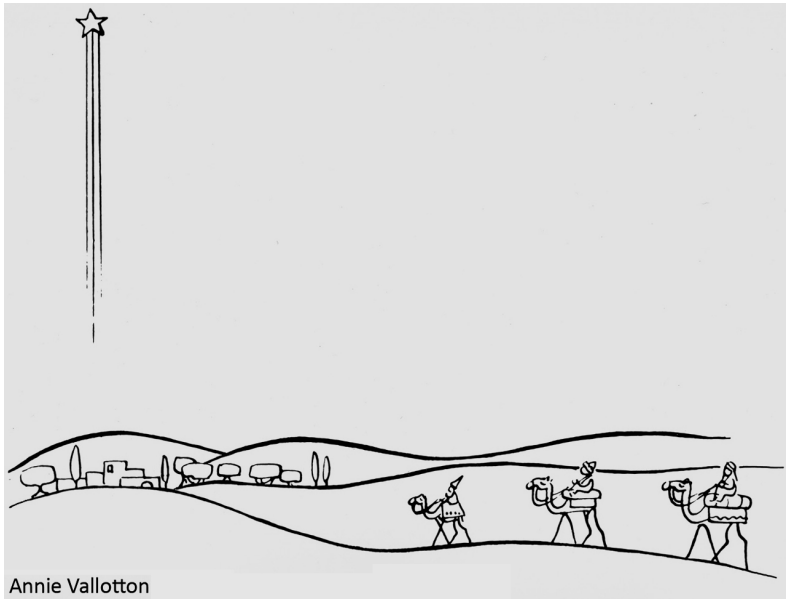

1. Ngôi sao dẫn đường ba nhà chiêm tinh

Thánh tông đồ Mát-thêu (Mt) chép:

Khi Đức Giê-su ra đời tại Bê-lem, miền Giu-đê, thời vua Hê-rô-đê trị vì, có mấy nhà chiêm tinh từ Phương Đông đến Giê-ru-sa-lem, và hỏi: "Đức Vua dân Do Thái mới sinh hiện ở đâu? Chúng tôi đã thấy vì sao của Người xuất hiện bên phương Đông, nên chúng tôi đến bái lạy Người." (Mt 2:2)

Bấy giờ ngôi sao họ đã thấy ở phương Đông lại dẫn đường cho họ đến tận nơi Hài Nhi ở, mới dừng lại. Trông thấy ngôi sao, họ mừng rỡ vô cùng. Họ vào nhà, thấy Hài Nhi với thân mẫu là bà Ma-ri-a, liền sấp mình thờ lạy Người. (Mt 2:9-11)

2. Thiên binh và sứ thần ngợi khen Thiên Chúa

Thánh tông đồ Lu-ca (2:8-13) chép:

(C)ó những người chăn chiên sống ngoài đồng và thức đêm canh giữ đàn vật. Bỗng sứ thần Chúa đứng bên họ, và vinh quang của Chúa chiếu tỏa chung quanh, khiến họ kinh khiếp hãi hùng. Nhưng sứ thần bảo họ: "Anh em đừng sợ. Này, tôi báo cho anh em một tin mừng trọng đại, cũng là tin mừng cho toàn dân: Hôm nay, một Đấng Cứu Độ đã sinh ra cho anh em trong thành vua Đa-vít. Người là Đấng Ki-tô Đức Chúa. Anh em cứ dấu này mà nhận ra Người: Anh em sẽ gặp thấy một trẻ sơ sinh bọc tã, nằm trong máng cỏ." Bỗng có muôn vàn thiên binh hợp với sứ thần cất tiếng ngợi khen Thiên Chúa . . .

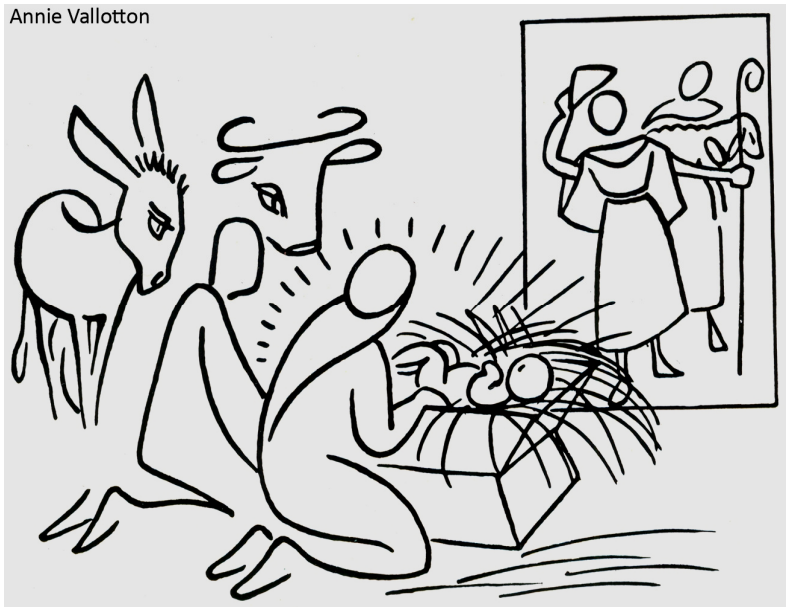

3. Những người chăn chiên viếng Chúa Hài Đồng

Thánh tông đồ Lu-ca (2:15-20) chép:

Khi các thiên sứ từ biệt mấy người chăn chiên để về trời, những người này bảo nhau: "Nào chúng ta sang Bê-lem, để xem sự việc đã xảy ra, như Chúa đã tỏ cho ta biết." Họ liền hối hả ra đi. Đến nơi, họ gặp bà Ma-ri-a, ông Giu-se, cùng với Hài Nhi đặt nằm trong máng cỏ. Thấy thế, họ liền kể lại điều đã được nói với họ về Hài Nhi này. Nghe các người chăn chiên thuật chuyện, ai cũng ngạc nhiên. Còn bà Ma-ri-a thì hằng ghi nhớ mọi kỷ niệm ấy, và suy đi nghĩ lại trong lòng. Rồi các người chăn chiên ra về, vừa đi vừa tôn vinh ca tụng Thiên Chúa, vì mọi điều họ đã được mắt thấy tai nghe, đúng như đã được nói với họ.

4. Đức Giê-su chịu phép rửa

Thánh tông đồ Lu-ca (Lc) chép:

Đám đông lũ lượt kéo đến xin ông Gio-an làm phép rửa . . . (Lc 3:7)

Khi toàn dân đã chịu phép rửa, Đức Giê-su cũng chịu phép rửa, và đang khi Người cầu nguyện, thì trời mở ra, và Thánh Thần ngự xuống trên Người dưới hình dáng chim bồ câu. Lại có tiếng từ trời phán rằng: "Con là Con của Cha; ngày hôm nay, Cha đã sinh ra Con." (Lc 3:21-22)

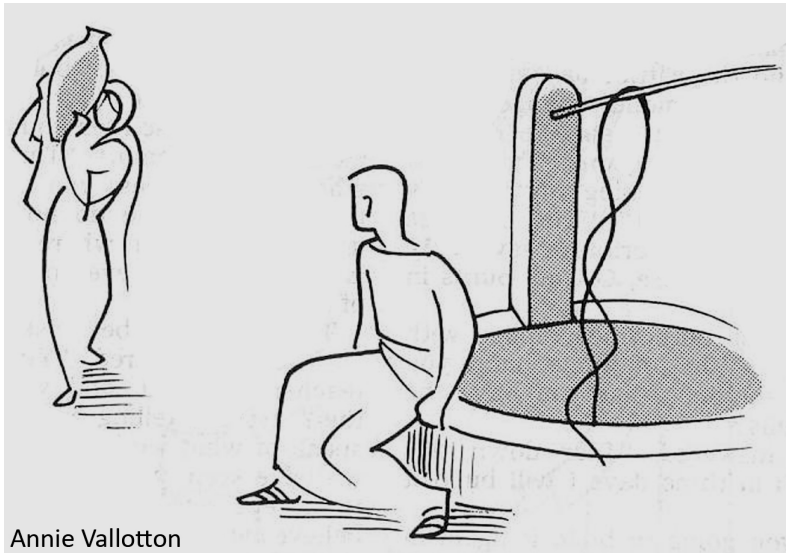

5. Đức Giê-su tại Sa-ma-ri

Thánh tông đồ Gio-an (Ga) chép:

Đức Giê-su bỏ miền Giu-đê mà trở lại miền Ga-li-lê. Do đó, Người phải băng qua Sa-ma-ri. (. . .) Người đi đường mỏi mệt, nên ngồi ngay xuống bờ giếng. Lúc đó vào khoảng mười hai giờ trưa. (Ga 4:3-4, 6)

Có một người phụ nữ Sa-ma-ri đến lấy nước. Đức Giê-su nói với người ấy: "Chị cho tôi xin chút nước uống." Lúc đó, các môn đệ của Người đã vào thành mua thức ăn. Người phụ nữ Sa-ma-ri liền nói: "Ông là người Do Thái, mà lại xin tôi, một phụ nữ Sa-ma-ri, cho ông nước uống sao?" Quả thế, người Do Thái không được giao thiệp với người Sa-ma-ri. (Ga 4:7-9) [Người Do Thái vốn khinh bỉ và thù nghịch người Sa-ma-ri, nhưng Đức Giê-su không cư xử như vậy.]

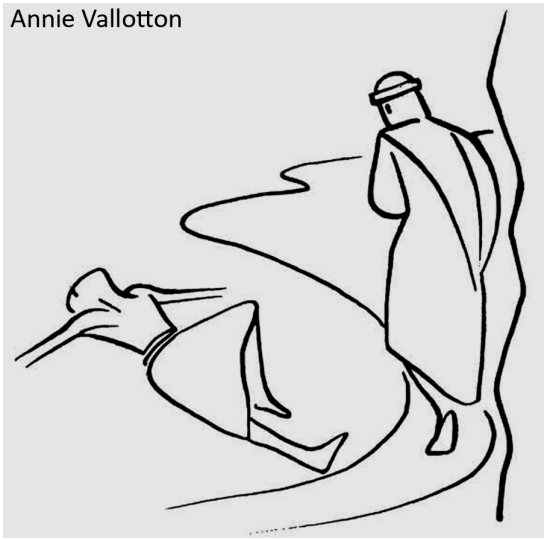

6. Người Sa-ma-ri tốt lành

Thánh tông đồ Lu-ca (10:30-35) chép:

Một người kia từ Giê-ru-sa-lem xuống Giê-ri-khô, dọc đường bị rơi vào tay kẻ cướp. Chúng lột sạch người ấy, đánh nhừ tử, rồi bỏ đi, để mặc người ấy nửa sống nửa chết. Tình cờ, có thầy tư tế cũng đi xuống trên con đường ấy. Trông thấy người này, ông tránh qua bên kia mà đi. Rồi cũng thế, một thầy Lê-vi đi tới chỗ ấy, cũng thấy, cũng tránh qua bên kia mà đi. Nhưng một người Sa-ma-ri kia đi đường, tới ngang chỗ người ấy, cũng thấy, và chạnh lòng thương. Ông ta lại gần, lấy dầu lấy rượu đổ lên vết thương cho người ấy và băng bó lại, rồi đặt người ấy trên lưng lừa của mình, đưa về quán trọ mà săn sóc. Hôm sau, ông lấy ra hai quan tiền, trao cho chủ quán và nói: "Nhờ bác săn sóc cho người này, có tốn kém thêm bao nhiêu, thì khi trở về, chính tôi sẽ hoàn lại bác."

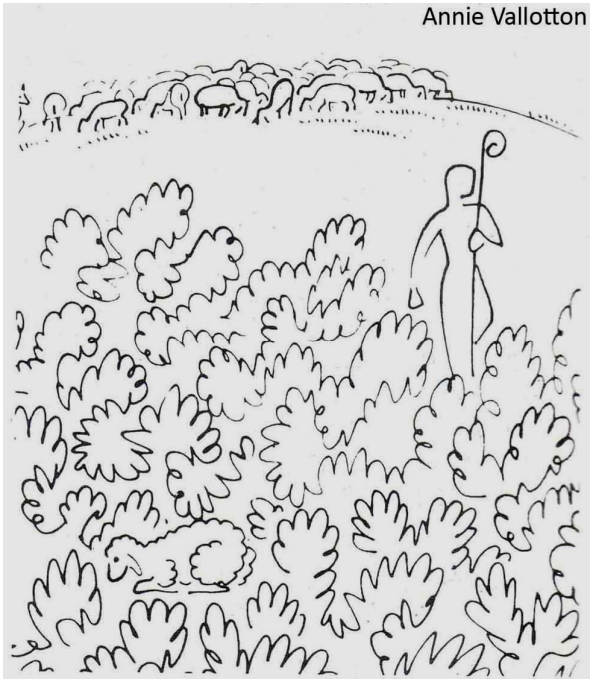

7. Con chiên bị mất

Thánh tông đồ Lu-ca (15:3-7) chép:

[Đức Giê-su kể:] *Người nào trong các ông có một trăm con chiên mà bị mất một con, lại không để chín mươi chín con kia ngoài đồng hoang, để đi tìm cho kỳ được con chiên bị mất? Tìm được rồi, người ấy mừng rỡ vác lên vai. Về đến nhà, người ấy mời bạn bè, hàng xóm lại, và nói: "Xin chung vui với tôi, vì tôi đã tìm được con chiên của tôi, con chiên bị mất đó." Vậy, tôi nói cho các ông hay: Trên trời cũng thế, ai nấy sẽ vui mừng vì một người tội lỗi ăn năn sám hối, hơn là vì chín mươi chín người công chính không cần phải sám hối ăn năn.*

8. Đức Giê-su và trẻ em

Thánh tông đồ Mát-thêu (19:13-15) chép:

Bấy giờ người ta dẫn trẻ em đến với Đức Giê-su, để Người đặt tay trên chúng và cầu nguyện. Các môn đệ la rầy chúng. Nhưng Đức Giê-su nói: "Cứ để trẻ em đến với Thầy, đừng ngăn cấm chúng, vì Nước Trời là của những ai giống như chúng." Người đặt tay trên chúng, rồi đi khỏi nơi đó.

Annie Vallotton

9. Đức Giê-su rửa chân cho các môn đệ

Thánh tông đồ Gio-an (Ga) chép:

(T)rong một bữa ăn, Người [Đức Giê-su] *đứng dậy, rời bàn ăn, cởi áo ngoài ra, và lấy khăn mà thắt lưng. Rồi Đức Giê-su đổ nước vào chậu, bắt đầu rửa chân cho các môn đệ và lấy khăn thắt lưng mà lau*. (Ga 13:4-5)

Khi rửa chân cho các môn đệ xong, Đức Giê-su mặc áo vào, về chỗ và nói: "Anh em có hiểu việc Thầy mới làm cho anh em không? Anh em gọi Thầy là Thầy, là Chúa, điều đó phải lắm, vì quả thật, Thầy là Thầy, là Chúa. Vậy, nếu Thầy là Chúa, là Thầy, mà còn rửa chân cho anh em, thì anh em cũng phải rửa chân cho nhau. Thầy đã nêu gương cho anh em, để anh em cũng làm như Thầy đã làm cho anh em." (Ga 13:12-15)

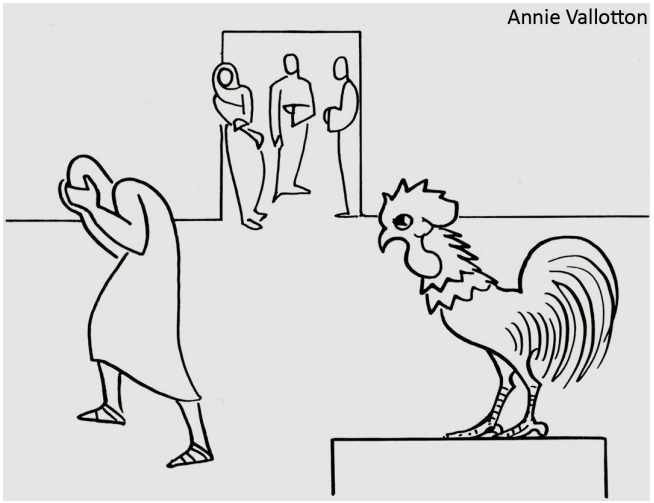
Annie Vallotton

10. Ông Phê-rô chối Thầy

Thánh tông đồ Lu-ca (22:54-62) chép:

Họ bắt Đức Giê-su, điệu Người đến nhà vị thượng tế. Còn ông Phê-rô thì theo xa xa. Họ đốt lửa giữa sân và đang ngồi quây quần với nhau, thì ông Phê-rô đến ngồi giữa họ. Thấy ông ngồi bên ánh lửa, một người tớ gái nhìn ông chòng chọc và nói: "Cả bác này cũng đã ở với ông ấy đấy!" Ông liền chối: "Tôi có biết ông ấy đâu, chị!" Một lát sau, có người khác thấy ông, liền nói: "Cả bác nữa, bác cũng thuộc bọn chúng!" Nhưng ông Phê-rô đáp lại: "Này anh, không phải đâu!" Chừng một giờ sau, có người khác lại quả quyết: "Đúng là bác này cũng đã ở với ông ấy, vì bác ta cũng là người Ga-li-lê." Nhưng ông Phê-rô trả lời: "Này anh, tôi không biết anh nói gì!" Ngay lúc ông còn đang nói, thì gà gáy. Chúa quay lại nhìn ông, ông sực nhớ lời Chúa đã bảo ông: "Hôm nay, gà chưa kịp gáy, thì anh đã chối Thầy ba lần." Và ông ra ngoài, khóc lóc thảm thiết.

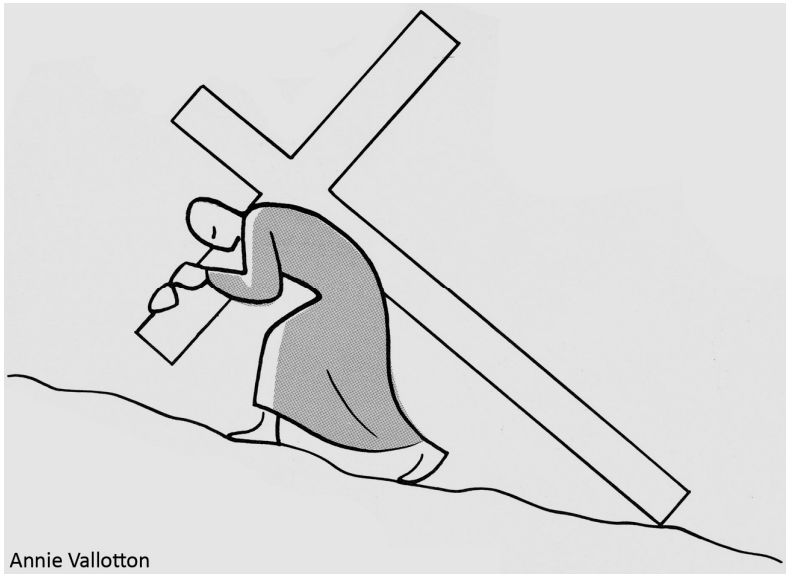

11. Đức Giê-su chịu đóng đinh vào thập giá

Thánh tông đồ Gio-an (19: 14-18) chép:

Hôm ấy là ngày áp lễ Vượt Qua, vào khoảng mười hai giờ trưa. Ông Phi-la-tô nói với người Do Thái: "Đây là vua các người!" Họ liền hô lớn: "Đem đi! Đem nó đi! Đóng đinh nó vào thập giá!" Ông Phi-la-tô nói với họ: "Chẳng lẽ ta lại đóng đinh vua các người sao?" Các thượng tế đáp: "Chúng tôi không có vua nào cả, ngoài Xê-da." Bấy giờ ông Phi-la-tô trao Đức Giê-su cho họ đóng đinh vào thập giá.

Vậy họ điệu Đức Giê-su đi. Chính Người vác lấy thập giá đi ra, đến nơi gọi là Cái Sọ, tiếng Híp-ri là Gôn-gô-tha; tại đó, họ đóng đinh Người vào thập giá, đồng thời cũng đóng đinh hai người khác nữa . . .

12. Ba phụ nữ đứng gần thập giá Đức Giê-su

Thánh tông đồ Gio-an (Ga) chép:

(T)ại đó [Gôn-gô-tha], *họ đóng đinh Người vào thập giá, đồng thời cũng đóng đinh hai người khác nữa, mỗi người một bên, còn Đức Giê-su thì ở giữa*. (Ga 19:18)

Đứng gần thập giá Đức Giê-su, có: thân mẫu Người; chị của thân mẫu (bà Ma-ri-a vợ ông Cơ-lô-pát); cùng với bà Ma-ri-a Mác-đa-la. (Ga 19:25)

HUỆ KHẢI

Nhiêu Lộc, 07-12-2019

MỘT MÓN NỢ TINH THẦN

TÔ LỆ HẰNG

Tưởng niệm Bác tôi, ngày giỗ thứ ba mươi lăm.

Năm 1973, khi soạn cuốn *Nguyễn Hiến Lê, Cuộc Đời Và Tác Phẩm*, tác giả Châu Hải Kỳ đã liên lạc nhờ tôi kể lại những kỷ niệm với Bác tôi, tôi hứa nhưng không viết kịp trước khi sách ra đời [1] và chỉ biếu được tấm ảnh cuối cùng tôi chụp Bác tôi, đã được chọn làm bìa sau của sách. Mãi đến năm 1996, tôi mới có dịp ra Nha Trang để đến khấn trước bàn thờ Bác Châu, xin tạ tội đã trễ nải. Đến tròn một thế kỷ sinh nhật của Bác tôi, một người cháu họ rủ tôi tổ chức một cuộc nói chuyện với công chúng nhưng cũng không thành. Từ hai năm nay, có hai nhà báo trong nước lại nhờ tôi viết về đóng góp cuả Bác tôi trong việc trí dục thanh niên hay trong văn hóa Việt Nam nói chung. Ngày giỗ thứ ba mươi lăm này của Bác, cho tôi một dịp để trả món nợ tinh thần từ gần nủa thế kỷ nay.

Phần thứ nhất: Kỷ niệm với Bác tôi

Gia đình bên nội tôi sinh sống ở Hà Nội; đến năm tôi mười hai tuổi, tất cả gia quyến chuyển vào Sài Gòn, tôi mới được gặp Bác tôi lần đầu. Ba tôi vốn là con cả trong nhà; Mẹ tôi lại là con út và lúc đó ở trong Nam chỉ còn ông anh trưởng là Bác, nên tôi và hai em quen gọi Người vắn tắt là Bác cũng đủ rõ.

Đạo Uyển chú:

[1] Châu Hải Kỳ (1920-1993), *Nguyễn Hiến Lê: Cuộc Đời Và Tác Phẩm*. Hà Nội: Nxb Văn Học, 1993.

Thường lệ mỗi năm Bác họp gia đình bốn lần: Mồng một Tết với ba ngày giỗ Cụ bà, Ông và Bà ngoại tôi. Trong những dịp này, Bác luôn hỏi thăm việc học của chị em tôi. Chúng tôi còn nhớ hình dáng Bác trong chiếc áo dài the đen như các cụ Đồ xưa, trang nghiêm thắp hương khấn tổ tiên trước bàn thờ đã dọn cơm cúng. Hàng ngày, sống trong "tháp ngà" sách vở Bác chỉ mặc bộ bà ba trắng cho thoải mái.

Bác cho tôi cuốn *Muốn Giỏi Toán Hình Học Phẳng* [2] đúng vào lúc tôi bắt đầu mê Hình Học nên tôi quyết tâm phải làm hết các bài tập trong sách trước khi nghỉ hè. Có hai bài tôi cùng bạn học chung tìm không ra cách giải; bí quá tôi đành dẹp tự ái, đạp xe sang xin Bác giảng cho. Khi tôi tới nơi, Bác ngừng viết ngay, từ tốn nhắc một định lý mà tôi đã không nhớ ra. Về nhà, tôi tự trách đã làm rộn Bác; nhờ đó tôi có được bài học đầu tiên của sự kiên quyết.

Trong hai năm cuối trung học của tôi, Bác và Bác Tuệ [3] đã dọn về nhà ở đường Kỳ Đồng rất yên tĩnh nên mỗi dịp hè tôi đều qua bên Bác ở vài tuần để ôn lại bài và học thêm may cắt với Bác Tuệ. Lúc làm xong màn cửa ở phòng ăn, tôi hí hửng khi Bác Tuệ khoe với Bác: "Màn cửa Hằng mới may xong đấy", thì nghe Bác nhận xét: "Màn chưa đủ cao để che xà treo." Tôi cụt hứng vì thật ra tôi đã thấy khuyết điểm này, nhưng ngại tháo ra để sửa và cứ tưởng Bác Tuệ hài lòng là xong. Từ đó làm việc gì tôi cũng cố gắng kỹ lưỡng cho hoàn hảo. Bác làm việc gì cũng có sắp xếp rõ ràng, nhất là rất điều

[2] Nguyễn Hiến Lê soạn, in lần đầu năm 1956.

[3] Ông Nguyễn Hiến Lê và cô Trịnh Thị Tuệ lập hôn thú bậc một năm 1937.

độ và đúng giờ, điều mà tôi học mãi không được. Hàng xóm phía sau có trẻ con hay sang nhà Bác chơi. Những buổi chiều, vào giờ Bác nghỉ ngơi, nhìn Bác xoa đầu nựng và cho bánh mấy em bé chừng hai ba tuổi, tôi mới được dịp thấy Bác có nụ cười tươi nhất, nụ cười nhân từ; không khi nào tôi nghe Bác cười ra tiếng.

Hè 1962, trên ban công nhà Bác tôi (ở phố Kỳ Đồng, Sài Gòn): Bác, Lệ Hằng, Bác Tuệ.

Sau khi đậu Tú Tài Hai, cùng lúc trúng tuyển vào Đại Học Sư Phạm ở Sài Gòn, tôi được học bổng toàn phần của chính phủ Việt, để đi học lớp dự bị thi tuyển vào các trường kỹ sư ở Pháp. Mong muốn được du học, nhưng tôi lưỡng lự vì sợ từ trung học Việt ra Pháp văn không trội, lỡ không đậu vào trường kỹ sư ở Paris, bị mất học bổng thì "tiến thoái lưỡng nan". Chú thứ hai của tôi làm bác sĩ, hứa sẽ nuôi tôi học nốt ở Pháp nếu tôi bị mất học bổng, nhưng tôi không muốn giải pháp này nên đã không nhận lời Chú. Khi biết tôi còn do dự, Bác bảo tôi: "Cháu cứ đi Pháp, nếu lỡ mất học bổng Bác sẽ cho cháu vay để học tiếp. Khi nào ra trường làm việc sẽ trả lại Bác." Nghe xong tôi nhẹ cả đầu, về nhà ký ngay đơn xin hộ chiếu đi du học. Từ đó, sự tự lập luôn luôn là "kim chỉ nam" trong các lựa chọn của đời tôi.

Hôm tôi sang chào Bác trước khi lên máy bay, Bác chúc tôi thành công và dặn một câu: "Bác biết cháu đã cố gắng để xứng đáng được học bổng chính phủ, nhưng khi thành tài cháu đừng quên món nợ tinh thần với những người dân hiện đang làm việc để cấp học bổng cho cháu." Ghi nhớ lời này, nên sau 1975 dù gia đình bên nội đã di tản và định cư ở Hoa Kỳ, tôi vẫn về Việt Nam hai lần để thăm Bác và tìm việc làm mà không thành. Rồi khi nghỉ hưu, từ 2004 đến 2014 tôi đã dốc tâm làm việc thiện nguyện cho VINATOM (*Vietnam Atomic Energy Institut*).

Từ khi vào được trường kỹ sư, trong thư từ trao đổi với Bác, ngoài vắn tắt kết quả việc học, tôi bắt đầu kể thêm về sinh hoạt của tôi, nhất là những cuộc du lịch ngoài nước Pháp trong khuôn khổ trại hè sinh viên. Bác rất chú ý đến các chuyến đi có đề tài, như hè 1966 tôi hái táo trong kibbutz Hagoshrim ở Israël để tìm hiểu sự thành công của các kibbutzim.

Sau khi có bằng kỹ sư, hè 1970 tôi về thăm gia đình. Lúc đó bên nội có ý muốn tôi về Việt Nam xây dựng tương lai và chắc có nhờ Bác khuyên tôi. Bác hỏi tôi: "Bây giờ cháu học xong, có thể lập gia đình, vậy cháu sẽ chọn lựa ra sao?" Tôi hiểu ẩn ý Bác nên trả lời thẳng thắn: "Cháu vẫn còn đang muốn học hỏi thêm và chỉ lập gia đình khi gặp người hợp với

cháu." Bác tôi dặn: "Nếu sau này cháu gặp cả người ngoại quốc và người Việt hợp với cháu thì nên ưu tiên chọn người Việt." Đó là lần độc nhất Bác cho tôi lời khuyên về đời sống.

Từ trước, Bác chọn cho tôi sách Bác viết. Lần này thấy tôi bắt đầu "người lớn", Bác bảo tôi vào kho chọn sách tôi thích. Tôi xin hai cuốn *Đại Cương Văn Học Sử Trung Quốc* [4] và *Sử Ký Tư Mã Thiên*.[5] Từ đó mỗi lần ra sách về Trung Hoa thời cổ, Bác đều dành cho tôi một cuốn với hàng viết tay ở trang đầu: *Bản của Lệ Hằng*. Với các cuốn sách này, tôi được hiểu biết về cổ học Trung Hoa để xóa bỏ mặc cảm dốt nát về nguồn gốc văn hóa xa xưa của nước mình.

Năm 1979, tôi chọn về Việt Nam đúng ngày giỗ bà ngoại tôi. Bác ra tận sân bay Tân Sơn Nhất với một ông bạn để đón, sợ tôi sẽ bị khó khăn vì mang giùm gần 100kg quà của các bạn bè ở Paris (có thân nhân trong "trại học tập") gửi. Lúc đó còn thời "bao cấp", chúng tôi bảo nhau: "Giá mang được cả siêu thị về thì cũng cố mang luôn." Thấy tôi, Bác rất cảm động và giục: "Cháu lấy hành lý về lẹ lên, kẻo ở nhà Bác gái trông; hôm nay giỗ Bà, nhà chỉ có cháo cúng thôi." Tôi cười trấn an Bác ngay: "Cháu vẫn còn giữ lối sống sinh viên 'già', nhịn cơm rất giỏi."

Vài hôm sau có nhiều người (và trong số đó có cả họ hàng) thấy tôi mang nhiều hành lý về, tìm đến nhà rủ rê tôi khi trở về Pháp làm "đường dây" buôn bán. Tôi khẳng định ngay: "Gia đình cho tôi đi du học để sau phục vụ Việt Nam, chứ tôi nhất định không bao giờ lợi dụng tình hình để trục lợi." Lúc biết chuyện này, Bác gật đầu cười và bảo: "Như vậy mới đúng là cháu của Bác." Lần đầu được Bác khen, tôi phổng cả mũi. Hai mươi năm sau, khi vài người rủ tôi đầu cơ mua đất ở Việt Nam, tôi cũng lại trả lời như vậy, nhưng Bác không còn nữa để nghe tôi "khoe"!

Trong thời gian ở TpHCM, Bác Liệp [6] tội nghiệp cháu ở xa về, muốn chiều tôi như thời trước còn chị giúp việc, nhưng Bác nói cứ theo lời tôi xin: Cho tôi chia sẻ hoàn toàn nếp sống của nhà lúc đó. Bác chia việc hàng ngày rất là bình đẳng: Ông lo sách vở và việc bên ngoài cùng lau chùi trên gác, bà lo việc chợ búa cơm nước, lau chùi dưới nhà; quần áo của ông nhất định tự giặt lấy. Bà thương ông làm lọng cọng mà cũng phải "nhường" việc. Mấy hôm tôi về mới được phép "thầu" giặt quần áo và lau chùi cả nhà.

Nhờ có hộ chiếu, tôi được ưu đãi cho phép mua gạo chính phủ: xếp hàng cả ba ngày để nộp đơn, nộp tiền và lĩnh gạo. Không có ba lô, tôi dùng xe đạp (không có "cái chở hàng"[7]) mượn của hàng xóm, mang mấy ký lô gạo về tới nhà. Bác tôi bảo: "Nhà còn gạo ăn, cháu mang cho hàng xóm không có gạo." Chắc thương hại bộ mặt tiu nghỉu vì công dã tràng của tôi, Bác giải thích: "Cho cháu đi như vậy để cháu rõ đời sống

[4] Nguyễn Hiến Lê soạn, ba quyển, in lần đầu năm 1955.

[5] Nguyễn Hiến Lê dịch chung với Giản Chi (thế danh Nguyễn Hữu Văn, sinh 1904, mất 22-10-2005). Sách in lần đầu năm 1970.

[6] Ông Nguyễn Hiến Lê lập hôn thú bậc hai với cô giáo Nguyễn Thị Liệp (1909-1999) năm 1956 tại Long Xuyên. Ở miền Nam, mãi tới ngày 02-01-1959 mới có *Luật Gia Đình* hủy bỏ việc lập hôn thú bậc hai. Ở miền Bắc, mãi tới ngày 29-12-1959 mới có *Luật Hôn Nhân Và Gia Đình* hủy bỏ hôn thú bậc hai.

[7] Tiếng Pháp là *porte-bagages*, từng được Việt hóa thành *poọc-ba-ga ở* trong Nam và *poóc-ba-ga ở* ngoài Bắc.

hiện tại." Mà quả thật, mỗi ngày Bác chú ý hỏi kết quả trong việc tôi đi tìm thăm bà con bạn bè xa gần để giúp đỡ và biết dân tình sống ra sao. Vào buổi cơm tối, Bác chỉ thông tin gia đình hay kể cho tôi về hoạt động văn hóa của Bác thôi.

Thời gian đó, nhà sưu tầm khảo cổ Vương Hồng Sển [8] hay đến thăm và cho Bác tôi xem những sách quý đã tìm lại được ở "chợ trời sách Sài Gòn".[9] Bác tôi "đáp lễ" lại thăm Bác Sển, và biết tôi thích mỹ nghệ nên nhân tiện cho tôi đi theo, để được nghe "tiếng chuông chùa" phát từ chiếc tô lớn (khi vỗ nhẹ tay bên ngoài tô) vẽ hình mai và hạc, mà Nguyễn Du khi đi sứ Trung Hoa đã được vua nhà Thanh cho đặc ân, được đặt mua đồ làm trong xưởng sứ men lam của vua. Khi tôi xin phép trở lại để chụp ảnh ngôi nhà gỗ cổ của Bác Sển, Bác dặn trước: "Bác Sển rất kỹ tính và kín đáo về đồ cổ. Cháu phải xin phép chụp hình hai Bác Sển trước, rồi sau đó tùy liệu mới có thể xin chụp tư gia." Đến nơi, Bác Năm Sa Đéc [10] viện cớ "già" nhất định không chịu cho chụp hình; còn Bác Sển không những vui vẻ dẫn tôi đi thăm hết nhà, kể cho nghe sự tích từng cổ vật, mà không cần tôi xin lại còn bảo tôi muốn chụp gì cứ tự nhiên. Nghe lời Bác tôi dặn, tôi cảm ơn Bác Sển nhưng không chụp hình mà chỉ xin mỗi lần về Việt Nam được phép lại thăm hai Bác, được nghe lại "tiếng chuông chùa của Nguyễn Du". Khi nghe "tiếng chuông chùa" này, hồn ta tịnh tâm lắng xuống, thanh thản như lúc chiều tà đi viếng một ngôi chùa cổ về; thành ra tôi thích hơn là "tiếng khánh" từ chiếc tô vẽ hai con rồng (ám chỉ Trịnh Khải và Trịnh Cán) của Trịnh Sâm.[11]

Hôm lấy xe đò theo Bác về Long Xuyên để thăm họ bên ngoại, tôi được thêm một bài học bình đẳng: Hồi đó lưng Bác đau nhiều, đường lại lắm ổ gà lớn xóc rất mạnh, mà trên xe hành khách chỉ có ghế dài bằng gỗ, Bác Liệp dặn tôi mang theo cái đệm ngồi nhỏ cho Bác. Lên xe, lúc đặt đệm Bác nói với đồng hành chung quanh: "Xin lỗi bà con, tôi cần dùng đệm vì mấy hôm nay đau lưng mà cũng phải đưa cháu ở xa về thăm gia đình dưới quê." Lúc đó tôi nghĩ: Thấy ông già yếu, lên xuống xe cũng phải được nâng dắt thì chắc chẳng ai nỡ phê bình gì.

Nhiệm vụ lớn nhất Bác trao cho tôi lần về này là ra Bắc tìm lại mộ Ông và Bà ngoại tôi, thay Bác làm "bổn phận" mà Bác ao ước hoàn tất đã từ lâu: Ngoài tiền cúng nhà thờ Họ, Bác còn đưa tôi lộ phí nhưng tôi từ chối nói là tự lo được. Bác bảo tôi cứ cầm hết rồi ra Bắc cho lại người nghèo.

Đầu năm 1980 tôi được thư Bác kể chuyện Tết Canh

[8] Vương Hồng Sển, bút danh Anh Vương, Vân Đường, Đạt Cổ Trai, sinh 27-9-1902, mất 09-12-1996.

[9] Ở đường Cá Hấp (tức Bùi Quang Chiêu, nay là Đặng Thị Nhu, quận 1).

[10] Năm Sa Đéc là nghệ danh của bà Nguyễn Kim Chung (1907-1988), danh tài miền Nam trong các lãnh vực hát bội, cải lương, kịch nói, phim ảnh... Bà là bạn đời ông Vương Hồng Sển.

[11] Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm (1739-1782) làm chúa thứ tám của họ Trịnh, cầm quyền ở miền Bắc Đại Việt thời nhà Lê trung hưng. Con trai của Sâm và Tuyên Phi Đặng Thị Huệ là Điện Đô Vương Trịnh Cán (1777-1782) làm chúa thứ chín. Trưởng nam của Sâm và Quý Phi Dương Thị Ngọc Hoan là Đoan Nam Vương Trịnh Khải, tức Trịnh Tông (1763-1786) làm chúa thứ mười. Vì hai mẹ con Khải không được Sâm sủng ái, nên tuy là trưởng nam mà Khải lại nối ngôi chúa sau Cán (sau khi Sâm mất).

Thân ở Long Xuyên: "Đời sống dân chúng vẫn thiếu kém, ăn Tết nghèo hơn nhiều, nhưng bên Bác Liệp vẫn ấm cúng vì có con cháu và học trò cũ tụ họp đông; nhà mình bàn thờ hương khói lạnh vì không có con cháu nào." Đọc xong, tôi quyết định sẽ về Long Xuyên ăn Tết Tân Dậu (1981) với hai Bác. Một điều nữa làm tôi hãnh diện hơn cả lúc trình luận án tiến sĩ là Bác kể thêm: "Người thân gặp cháu ai cũng khen cháu rất vui tính cởi mở, quý ở trong cách đối xử cũng như hành động cháu vẫn giữ đúng nề nếp Việt Nam và không ai ngờ cháu đang sống ở Pháp đã gần hai mươi năm nay." Với bản tính bình thường khá dè dặt, lúc đó tôi mới hiểu thêm là trong hoàn cảnh "dở khóc dở cười" thì với bản năng bảo tồn, chúng ta tự nhiên chọn cười (bằng cách "tự trào") và nhờ vậy sẽ được lây với chút vui mang lại cho người khác.

Vào Tết Tân Dậu, di chuyển trong Nam vẫn còn khó khăn, nên tôi tiếc phải hẹn trước với hai Bác đã định cư ở Long Xuyên, chứ không biếu được Bác niềm vui ngạc nhiên thấy tôi ngay trước cửa nhà.

Hôm mùng một Tết, sau khi cúng Ông Bà, tôi theo Bác "xuất hành": Lấy đò đi thăm cù lao gần Long Xuyên mà Bác vẫn hay đi chơi hồi trước. Ở đó có đặc sản là hương cúng. Ngoài sân phơi các hàng bó hương, chân mầu đỏ bó đặt dưới đất, đầu thành tàn tỏa trên không. Thấy tôi trầm trồ trước nghệ thuật thô sơ đó, Bác giảng thêm cho tôi về đời sống quê miền Nam.

Trong chuyến thăm này đại gia đình Bác Liệp cho tôi cảm nhận được tình nồng ấm của dân miền Nam và hiểu tại sao Bác tôi lại quyến luyến với quê hương thứ hai.

Phơi hương (nhang). *Ảnh tài liệu*.

Lần này rảnh rang ở nhà, các bạn thân của Bác đều ở trên thành phố, Bác cho tôi nghe băng các bài dân ca Bắc cùng những kỷ niệm xưa. Thấy Bác hay có nét buồn, tôi nói: "Bác đã lập được một sự nghiệp văn chương ít nhất đã có ích cho thanh niên Việt hiếu học. Bây giờ các con cháu cũng đã thành công trên ngành nghề tự chọn. Như vậy Bác không còn phải lo lắng gì nữa để vui hưởng nhàn với cảnh điền viên." Bác trả lời: "Khi người trong xã hội chung quanh còn sống cực khổ, mình làm sao vui được. Con cháu bây giờ lại ở xa hết."

Tết xong, tôi sửa soạn ra Hà Nội để được giới thiệu với Đại Học Bách Khoa. Tôi mời Bác Liệp (năm đó đã bảy mươi hai tuổi, suốt đời thanh liêm rất được học trò quý mến) ra thăm đất Bắc lần này vì biết tôi có thể lo được hết, thì được trả lời: "Bác sanh đẻ và làm việc trong Nam (Bác Liệp là cựu hiệu trưởng trường nữ Long Xuyên), đã được đi công tác từ Huế đến Cà Mau mà miền Bắc quê chồng thì Bác chưa được biết,

nên khi hôm trước Bác trai từ chối lời mời đi dự Hội Nghị toàn quốc ở Hà Nội, Bác cũng tiếc lắm. Thôi cháu cứ yên tâm ra ngoải một mình đi; Bác không ra cho Bác trai vui lòng." Lúc tôi xin thêm thì Bác tôi vẫn giữ lập trường: Dù có phương tiện cũng không nên đi chơi trong lúc đời sống dân mình còn khó khăn, để tiền giúp người cần. Lúc đó tôi nghĩ Bác "độc đoán" nhưng cũng hiểu "lời nói phải đi đôi với việc làm" của nhà Nho và phục tình yêu của người phụ nữ Việt Nam xưa (dù có Tây học) đối với chồng. Thế mới biết chiều được lý tưởng của Bác tôi cũng không dễ gì.

Đáng lẽ tôi từ biệt hai Bác ở Long Xuyên, nhưng Bác tôi lại đổi ý: Dù đang mệt, Bác cũng nhất định lên thành phố gặp lại tôi trước khi tôi trở về Paris.

Tôi buồn là lúc ở Hà Nội vào, tuy được mời làm thuyết trình về nhà máy Điện Hạt Nhân ở Lò Đà Lạt, và nhân viên cả hai Viện tiếp đãi rất niềm nở, nhưng tôi không tìm được một dự án làm việc nào cụ thể, nên chắc phải ở lại Pháp cho đến ngày nghỉ hưu. Bác an ủi tôi: "Cháu chịu được kham khổ đấy, nhưng với tính thật tình, thích nói thẳng của cháu mà lại không được tự do phát biểu ý kiến thì liệu cháu có thỏa mãn không? Trường hợp cháu không phải độc nhất và chính phủ muốn có những chuyên gia ngành đặc biệt ở ngoại quốc sẵn sàng làm thiện nguyện có lợi hơn."

Trước ngày tôi đi Pháp, Bác hỏi thăm tin mới về nhà bác học Andreï Sakharov (1921-1989) lúc đó bị quản thúc ở Gorki (1980-1986). Bác rất hâm mộ các hoạt động của ông tranh đấu cho nhân quyền và nghĩ là với danh tiếng giải Nobel Hòa Bình (1975), chắc không ai dám ám hại ông.

Vào dịp Tết Tân Dậu (1981), trong sân nhà Kỳ Đồng:
Lệ Hằng, Bác Lê, Bác Liệp, Tân Dân (bạn của Hằng).

Lúc tiễn tôi ra cửa, lần đầu trong đời tôi thấy mắt Bác ướt; không suy nghĩ, tôi ôm chầm vai Bác và nói: "Thế nào cháu cũng lại về thăm Bác." Đâu ngờ đó là lần chót tôi nhìn thấy Người.

Ngày giỗ thứ ba mươi lăm của Bác (22-12-2018), anh chị em chúng tôi mỗi người một nơi, không họp được để cùng nhau thắp hương cho Người. Viết xong những hàng này, có chút an ủi là trong lúc trả "món nợ tinh thần" với Bác Châu Hải Kỳ, tôi như được sống lại những giờ phút cuối với Bác tôi…

Phần thứ hai: Những gì tôi đã học được của Bác tôi

Ghi chú: Trong phần này, các câu viết nghiêng để giữa hai dấu ngoặc kép là trích nguyên văn trong *Hồi Ký Nguyễn Hiến Lê*.[12]

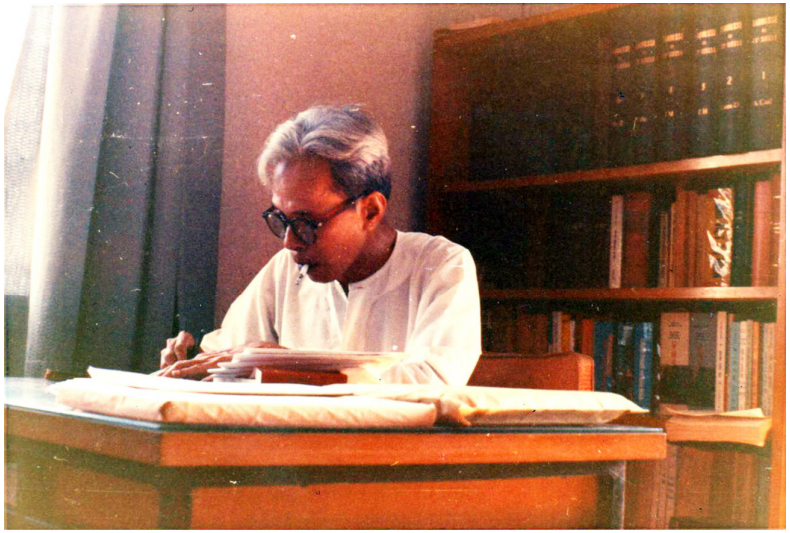

Bác viết ở nhà đường Kỳ Đồng. *Ảnh Hằng chụp hè 1970*.

Sinh thời, Bác tôi khiêm tốn nghĩ ba mươi năm về sau còn có người đọc sách mình là tốt rồi. Vậy mà nay đã qua ba mươi bốn năm, còn có nhà báo nhờ tôi viết về Bác để "góp phần khơi gợi sự quan tâm của bạn đọc, nhất là bạn đọc trẻ, về học giả" thì làm sao tôi từ chối được, dù biết là đời Bác tôi đã kể lại rõ ràng trong ba tập "Hồi Ký" và các tư tưởng của Bác cũng đã được ghi đầy đủ trong các sách xuất bản. Không chuyên về văn chương, tôi phải nhường việc định "tầm vóc và đóng góp của học giả Nguyễn Hiến Lê đối với nền văn hóa miền Nam nói riêng và nước nhà nói chung" cho các chuyên gia về văn học Việt Nam, để chọn "lối thoát" nhỏ hẹp: Viết về những gì tôi đã học được của Bác tôi. Không hề được Bác "giảng luân lý" cho nghe nên tôi chỉ biết chí hướng của Bác qua sách vở và nhất là học cách cư xử trong cuộc sống của Bác.

Trong đời chúng ta, ai cũng có một số giá trị và sở thích để hướng dẫn việc làm của mình. Những điều mà tôi mong nhập tâm, theo được Bác tôi một cách tự nhiên như một phản xạ không cần suy nghĩ là:

* Lời nói phải đi đôi với việc làm vì Bác tôi theo chủ trương *"làm rồi mới nói"* như vậy lời nói cũng như "đinh đã đóng cột" dù việc có là "nói dễ hơn làm", cũng như khi muốn trách ai một điều gì ta phải chắc chắn nếu ở vào hoàn cảnh người đó, ta hành xử theo đúng được như lời mình dùng để chê trách.

* *"Chỉ nên hưởng cái phần xứng đáng với tài đức của mình thôi."*

Năm 1978, học giả Đào Duy Anh (1904-1988) hỏi tại sao Bác tôi từ chối được vào bệnh viện Thống Nhất (dành cho cán bộ cao cấp ở Tp.HCM) để chữa bệnh, Bác trả lời: *"Tôi có công gì với cách mạng đâu mà vô đó nằm?"* Ba mươi năm sau, tôi về Hà Nội để dự buổi Đại Sứ Quán Pháp trao tặng các Viện Hạt Nhân Việt Nam cuốn *Thuật Ngữ Công Nghệ Điện Hạt Nhân*, mà tôi đã dịch thiện nguyện (hoàn tất cũng vào ngày

[12] *Hồi Ký* này (gồm ba tập) đã được nhà xuất bản Văn Nghệ tại Nam California ấn hành lần đầu vào năm 1988.

giỗ Bà ngoại tôi, năm Mậu Tý, 2008) cùng với một anh đồng nghiệp cũ, đã có công giúp tôi tập viết lại tiếng Việt nhân việc dịch sách này. Nhân dịp tôi đến VARANS (*Vietnam Agency for Radiation and Nuclear Safety*) để bàn về dự án lớp đào tạo kỹ sư an toàn hạt nhân cho Viện, ông Viện Trưởng ngỏ lời mời tôi và một bạn cùng sở cũ ở Pháp về họp, đi chơi Hạ Long, tôi vội cảm ơn và từ chối ngay với lý do dự án chưa thành, tôi hẹn khi nào công tác thiện nguyện có kết quả tốt cho VARANS rồi Viện hãy thưởng cho tôi đi tham quan.

* *"Khi đã đủ ăn rồi thì đừng nên làm giàu, phải để thì giờ làm những việc hữu ích mà không vì danh và lợi. Giá trị của ta ở chỗ làm được nhiều việc như vậy hay không."*

Bác tôi tin là "cây bút" của mình có ích cho thanh niên hơn là dạy học nên đã có lúc từ chối chức giáo sư ở Đại Học Văn Khoa Sài Gòn. Khi thấy *"đủ ăn"*, Bác trao việc phát hành sách của mình cho các nhà chuyên nghiệp và chỉ còn tự xuất bản lấy những cuốn không ai nhận vì sợ bị lỗ; Bác để hết thì giờ viết sách, ngay cả những cuốn rất *"kén độc giả"*. Tôi thì ngoài nghề kỹ sư trong một cơ quan của chính phủ Pháp, chỉ nhận làm việc thiện nguyện tư vấn, viết tài liệu phổ biến kiến thức về Điện Hạt Nhân cho VINATOM.

* *"Biết đắc nhân tâm, nhưng cũng có lúc phải tỏ nỗi bất bình của mình mà không sợ thất nhân tâm."*

Những bài tiểu luận "bút chiến" của Bác, đăng trên *Bách Khoa* từ năm 1960 đến 1975 về các việc thời sự, đã chứng tỏ điều này. Riêng tôi nhiều lần cũng đã phải "tranh đấu" đòi thà không cho đăng một bài phỏng vấn tôi còn hơn là để tòa soạn sửa ngược ý tôi (thí dụ, thay lời tôi nói: "… Tôi chỉ chuyên về an toàn hạt nhân nên vẫn còn những thắc mắc trên. Cho tới khi được trả lời rõ ràng những điều đó, tôi chỉ dám nhận công việc thiện nguyện phổ biến kiến thức bằng cách dịch sách chuyên môn hay viết các bài thông tin về an toàn nhà máy Điện Hạt Nhân mà thôi" bằng đoạn: "… Tôi sẵn sàng tham gia quá trình khó khăn này nếu được Chính Phủ Việt Nam mời. Trước mắt, tôi đang dịch sách chuyên môn sang tiếng Việt và viết bài về an toàn nhà máy Điện Hạt Nhân, coi đấy như thiện nguyện phổ biến kiến thức cho quê nhà."

* Khi phải làm một việc gì thì *"làm ngay, làm đàng hoàng, làm cho xong"*, như vậy mới có được kết quả tốt. Để viết tác phẩm cuối cùng *Sử Trung Quốc* (1982), Bác tôi đã tham khảo gần năm mươi bộ sách cả Á lẫn Âu (với tài liệu chót ấn hành vào cuối năm 1981) để có được những thông tin đầy đủ kết quả mới nhất lúc đó của ngành khảo cổ. Riêng tôi cũng theo nguyên tắc này trong lúc làm việc.

Ngoài những quy tắc sống trên, có những tư tưởng của Bác mà tôi hoàn toàn đồng ý:

- *"Chúng ta làm điều phải vì tin nó là điều phải chứ không phải vì ý muốn của Thượng Đế hay một vị thần linh nào, cũng không phải vì mong chết rồi được lên Niết Bàn hay Thiên Đàng."* Tuy sống theo đạo đức nhà Nho, chống lối cúng bái của các chùa đại thừa (Bác tôi không khi nào vào lễ chùa mà chỉ đi thăm phong cảnh, kiến trúc cũng như đã dặn kỹ gia đình về sau không được xin lễ cầu siêu cho Bác); tuy không tìm hiểu nhiều về Phật Giáo, nhưng quan niệm này của Bác rất gần với triết lý sống của Phật Giáo Nguyên Thủy theo như Phật Thích Ca dạy.

- *"Khuyên con cháu đừng làm chính trị, nhưng nếu làm thì luôn luôn phải đứng về phía nhân dân"* bởi vì các chính trị gia thời này ai cũng hứa hẹn tốt để được trúng cử rồi khi nắm quyền chỉ cố làm sao để giữ chức lâu thôi. Tất cả chủ trương chính trị của Bác tôi có thể tóm tắt: Làm sao để cho dân được sống no ấm dưới một chính thể tự do. Đọc nhan đề tiểu luận *Con Đường Hòa Bình* (Sài Gòn: Nxb Lá Bối, 1971), chúng ta có thể chờ đợi một đề nghị về chính sách, nhưng không: Bác chỉ đề cao *"tinh thần bao dung của tổ tiên ta"* và chứng minh tất cả các *"ý thức hệ"* về tôn giáo hay chính trị đã bị người ta dùng làm lý do để tranh chấp, đâm chém nhau từ bao nhiêu thế kỷ nay.

- Bác tôi: *"Sách nào cũng muốn đọc, môn nào cũng muốn biết và hễ thấy đề tài nào lý thú có ích thì tìm hiểu; rồi truyền điều hiểu cho độc giả."* Trước 1975, hàng năm Bác tôi đều đặt của các nhà xuất bản Pháp danh mục các cuốn sách ra trong mỗi tháng để lựa chọn đặt mua. Bác viết không những nhiều đề tài mà còn đã được khen là biết dung hòa Âu Á để theo được tiến bộ mới và vẫn giữ được các truyền thống của dân Việt. Lúc về sau, Bác thường bảo con cháu, ở nơi không dùng âm lịch thì làm giỗ ông bà theo ngày dương lịch cho dễ.

- Tinh thần viết văn của Bác tôi *"có mục đích rõ rệt là phục vụ trong việc mở mang kiến thức cho thanh niên"*. Mục đích này đã được đền đáp bằng hai kết quả là: quần chúng thường biết Bác như tác giả đầu tiên ở Việt Nam về loại sách "Học làm người" và những cuốn này cũng có nhiều người đọc nhất.

Tuy nhiên trong cả đời trứ tác, Bác đã bỏ khoảng một phần ba thời giờ để hoàn thành hai mươi tác phẩm (trong tổng số một trăm hai mươi) về cổ học Trung Hoa và được *"nhà văn Võ Phiến* [13] *bảo: Từ trước tới nay chưa có học giả nào, cựu học và tân học, mà có công giới thiệu cổ học Trung Hoa bằng ông Nguyễn Hiến Lê."* Nhờ đọc những cuốn khảo cứu tỉ mỉ và được phổ thông hóa với lối trình bầy mới, mà tôi đã có can đảm lao vào tìm hiểu một lĩnh vực tôi hoàn toàn mù tịt vì thiếu căn bản Hán văn. Nhớ lại: Hè 1928 Bác tôi về Phương Khê để học thêm chữ Hán với Ông Bác Hai, nhờ đó bốn mươi hai năm sau tôi mở thêm được kiến thức về Hán học, một thế hệ lại qua… Bác tôi đã được thỏa nguyện vọng *"kế vãng khai lai"* [14]: *"Chúng ta được hưởng công lao, di sản của biết bao thế hệ thì phải duy trì di sản đó và cải thiện nó tùy khả năng mỗi người."*

Nhân cách và trí năng của Bác đã thu hút tôi rất nhiều. Tuy thời gian được sống gần Bác rất ít, nhưng bấy nhiêu điều học được cũng đủ giúp tôi chọn một lối sống tinh thần phong phú, trọn vẹn với lương tâm và vui vì trong đời tôi vẫn còn rất nhiều điều để học hỏi.

TÔ LỆ HẰNG

Bài do tác giả gởi Đạo Uyển,
ngày 24-12-2019, từ Paris.

[13] Võ Phiến, bút danh của Đoàn Thế Nhơn (1925-2015), là nhà văn, dịch giả, phê bình văn học nổi tiếng ở miền Nam trước 1975.

[14] *Kế vãng khai lai* 繼往開來: Nối tiếp người trước và mở lối cho người sau, tức là bắc cầu giữa hai thế hệ, hai thời đại.

NGÔI TRƯỜNG CỦA MẸ

TRẦN HUIỀN ÂN

Hồi ấy, làng Vân Hòa [1] của tôi có trường công liên hương [2] tại ấp Phước Hậu, nhưng làng quá rộng, từ nhà tôi ở ấp Bình Trị, hay ấp Bình Điền lân cận đến Phước Hậu đi bộ mất nửa buổi, vì vậy đa số trẻ con hai ấp này không đi học được. Nhỏ tuổi thì không đủ sức đi, tìm nhà quen gởi trọ cũng bất tiện. Lớn lên một chút thì còn lo giúp đỡ công việc gia đình, chăn trâu, dọn vườn, bẻ thơm… [3] Để giải quyết việc này, cha tôi xin phép mở một "gia đình học hiệu" và cất gian trường bên cạnh nhà. Tuy nói là gia đình học hiệu nhưng thực tế cha tôi tìm thầy mời về dạy chương trình lớp Năm và lớp Tư [4] cho cả trẻ con hai ấp Bình Trị, Bình Điền. Tôi còn nhớ thầy Vưu người Tuy Hòa và thầy Liên người tận ngoài Quảng Bình. Mẹ tôi có một gánh hàng xén, bán tại nhà và mỗi tháng chín phiên bán ở Chợ Đồn. Mọi chi phí cất trường, đóng bàn ghế, bảng đen, mua sổ sách bút mực cho thầy, việc ăn ở của thầy tại nhà tôi đều do mẹ tôi lo liệu, trích từ lợi tức trong gánh hàng xén ấy. Giữa tháng mẹ tôi "kiểng" thầy số tiền lương.

Bà Nguyễn Thị Xuyến (1902-1945), thụy danh Kim Sa, có công cùng chồng mở "nghĩa thục" ở làng Vân Hòa, tổng Sơn Xuân, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên. Ảnh chụp năm 1937.

Học sinh chẳng những được học miễn phí, không phải đóng góp một khoản nhỏ nào, còn được tổ chức sinh hoạt như trường công, có bầy đàn, ca hát, tập các trò chơi, tìm dấu đi đường… Mấy môn này thì trẻ con thôn quê dễ rành lắm. Thay vì công bố vị thứ hàng tháng mẹ tôi xin thầy công bố vị thứ hàng tuần vào mỗi chiều Thứ Bảy. Trò nào học giỏi được thưởng. Phần thưởng là giấy manh,[5] thước gạch, bút chì, ngòi viết và mực viên… cũng do mẹ tôi cung cấp. Lúc đó chưa có tập vở, học trò dùng giấy manh đóng vở, tự gạch dòng bút chì để chép bài, làm bài. Ngòi viết có nhiều loại, chúng tôi gọi theo

Đạo Uyển chú thích:

[1] *làng Vân Hòa*: Xem *Phụ Đính* cuối bài.

[2] *trường công liên hương*: Trường nhà nước mở chung cho các làng ở gần nhau. Xem thêm *Phụ Đính* cuối bài.

[3] *trái thơm*: Trái thơm to hơn trái khóm, các mắt trái thơm thưa, giãn và lá thơm không có gai. *Trái khóm* thường nhỏ, khoảng non 1kg, và mép lá khóm có rất nhiều răng cưa (gai); khóm ăn ngọt hơn thơm. Miền bắc gọi chung thơm và khóm là *quả dứa.* Xem thêm *Phụ Đính* cuối bài.

[4] *lớp Năm, lớp Tư, lớp Ba, lớp Nhì, lớp Nhứt*: Năm lớp bậc tiểu học từ thấp lên cao. Từ niên khóa 1970-1971 (ở miền Nam) gọi là lớp Một, lớp Hai, lớp Ba, lớp Bốn, lớp Năm.

[5] *manh*: Do tiếng Pháp là *main.* Một xấp (thếp) giấy manh (*une main de papier*) thường gồm hai mươi hay hai mươi lăm tờ đôi. Học trò tự vô bìa và đóng lại thành tập vở.

hình dạng là ngòi viết lá tre, ngòi viết rông,[6] ngòi viết bầu và ngòi viết ễn. Mực viên dùng hai màu xanh và tím, một loại giống như viên thuốc aspirine, một loại viên hơi tròn. Mấy trò thường xuyên được thưởng thì giấy bút mực dư học cả năm, khỏi phải mua. Học ở đây xong, đứa nào cha mẹ cho học tiếp thì ra Phước Hậu vào lớp Ba, đứa nào không có điều kiện phải ở nhà thì cũng ít nhiều đã biết đọc biết viết.

Hai anh em tôi nhỏ nhất, cùng học một lớp. Thầy cho ra chơi là chạy vào nhà tìm kẹo bánh. Tôi rất thích loại kẹo bạc hà đựng trong ve thủy tinh hình giống như trái bầu, mỗi lần đi Dinh [7] mẹ tôi mua về cho một vài ve. Cùng lớp, có mấy trò con trai ở Bình Điền lớn tuổi, đứng gần bằng thầy, dân làm ruộng đen thui và chắc nịch. Mấy trò con gái dân Xóm Chợ thì trắng trẻo ẻo lả… Chúng tôi hơn họ ở chỗ có một bộ "giáo khoa thư" và nhiều lúc được mẹ lật sách ra chỉ cho những hình vẽ, giảng giải. Thành ra trước khi biết chữ anh em tôi đã thuộc lòng, tranh nhau đọc câu: "*Sách này do Nha Học chánh Đông Pháp giao cho các ông Trần trọng Kim, Nguyễn văn Ngọc, Đặng đình Phúc và Đỗ Thận soạn.*[8] *Nhà nước giữ bản quyền. Cấm không ai được in lại",* đã có những tờ tranh vẽ hình bà Trưng bà Triệu cỡi voi, ông Đinh Bộ Lĩnh bẻ bông lau làm cờ đánh giặc…

Học hai mươi bốn chữ cái rồi vần xuôi, vần ngược, ráp vần, tập đọc… Vần xuôi nghe như cầu kinh, vần ngược nghe như thần chú. Khi biết đọc sách, chỗ nào không hiểu tôi đem hỏi mẹ, được mẹ giảng giải rõ ràng. Bây giờ đã quên hết, chỉ còn nhớ hai chuyện. Chuyện thứ nhất, trong sách có hình vẽ một ông cỡi ngựa và nhiều người đang cuốc đất gánh đất hay làm gì đó, ghi là *Chánh tổng coi đê*. Con đường trước nhà tôi thỉnh thoảng có đồng bào dân tộc thiểu số cỡi voi đi qua. Voi, gọi là "ông bồ" tai to vòi dài… lạ lắm, cách ăn mặc của "thằng nài", cái ống điếu, tiếng nói lơ lớ…cũng lạ lắm, vui lắm. Lúc ấy thường gọi chung đồng bào các dân tộc thiểu số là "người Đê". Mỗi lần như vậy lũ trẻ chúng tôi gọi nhau đi "coi Đê". Tôi lấy làm lạ, tại sao ông chánh tổng cũng đi "coi Đê" như lũ nhóc chúng tôi. Mẹ tôi mới giảng cho biết về những con đê bên sông ngoài Bắc, trong hình là ông chánh tổng đang trông coi dân chúng đắp sửa đê. Chuyện thứ hai, khi đọc bài *Trầu Cau* có câu "*… người vợ chết hóa ra dây trầu không leo ở cây cau*…". Rõ ràng trong hình vẽ dây trầu quấn vào cây cau, sao lại nói dây trầu *không* leo ở cây cau? Mẹ tôi giảng lại cho biết, xứ mình gọi là *dây trầu* thì ngoài Bắc gọi là *dây trầu không.*

Trong một năm thầy Liên dạy chúng tôi học hết chương trình lớp Đồng Ấu và Dự Bị để ra trường công liên hương học lớp Sơ Đẳng (lớp Ba). Đầu năm 1945, chuẩn bị thi bằng Sơ Học Yếu Lược, mỗi trò được cấp một giấy căn cước, dưới có chữ ký quan Tuần Vũ tỉnh Phú Yên Trần văn Lý. Chữ ký dài, đầy đủ và rõ ràng, gần chữ *v* (*văn*) có một chữ *v* khác bằng bút chì màu đỏ. Tôi nói với mẹ: Quan Tuần Vũ ký sai phải sửa lại chữ v. Mẹ tôi giảng cho biết đó là chỗ một thầy thông thầy phán đã xem trước, thấy đúng, làm dấu để quan Tuần Vũ ký chứ không phải sai và sửa.

Tôi nhớ mãi chuyện này vì đây là lần cuối cùng chuyện trò

---

[6] *rông*: Do tiếng Pháp là *ronde.* Ngòi viết to nét dùng để viết chữ kiểu cọ như họ tên, nhan đề bài học…

[7] Xem thêm *Phụ Đính* cuối bài.

[8] *Trần trọng Kim, Nguyễn văn Ngọc, Đặng đình Phúc*: Cách viết họ tên thuở xưa, không viết hoa chữ lót.

cùng mẹ. Học lớp Ba tôi phải ở trọ, Chủ Nhật sau về thì mẹ tôi bệnh, rồi bệnh nặng và qua đời. Đau thương trùm lên gia đình tôi. Tiếp theo là những biến cố dồn dập của đất nước… Gia đình tôi rời khỏi làng Vân Hòa và xa cách mộ phần mẹ.

Bây giờ, mỗi khi hồi ức về mẹ, tâm tưởng tôi vẫn là tâm tưởng đứa trẻ lên bảy lên tám… Tôi tự hỏi: Bao nhiêu bạn bè thời thơ ấu ấy, nay ai còn ai mất, ai lưu lạc phương trời, ai đang ở làng quê, ai đã thành ông bà nội ngoại, kẻ giàu sang, người nghèo khó… Giữa bao nhiêu bận rộn của cuộc sống, có lúc nào họ nhớ lại những ngày học tại "nghĩa thục" của mẹ tôi không? Có lúc nào họ nhớ lại hình ảnh mẹ tôi không? Tôi nghĩ rằng họ không phải là kẻ bạc.

TRẦN HUIỀN ÂN (2000)

PHỤ ĐÍNH

1. Làng Vân Hòa: Thuộc tổng Sơn Xuân, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên. Làng có bốn ấp Bình Trị, Bình Điền, Phước Hậu, và Tây Phước. Ấp Bình Trị có chợ Đồn. Chợ Đồn thành địa danh cho ấp Bình Trị. Đây là ấp quan trọng hơn hết của làng, nhưng nhiều người không biết tên Bình Trị, thường dùng các tiếng Đồn, Chợ Đồn, hay Đồn Vân Hòa để gọi nơi này. Cuối năm 1945 (thời Việt Minh) giải thể cấp tổng. Năm 1946 hai ba làng nhập thành một xã. Năm 1949 nhập xã lần thứ hai. Lúc này trên địa phận tổng Sơn Xuân cũ có ba xã: Sơn Xuân, Sơn Long, và Sơn Định. Làng Vân Hòa cùng với các làng Phong Cao và Trung Trinh thuộc xã Sơn Long. Xã Sơn Xuân gồm các làng Lương Sơn, Xuân Sơn, và Hòa Nguyên.

2. Việc học quốc ngữ thời Nam triều tại Trung Kỳ: Chỉ có Vinh, Huế và Qui Nhơn có trường trung học (*collège*). Các tỉnh khác thì tại tỉnh lỵ, huyện lỵ và khu đông dân cư có trường tiểu học (*école primaire*), các tổng có trường sơ học (*école élementaire*) hoặc công liên hương (*école intercommunale*), các làng có hương trường (*école communal*).

3. Dinh: Lúc ấy nội thị Tuy Hòa gọi là Dinh, chợ Năng Tịnh là chợ Dinh, tháp Nhạn là tháp Dinh. Đi Tuy Hòa nói là "đi Dinh".

4. Trái thơm: Từ 1960 về trước, xóm Chợ Đồn (làng Vân Hòa) và xóm Trại Cháy (làng Lương Sơn, xã Sơn Xuân) là hai nơi trồng thơm có tiếng ở Phú Yên. Thơm trồng trong vườn có cây che tàn không bị háp nắng. Thơm nơi khác trồng trên đất gò, gọi là *thơm gò*, không ngon bằng. Hai bên lá thơm rất nhiều gai răng cưa. Một loại thơm lá không gai gọi là *thơm trơn*, không ngọt bằng. Một loại thơm trái lớn hơn, chín chậm hơn, ruột trắng giòn, ít ngọt, gọi là *thơm trù trì*. Trù trì là chậm chạp. Khi trái thơm lớn bằng cổ tay người ta phải bẻ bỏ phần trên gọi là đầu thơm, để cây có đủ sức nuôi trái thơm lớn và tròn; cùng lúc với việc dọn vườn, cắt bỏ những dây, cây nhỏ quanh bụi thơm cho được thoáng. Dọn vườn, bẻ đầu thơm phải mặc áo tay dài, quấn bàn tay lại để khỏi bị gai thơm chích chảy máu các ngón tay. Những năm 1960-1975 Chợ Đồn trong vùng căn cứ MTGPMN, vườn thơm bị phá để trồng sắn (khoai mì); sau năm 1975 không trồng lại thơm nên bây giờ Chợ Đồn không còn thơm, chỉ ở xóm Trại Cháy còn một phần. Nay, những nơi trồng khóm không bẻ đầu như bẻ đầu thơm.

TRẦN HUIỀN ÂN (03-11-2019)

ĐÔI ĐIỀU TẢN MẠN VỀ *CÒN THƯƠNG CHIẾC LÁ* CỦA TRIỀU HẠNH

TRẦN HUIỀN ÂN

> Để hiểu thơ, cảm thụ được thơ, ngõ hầu dễ gần gũi với thơ, thì có chi bằng thử lắng nghe một nhà thơ nói về thi phẩm của một nhà thơ khác. Bởi nghĩ như vậy, Đạo Uyển hân hạnh gởi tới quý đạo hữu những dòng tản mạn của Trần Huiền Ân (thế danh Trần Sĩ Huệ, sinh năm 1937) viết về thơ Triều Hạnh (thế danh Phan Thị Thạnh, sinh năm 1951). Cả hai đều là người thơ tỉnh Phú Yên. (*Các chú thích trong bài do Đạo Uyển thêm vào*.)

Văn chương trước hết xuất phát từ thiện tâm, cho nên ý niệm Yêu Thương thường được nhắc đến.

Trong phạm vi thân tình, đây là đôi điều tản mạn về tập thơ của Triều Hạnh có một chữ Thương: *Còn Thương Chiếc Lá.*[1]

Chiếc lá cũng là một ẩn ngữ mang tính yêu thương trong văn học. Ta nghĩ ngay đến truyện ngắn đầy tính nhân đạo của O. Henry.[2] Đọc *Tỳ Bà Hành*,[3] Phan Huy Vịnh chuyển ngữ quốc âm: "*Thuyền mấy lá đông tây lặng ngắt*" ắt là hình dung ra, rất rõ ràng, cảnh bến Tầm Dương trong đêm trăng ấy.

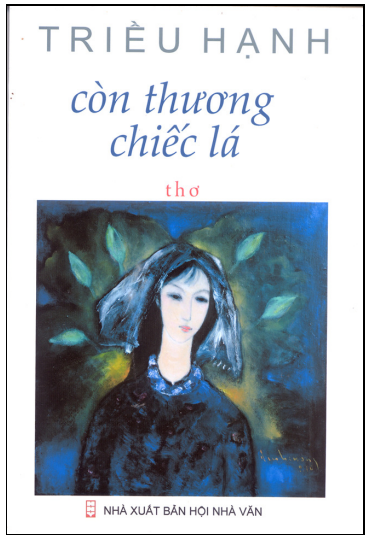

Một buổi trưa ngẩng trông lên trời cao xanh thẳm, có chiếc lá nào đó, vô tình hay hữu ý nằm trong đường tầm mắt.

Chiếc lá là chiếc thuyền và nền trời là biển rộng. Để dễ dàng nhận thấy hơn hãy quay ngược cảnh trí, chiếc lá vẫn là chiếc thuyền, như chiếc thuyền câu bé, nhưng chẳng phải bơi giữa ao thu, mà chung quanh dẫu mênh mông không bờ bến vẫn thanh tịnh, bình yên.

Chiếc lá cũng có thể là chiếc thuyền giữa rốn biển sâu thăm thẳm, để có những lần tác giả nghiêng người nhón chân nhìn ra, gió nổi ào ào, bạc đầu sóng dữ... đồng thời từ xa xa mặt trời rực rỡ, mây trắng trên tầng cao nhìn xuống trùng trùng nước biếc.

Đó là cuộc đời. Có đẹp không? Thơ Mộng và Hùng Dũng. Tàn Ác và Hung Bạo. Sức cuốn hút lạ thường bùng lên, cháy

---

[1] Triều Hạnh, *Còn Thương Chiếc Lá,* tập thơ đầu tay, 116 trang (13,5x20,5cm). Hà Nội: Nxb Hội Nhà Văn, 2018.

[2] Truyện ngắn *Chiếc Lá Cuối Cùng* (*The Last Leaf*) của O. Henry (1862-1910), nhà văn Mỹ tên thật là William Sydney Porter. Xuất bản lần đầu năm 1907, in chung trong tập truyện *The Trimmed Lamp and Other Stories*, truyện ngắn *Chiếc Lá Cuối Cùng* được đưa vào sách giáo khoa ở Việt Nam và nhiều nước khác.

[3] *Tỳ Bà Hành* 琵琶行: Bài thơ tám mươi tám câu, mỗi câu bảy chữ, danh tác của Bạch Cư Dị 白居易 (772-846). Bản dịch tiếng Việt rất nổi tiếng cũng gồm tám mươi tám câu song thất lục bát, xưa nay vẫn được cho là của Phan Huy Vịnh (1800-1870), nhưng sau này lại có thuyết nói rằng người dịch chính là thân phụ của Huy Vịnh, tức Phan Huy Thực (1778-1844).

đỏ những khát vọng nguyên bản khả ái. Điều này tạo ra nghịch lý trong thơ Triều Hạnh.

Đến với làng thơ khi tuổi tròn mười sáu, màu áo học trò trinh trắng, mái tóc học trò xõa xuống bờ vai; đăng bài tại Sài Gòn trên các tuần báo *Hoa Tình Thương, Phụ Nữ Mới, Phụ Nữ Ngày Mai, Tuổi Ngọc*, và các nhật báo *Hòa Bình, Tia Sáng, Dân Ta…*

Bất chợt lặng im…

Nửa thế kỷ trôi qua… Bằng hữu thúc nhắc, Triều Hạnh mới chịu bước khỏi vòng phấn cách ngăn, xuất bản tác phẩm đầu tay này.

Khi rời bỏ sân trường lớp học để làm cô giáo, cũng là sân trường lớp học nhưng vị trí đổi thay. Đứng trên bục giảng nhìn xuống đàn em non dại chắc chắn Triều Hạnh không khỏi nhớ thương về thời hoa niên thơ mộng của chính mình. Một nửa vui, một nửa buồn, tạm coi rằng được cân bằng.

Thế rồi cô giáo ngược bước trở về:

Người xuôi thành phố ta lên ngược
Làm chuyến hành hương đến cuối đời
Lập lại vườn xưa, khơi giếng nước
Thả đàn cá nhỏ dưới ao bơi…

Triều Hạnh về quê sống bên bà nội trong gian nhà mái rạ vách phên, đêm trường đốt rơm hun muỗi:

Vách chắn đơn sơ lều một túp
Trú nắng che mưa đỡ gió sương
Mặt nám lưng cong gồng với đất
Cuộn rơm un muỗi ấm đêm trường…

Để nhận biết:

Cháu về nội bớt buồn đơn độc
Bữa cơm sớm tối dọn ngoài hiên
Luống cà ra trái, xoài sai nụ
Chim chóc reo vui rộn đất hiền…

Làng quê hẻo lánh đã thành nơi đất lành chim đậu.

Trong môi trường thân yêu ấy, Triều Hạnh cảm thấy lòng mình luôn luôn trẻ trung, dù qua bao năm tháng biển dâu:

Em vẫn là em. Em của anh
Đơn sơ áo trắng mộng trong lành
Giữ lòng chung thủy bao năm tháng
Để nhận ra màu tóc cứ xanh.

Khi Triều Hạnh nói đến mẹ, người đọc không khỏi ngạc nhiên bắt gặp ở đó một ẩn ngữ có cội nguồn sâu xa từ văn chương Phật Giáo:

Tóc mẹ trắng bao mùa hoa vải
Ngút ngàn xa rừng trải bông tơ
Dừa rợp bóng quanh năm sai trái
Tàu chuối biên kinh mượt những tờ…

"Tàu chuối biên kinh…", có phải gợi ý từ "*Phiên kinh thượng tiêu diệp*"? [4]

[4] *Phiên kinh thượng tiêu diệp* 翻經上蕉葉: Câu thơ thứ tư trong bài ngũ ngôn bát cú của Trương Tịch 張籍 (768-830), nhan đề *Sơn Trung Tặng Nhật Nam Tăng* 山中贈日南僧 (ở trong núi làm thơ tặng ông sư người Nhật Nam). Chữ *phiên* 翻 có nghĩa là giở ra, lật qua (*turning over, flipping over*), nên câu thơ này hòa thượng Thích Mật Thể (1913-1961) dịch là: *Mở kinh trên lá*

Trong thơ Triều Hạnh còn có dấu ấn lịch sử. Viếng tháp Cánh Tiên [5] tác giả thương quý công chúa Huyền Trân và kính phục tài kinh bang của vua Chế Mân, cho rằng đó là cuộc hôn nhân xứng đáng:[6]

Dẫu tài kinh quốc Chế Mân
Hai châu Ô Lý xứng thân cành vàng
Cõi bờ thêm rộng mở mang
Danh công chúa Việt thơm trang sử tình.

Quay về khung cảnh gần gũi đầm ấm, khi ru cháu nội, Triều Hạnh có lời dỗ dành rất dí dỏm và tế nhị:

Ngủ đi cháu. Ngủ! Ngoài kia
Hàng cau ngủ thẳng, ao đìa ngủ cong
Ngọn tre ngủ giữa trời không…
Để bà xem gió ngủ rong chốn nào…

Triều Hạnh cũng không quên ca dao địa phương khi bà nội nhắc lại thời về làm dâu làng Sơn Triều:

Nhà mấy cột, thềm cao ai bước thấu
Cau mấy hàng, ai đếm đủ từng cây?

chuối. Nhưng *phiên* 翻 còn có nghĩa là phiên dịch (*translating*), nên câu thơ này có thể chuyển ngữ là: *Dịch kinh trên lá chuối*.

[5] *tháp Cánh Tiên*: Ngôi tháp cổ Champa nằm ở chính giữa thành Đồ Bàn ngày xưa, nay thuộc xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

[6] Về cuộc hôn nhân chánh trị giữa Công Chúa Huyền Trân nước Việt đời Trần và vua Chế Mân nước Chiêm Thành (*Champa*), xem: Huệ Khải, "Công Chúa Huyền Trân Xưa và Nay", in trong *Đại Đạo Văn Uyển*, tập Trinh (15-16). Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2015, tr. 55-60.

Sơn Triều là vùng nông nghiệp phát triển sớm ở nam Phú Yên, từ thời còn thuộc tổng Trung, huyện Đồng Xuân, đã lưu danh trong ca dao:

Sơn Triều nhiều ruộng nhiều trâu
Để cho chị Bốn làm dâu Sơn Triều
Làm dâu coi trước coi sau
Coi nhà mấy cột, coi cau mấy hàng…

Nhiều ruộng nhiều trâu, nhà cao cửa rộng, có vườn cau giếng nước là hàng đại phú. Cột nhà chẳng lẽ ai vào dỡ đi, cau hàng chẳng lẽ ai vào chặt đi. *Coi nhà mấy cột, coi cau mấy hàng*… là coi trước coi sau, coi trong coi ngoài, công việc của một người dâu đảm đang quán xuyến…

Thi sĩ Tô Thùy Yên [7] viết trong bài *Ta Về:*

Cảm ơn hoa đã vì ta nở
Thế giới vui từng mỗi lẻ loi…

Trong thơ Triều Hạnh:

Vườn chanh lối nhỏ còn in dấu
Hoa có vì em nở trắng vườn?

Cùng nhắc đến hoa, hoa nở, trong hoàn cảnh cô đơn, hay xa cách, nhưng đóa hoa không tên của Tô Thùy Yên có phần lẻ loi, hoa chanh của Triều Hạnh chắc đang nở trắng vườn, khu vườn vốn là đất hiền, còn đó lối nhỏ, tạo nên sắc thái yên vui hội tụ.

Trở lại với chiếc lá. Chiếc lá còn xanh sớm rụng, là hình ảnh hai người em thân thương của Triều Hạnh, tác giả dành

[7] Tên thật Đinh Thành Tiên (1938-2019).

trong bài thơ cuối cùng khi tác phẩm được xếp lại với nỗi bâng khuâng:

Thương em chiếc lá trinh trung
Tan vào cát bụi mông lung chốn này…

Tóm lại, suốt cả tập thơ, thể hiện suốt hành trình làm thơ của Triều Hạnh, một nửa là tình yêu thương luôn luôn đằm thắm, đậm đà với chung quanh, từ cảnh trí đến người thân… xa gần… Còn một nửa Triều Hạnh vẫn khép kín nỗi niềm riêng tư trong mọi ngõ ngách. Ở đó, thoáng trông tưởng những rộng khắp bao la:

Em về rủ mộng cô liêu
Rủ mây gió lại dồn yêu một ngày.

Nhưng cái căn cơ nghịch lý ẩn tàng đã ư trung hiện diện. Rủ cả mây gió lại trong thời gian hữu hạn (*một ngày*) mà rủ luôn cả mộng cô liêu! Để cuối cùng, với mọi người có thể là đạt được hạnh phúc song phương, Triều Hạnh vẫn lặng lẽ trong đơn vị thời gian hữu hạn(*sáng, trưa, chiều*) ấy:

Lặng lẽ những trưa, những sáng, những chiều
Lặng lẽ bước với tình em lặng lẽ…

Triều Hạnh đã gởi gắm tất cả tâm hồn nhân hậu vào thơ, để làm nên thi phẩm, xác định những nghịch lý riêng tư từ văn chương đến cuộc sống cá nhân, cái nghịch lý Triều Hạnh đã mặc nhận và vun đắp thành công. Như con tằm, ăn dâu không phải lại nhả ra lá dâu, mà nhả ra những sợi tơ quý.

TRẦN HUIỀN ÂN
Tuy Hòa, 04-3-2018

MAY QUÁ

May quá Kỳ Ba Thầy mở Đạo
Dắt người ra khỏi buổi trầm luân
Ví dù đời có sao chăng nữa
Vẫn dốc lòng tu, quyết thoát trần.

TRẦN DÃ SƠN

TÔI YÊU

Tôi yêu lắm những mầm non mới nở
Những chồi xanh còn đọng giọt sương hồng
Mỗi sớm mai mặt trời lên rạng rỡ
Ánh bình minh chói lọi khắp non sông

Thương biết mấy bóng chiều rơi lả tả
Từng đàn chim sải cánh gọi nhau về
Rừng vang vọng tiếng muôn loài hoang dã
Tôi nghe mình nằng nặng mối tình quê

Dù không biết ngày mai mưa hay nắng
Nhưng chẳng sao, tôi vẫn thấy yêu đời
Rồi đêm nay tự dưng trong sâu lắng
Nghe hồn thiêng đang ấp ủ hồn tôi

Xin gởi lại mai sau tình dâng hiến
Hãy yêu đời vì đời đã có nhau
Lòng trời đất như tình sông nghĩa biển
Lòng thế nhân không lẽ chỉ hận sầu.

TRẦN DÃ SƠN
Krông Păk, 17-10-2019

THEO MẸ VỀ QUÊ NGOẠI

LÊ THỊ TÂM

Lối xưa cát trắng đâu rồi
Đường về quê ngoại của thời ấu thơ
Vài cây thông liễu ven bờ
Năm ba bụi dứa chơ vơ giữa đồng
Một vùng cát trắng mênh mông
Chân trời đỏ ối vừng hồng vừa lên
Có đôi chim nhỏ ngủ quên
Nấp trong cành liễu giật mình vụt bay
Hình như ai mới qua đây
Dấu chân trên cát nhạt nhòa sương mai
Thoáng nghe tiếng mẹ bên tai
"*Nắng lên rồi đó, bước dài cho nhanh*."
Ngẩn ngơ đảo mắt nhìn quanh
Chỉ toàn cát trắng vắng tanh bóng người
"*Đường sao xa quá, mẹ ơi!*"
Tay níu áo mẹ mồ hôi đầm đìa
Mẹ rằng: "*Sắp tới rồi kìa*
Ráng thêm mấy bước, bên kia bìa rừng
Chắc là mấy cậu ngó chừng
Đào khoai, nhổ đậu để phần đó con."
Ông bà tuy đã không còn
Tình thương mấy cậu cho con rất nhiều
Các anh chị lại cưng chìu
Dẫn đi khắp xóm bày nhiều trò vui
Xế chiều lại phải về rồi
Gió hiu hiu thổi mây trôi trên đầu
Thương mẹ mưa nắng dãi dầu
Vì đàn con nhỏ mẹ đâu ngại gì
Chân trần nặng trĩu bước đi
Hai vai gánh nặng đậu, khoai, nén, hành
"*Con ơi, ráng chạy cho nhanh!*"
Con thì mắt cứ nhìn quanh tìm chè
"*Con nhổ chè cát,*[8] *mẹ nghe!*"
"*Thôi con bỏ lại, về nhà tối thui*."
Lưng mẹ ướt đẫm mồ hôi
Thương mẹ vất vả một đời vì con
Bây giờ mẹ đã không còn
Mặt trời khuất bóng đầu non kia rồi
Nghĩa Hòa [9] quê ngoại trong tôi
Là bao kỷ niệm của thời tuổi thơ.

LÊ THỊ TÂM

Nguyên thuộc họ đạo Thái Hòa (Thăng Bình, Quảng Nam, thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài), hiện tu học tại họ đạo Phước Thạnh (Củ Chi, thuộc Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh).

[8] *Chè cát*: Một loại cỏ thơm mọc ở vùng đất cát, có thể nấu nước uống.

[9] *Nghĩa Hòa*: Tên của một thôn gần thánh thất Hưng Đông (thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài).

CHUYỆN XƯA TÍCH CŨ

BIẾT SỬA MÌNH NHỜ CHÓ

Đời còn gọi Tế Điên Hòa Thượng 濟癲和尚 là Tế Công Hoạt Phật 濟公活佛 (Phật Sống Tế Công). Truyền rằng ngài vốn là La Hán trên trời, mượn xác phàm sanh vào nhà họ Lý để cứu dân độ thế.

Phật Quang Đại Từ Điển (bản dịch của sa môn Thích Quảng Độ), mục từ *Đạo Tế (1150-1209)*, cho biết như sau:

Vị thiền tăng thuộc phái Dương Kỳ, tông Lâm Tế ở đời Tống. Người Lâm Hải (Chiết Giang), họ Lý, tên Tâm Viễn, tự Hồ Ẩn, hiệu Phương Viên Tẩu.

Năm mười tám tuổi, sư xuất gia ở chùa Linh Ẩn, lần lượt tham học các ngài Pháp Không Nhất Bản ở chùa Quốc Thanh, Đạo Thanh ở chùa Kỳ Viên, Đạo Tịnh ở chùa Quan Âm. Sau, sư vào núi Hổ Khâu làm đệ tử ngài Hạt Đường Tuệ Viễn và nối pháp của ngài. Sư lại đến ở chùa Tịnh Từ, chùa bị thiêu hủy, sư đi hành hóa ở Nghiêm Lăng. (. . .) Bình sinh tính sư điên khùng, buông thả, thích rượu thịt, nên người đời gọi sư là Tế Điên.

Năm Gia Định thứ hai (1209) sư ngồi mà hóa, thọ sáu mươi tuổi; nhục thân để vào tháp Hổ Bào.[1]

Câu chuyện sau đây [2] trích từ ***Tế Điên Hòa Thượng*** (quyển Nhứt, Hồi 14 và 15, tr. 161-167) của **Quách Tiểu Đình** 郭小亭, hòa thượng **Thích Minh Cảnh** (1937-2018) dịch, Tu Viện Huệ Quang liên kết nhà xuất bản Hồng Đức ấn hành (tháng 9-2019).

Đạo Uyển chú:

[1] https://thuvienhoasen.org/images/file/LCYzsp1G0QgQAN1c/dd.pdf

[2] Nhan đề do Đạo Uyển đặt.

Hồi 14: (. . .) Tế Điên mới cáo từ ra khỏi nhà Trịnh Hùng đi về phía cửa Tiền Đường.

Đến bên ngoài cửa Tiền Đường, Tế Điên thấy có một gánh thịt chó để đó, còn người bán thì đang ngồi xổm đại tiện ở chân tường đối diện với Ngọc Hoàng Các.[3] Tế Điên vỗ đầu ba cái, nhướng mắt huệ nhìn xem, nói: "Đây thiệt là người con hiếu bậc nhất trên thế gian. Hòa thượng ta nếu không cứu hắn, ắt lôi thần [4] sẽ đánh chết." Nghĩ rồi bèn hỏi:

- Thịt chó này của ai đây?

Hỏi liên tiếp ba lần mà không có ai trả lời.

Nguyên người bán thịt chó này họ Đổng tên Bình, nhà ở trong cửa Tiền Đường, trong nhà có bà mẹ và vợ là Hàn thị.[5] Đổng Bình là người tánh tình rất đa nghi, thường hay trước mặt mẹ nói nhiều điều bất hiếu, dù mẹ không lỗi lầm chi, nhưng lời nói cũng tỏ ra ngang ngược. Sáng ra, Đổng Bình

---

[3] **các** 閣: Gác, lầu.

[4] **lôi thần** 雷神: Lôi công 雷公, thần sấm, thiên lôi 天雷.

[5] **thị** 氏: Ngày xưa gọi phụ nữ thì lấy họ cha hoặc chồng và thêm *thị* ở sau. Vậy, *Hàn thị* là con gái ông họ *Hàn*.

cùng mẹ cãi nhau một trận, Bình cho mẹ không biết gì hết. Vợ hắn là Hàn thị, là người vợ hiền lương, thường khuyên can hắn, nói:

- Mẹ đã lớn tuổi rồi, anh không nên vô cớ rầy rà như vậy để mẹ phải buồn lòng.

Đổng Bình cũng không nói năng chi, ra cửa đi bán thịt. Hôm đó, Bình xào một chảo thịt chó, bảo Hàn thị xem chừng, còn mình đi mua chó. Triều nhà Tống [6] cho phép người ta mua bán thịt chó tự do. Đổng Bình đi đường Hồ Đồng, thấy ở phía bắc đường có một người đứng sẵn chờ, tuổi độ hơn ba mươi, có dáng vẻ như người buôn bán. Người đó hỏi:

- Anh đi mua chó về bán thịt phải không?

Đổng Bình đáp:

- Phải.

Người ấy nói:

- Tôi vốn không muốn nuôi chó, nhưng từ năm kia có một con chó hoang đến ở, đuổi nó, nó không đi. Tối lại đóng cửa nhốt chó ở trong nhà. Nửa đêm nghe tiếng chó sủa, tôi thức dậy xem, thì ra có kẻ trộm đang cạy cửa. Tôi nghĩ rằng con chó này cũng có chỗ dùng bèn để lại nuôi. Năm nay, nó lại sanh thêm một con chó nhỏ nữa, chúng nó cứ giành ăn cắn nhau mãi. Tôi sợ cắn phải đứa con tôi, nên cũng có ý bán nó, nhưng không lẽ đã có ơn nuôi dưỡng lại có cừu [7] giết hại sao? Tôi cũng không cần tiền, anh nên bắt về đi.

[6] Hòa thượng Tế Điên (1150-1209) sống đời nhà Tống (trị vì từ 960 đến 1279).

[7] **cừu** 仇: Oán thù sâu xa.

Đổng Bình nghĩ: "Thế thì hợp quá!" Bèn lấy dây cột con chó lớn, ôm con chó nhỏ, cảm ơn người ấy vài câu rồi kéo chó trở về nhà. Đến nhà, cột chó lớn ở trong sân rồi vào nhà lấy dao ra định giết chó. Để dao ở ngoài sân, vào nhà lấy cái chậu trở ra thì con dao đâu mất. Đổng Bình hỏi vợ:

- Bà có lấy dao không?

Người vợ trả lời:

- Không có.

Đổng Bình đi tìm, thấy con chó nhỏ nằm ép lên lưỡi dao, cán ló ra ngoài. Đổng Bình đi đến, lấy chân đá chó nhỏ một cái, lấy dao lại định giết chó lớn. Con chó nhỏ chạy tới nằm trườn trên bụng chó lớn, nhe răng nhìn Đổng Bình, mà hai hàng nước mắt chảy ròng ròng.

Hồi 15: (. . .) Đổng Bình thấy con chó nhìn mình nước mắt chảy ròng, ngạc nhiên hồi lâu, tự nghĩ: "Con chó còn biết thân nó từ đâu sinh ra, huống chi ta là con người ư?" Nghĩ thế rồi cắt dây mở thả hai con chó ra, nói:

- Thôi, tao không giết mày nữa, mẹ con mày có muốn ở lại đây thì tao sẵn lòng nuôi, còn không muốn ở thì đi đâu mặc ý.

Hắn vào trong nhà, quỳ trước mẹ, nói:

- Từ trước đến nay, con đối xử với mẹ có nhiều điều vô lễ, tội đáng muôn thác!

Người mẹ nói:

- Chỉ cần con đối với mẹ hết lòng hiếu thảo, vợ chồng con sẽ được nhiều phước lành!

Đổng Bình nói:

- Hôm nay con bán hết gánh thịt chó này, ngày mai xin đổi nghề khác buôn bán sanh nhai, còn nghề buôn bán máu tanh này thôi không làm nữa.

Nói rồi gánh thịt chó đi bán. Mọi hôm, gánh ra bán một loáng là hết. Hôm nay gánh đi qua hơn mười con đường lớn ở Tiền Đường, trước bức vách tường đối diện với Ngọc Hoàng Các, cảm thấy trong bụng quặn đau, bèn để gánh thịt chó bên đường, đi đại tiện. Ngồi thấy hòa thượng từ bên kia đường đi lại hỏi "Thịt chó này của ai?", Đổng Bình cũng không trả lời (. . .).

Tế Điên thấy mặt Đổng Bình lộ sắc đen, bèn án linh quang xét biết hắn ta là người con hiếu bậc nhất trên thế gian, nếu không cứu hắn thì lôi thần đánh chết.

Đổng Bình tại sao được gọi là người con hiếu bậc nhất? Xét trong thiện thư [8] có nói: Ví có người kia nửa đời đã làm việc lành, bỗng một hôm đổi tánh, làm một việc ác, sách ấy ghi chú: Ấy là người ác bậc nhất, công lao nửa đời làm lành coi như không có. Trái lại, nếu người nửa đời làm việc ác, bỗng nhiên tự biết mình sai quấy, cần phải sửa đổi, nếu không sẽ gặp ác báo, [bèn] nhất định cải ác làm lành, thật tình ăn năn lỗi trước, nhờ đó cái ác trước được tiêu ma, trong sách ghi là người lành bậc nhất. (. . .) Đổng Bình tuy bất hiếu với mẹ, bỗng nhiên biết cải hối, hứa trước mẹ hết lòng hiếu thảo, tấc lòng chí thành không chút dối trá, chính là người con hiếu bậc nhất vậy.

Tế Điên hỏi:

[8] **thiện thư** 善書: Các sách dạy ăn hiền ở lành, tu nhân tích đức.

- Gánh thịt chó này của ai đây?

Hỏi liên tiếp hai lần không ai trả lời, bèn kê vai gánh thịt chó rảo bước.

Đổng Bình ngó thấy, gấp quá, lật đật đứng dậy, tay xách quần chạy theo. Vừa chạy được mấy bước thì ở phía sau ầm lên một tiếng lớn, vách tường chỗ ngồi ban nãy đã sập quá nửa.

Đổng Bình sợ quá, mắt mở trừng trừng, trong bụng nghĩ: "Nếu không có ông hòa thượng đó gánh gánh thịt của ta thì giờ này ta bị tường đè chết rồi, thiệt là ghê quá, ghê quá!"

Tế Điên nói "lôi thần đánh chết", nhưng tại sao bị đất đè chết lại cho là bị lôi kiếp [9] ư? Ngạn ngữ nói: "Trời gầm sấm chớp ngũ lôi đánh." Như vậy có nghĩa là năm thứ sấm chớp (ngũ lôi) đánh xuống đầu. Thực sự kim, mộc, thủy, hỏa, thổ [ngũ hành] gọi là ngũ lôi. Dao chém chết gọi là kim lôi, cây gậy đánh chết gọi là mộc lôi, nước dìm chết gọi là thủy lôi, lửa đốt chết gọi là hỏa lôi, đất tường đè chết gọi là thổ lôi. Nếu bị thiên lôi đánh, đó là người cực đại ác mới xui nên.

Đổng Bình nghĩ: "Ta phải đi tìm hòa thượng đòi gánh lại và cảm ơn ông ấy mới được." Nghĩ rồi tiếp tục đi về phía trước.

Nguyên tác: **QUÁCH TIỂU ĐÌNH**
Bản dịch: Hòa thượng **THÍCH MINH CẢNH** (1937-2018)

[9] **lôi kiếp** 雷劫: Nạn bị sét đánh.

LÒNG TIN VÀ TỰ TRỌNG

ĐÀ□ THỊ THÚY NGA

Ở thành phố Đà Lạt có một cái quán cà phê nhỏ xinh, tên là Quán Củ□ Thời Th□nh Xuân, số 9 đường Triệu Việt Vương, phường 4. Quán d□ một d□□nh nghiệp xã hội mở r□, tạ□ công ăn việc làm và dạy nghề ch□ các bạn trẻ khiếm thính, khiếm thị.

Quán h□ạt động hồn nhiên lắm, có khi nhân viên cả quán ké□ nh□u r□ ng□ài hết, để ngỏ cử□ đấy, viết lại một cái biển ch□ khách biết mà và□.

Tấm bảng viết:

> *Hôm nay cả Nhà cùng nhau về quê. Nếu bạn ghé Quán cứ vào ngồi chơi nha! Nếu bạn muốn mua gì cứ tự lấy nhé. Giá tiền đều có hết rồi. Có một thùng gỗ trước căn bếp nhỏ (phòng số 3) bạn để tiền vào đấy nha! Cần gì bạn gọi tụi mình hen 0943910984. Tuần thiệt vui.*

Đại ý là bạn tự phục vụ, tự trả tiền, chúng tôi tin bạn.

Vì cái biển ấy, quán trở nên nổi tiếng. Nổi tiếng the□ kiểu một th□nh kẹ□ ngọt mà □i cũng muốn nếm thử (và nổi tiếng vì là "củ□ hiếm" hôm n□y). Thế mà hôm rồi, nhân lúc quán lại vắng người trông như nhiều khi, có người khách nà□ đó nỡ đập vỡ thùng lấy tiền, tiện t□y kh□ắng thêm đồ đạc, có hũ muối tôm cũng lấy luôn.

Các bạn th□nh niên khuyết tật ở quán viết thư ngỏ rằng:

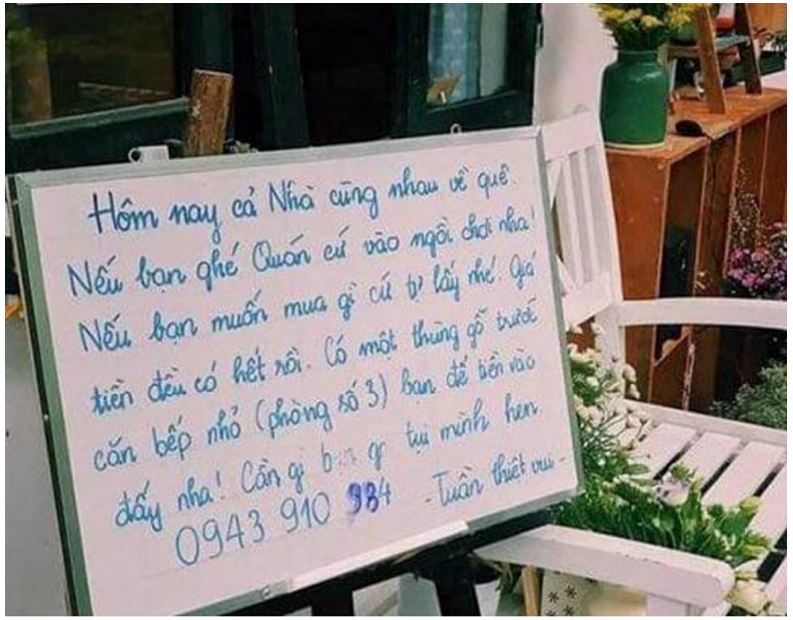

Tấm bảng thông báo gác hờ hững. Nét chữ chân phương như học trò.

Quán Của Thời Thanh Xuân

Hộp gỗ đựng tiền bị cạy tung

Ảnh mượn từ FB Đào Thị Thúy Nga

Chả ai đang sống trong sung túc, đầy đủ mà làm việc này. Chắc cuộc sống của người đang gặp khó khăn, có vấn đề. Mong là số tiền người lấy đi có thể giúp người giải quyết được rắc rối nào đó.

Còn nếu không phải là như vậy, thì việc người không kiểm soát được lòng tham của người sẽ khiến người day dứt trong khoảng thời gian không ngắn. Quán sẽ thấy thương người lắm.

Buồn ghê ha! Quán được dựng nên, được nuôi dưỡng bằng lòng tử tế của tất cả những Thanh Xuân đến đây. Và Quán chỉ muốn sống bằng lòng tử tế ấy, nhân đôi lên, và lan rộng thêm. Để nơi có chúng ta là nơi đáng sống.

Quán không muốn báo công an.

Quán không muốn lắp camera, ơi hỡi người!

Buồn quá!

Nếu đi có dịp đến Đà Lạt, nên tìm ghé Quán Củ Thời Thanh Xuân, số 9 đường Triệu Việt Vương, phường 4. Cần góp chút sức vun đắp và nhân rộng tấm lòng của các bạn thanh niên nơi đây, những con người khi sinh ra đã không được trọn vẹn hình hài.

Lòng tự trọng, lòng tin ngày nay vơi đi ít nhiều. Chỗ nào giờ vẫn không muốn có cameran ninh thì con người ở chỗ đấy tin được, bạn ạ.

ĐÀO THỊ THÚY NGA
Những câu chuyện thú vị
(04-10-2019, lúc 16:34)

CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỐNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

NHÌN LẠI MƯỜI HAI NĂM ẤN TỐNG

THÁNG 6-2008 / THÁNG 6-2020

Cộng dồn tới tháng 5-2019, sau mười một năm phụng sự, Chương Trình Chung Tay Ấn Tống đã in được:	152 đầu sách 917.500 bản in 120.523.000 trang

NĂM THỨ MƯỜI HAI (tháng 6-2019 / tháng 3-2020)

NHAN ĐỀ KINH SÁCH ĐÃ ẤN TỐNG	Trang	Số quyển	Số trang in
124-1. THÁNH THI TRÍCH LỤC. Diệu Nguyên, 2019	96	2.000	192.000
125-1. PHÚC ÂM KỂ LẠI THEO R.F. WILSON, Huệ Khải, 2019	120	2.000	240.000
126-1. NHƯ HOA NỞ MUỘN. Huệ Khải, 2019	152	2.000	304.000
127-1. CÓ NHỮNG MÙA SAO. Huệ Khải, 2019	80	1.800	144.000
128-1. NƠI NÀO THƯƠNG YÊU THÌ CÓ THẦY. Huệ Khải, 2019	40	2.000	80.000
129-1. VIẾT TRƯỚC HIÊN NHÀ. Nguyễn Quốc Huân, 2020	112	1.200	134.400
130-1959. TÌM HIỂU THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG, 2020	192	1.200	230.000
ĐẠO UYỂN **31**. THU 2019	144	1.800	259.200
ĐẠO UYỂN **32**. ĐÔNG 2019	144	1.800	259.200
ĐẠO UYỂN **33**. XUÂN 2020	144	1.800	259.200
ĐẠO UYỂN **34**. HẠ 2020	144	1.200	172.800

► Tạm cộng dồn tới tháng 3-2020, sau ngót mười hai năm phụng sự Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo đã in được: **163** đầu sách; **933.902** bản in; **122.797.800** trang. Chương Trình Chung Tay Ấn Tống kính thành biết ơn tất cả quý ân nhân đã trợ duyên, giúp đỡ về nhiều mặt để Chương Trình dù khả năng hạn hẹp vẫn có thể góp phần nhỏ bé vào việc phổ thông giáo lý Cao Đài. Cầu nguyện Thầy Mẹ ban ơn lành phúc huệ đến tất cả quý ân nhân cũng như gia đình, cửu huyền thất tổ quý vị.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.
Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Đại Từ Tôn.

GIÓ BỐN PHƯƠNG

Gió muốn thổi đâu thì thổi.
GIOAN 3:8

@ Hiền tỷ **caythuocnam**@.....
Điện thư ngày 20-10-2019:

Trong một đàn cơ tại Thiên Lý Đàn, Tuất thời, 01-4 Ất Tỵ (01-5-1965), Đức Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Từ Tôn dạy như sau:

"Mẹ tiếc vì chưa thấy ai là hiện thân của Võ Vương, nghe lời lành liền cúi lạy. Vì vậy mà chưa gặp được minh quân. Chưa thấy ai kiên tâm dưng dép ba lần, vì thế chưa gặp hàng lương tể. Chưa thấy ai phục thiện hạ sĩ bất văn bái thần đồng, vì thế chưa gặp Thánh Nhơn xuất thế độ đời." (trích THÁNH GIÁO SƯU TẬP, NĂM ẤT TỴ –1965, của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội 2018, tr. 106.)

Xin kính nhờ Đạo Uyển vui lòng cho biết: (1) "Võ Vương" ở đây là Chu Võ Vương hay Hạ Võ? (2) "kiên tâm dưng dép ba lần" phải chăng là tích Trương Lương? (3) "lương tể" nghĩa là gì? (4) "phục thiện hạ sĩ bất văn bái thần đồng" ý nghĩa ra sao ạ? Tệ muội rất cảm ơn Ban Ấn Tống.

Huệ Khải: Thưa hiền tỷ, xin lần lượt trả lời như sau:

(1) Khi dạy *"Võ [Vũ] Vương, nghe lời lành liền cúi lạy"*, là Đức Mẹ nhắc tới câu *"Võ [Vũ] văn thiện ngôn tắc bái"* 禹聞善言則拜 (Võ [Vũ] nghe lời tốt lành liền vái lạy), chép trong sách *Mạnh Tử* 孟子, thiên *Công Tôn Sửu, thượng* 公孫丑上.

Khi nói *"Võ [Vũ] văn thiện ngôn tắc bái"*, có lẽ Đức Mạnh Tử đã căn cứ vào câu *"Võ [Vũ] bái xương ngôn"* 禹拜昌言 (Vua Vũ nghe lời nói hay thì kính tạ) chép trong kinh *Thượng Thư* 尚書, thiên *Đại Vũ Mô* 大禹謨. Trong câu này, *xương ngôn* 昌言 là lời nói hay, lời nói thẳng, không kiêng kỵ (sợ mích lòng người nghe).

Trong sách Mạnh Tử và kinh Thượng Thư đã dẫn, chữ Võ (hay Vũ) đều viết là 禹. Vậy, đây là vua Võ (Vũ) 禹 nhà Hạ 夏, nên còn gọi là Hạ Võ (Vũ), cũng gọi Đại Vũ 大禹, là vị vua huyền thoại ở Trung Quốc thời cổ đại. Ông Vũ là người đạo đức, nổi tiếng với việc làm thủy lợi chống lũ, nên dù là dân thường mà lại được vua Thuấn truyền ngôi. Có lẽ nhờ sự nghiệp làm thủy lợi (chống lũ lụt) nên vua Võ (Vũ) được đạo Lão tôn là Thủy Quan Đại Đế 水官大帝.

Nhân vật Chu Võ Vương 周武王 hiền tỷ nhắc tới tên là Cơ Phát 姬發 (1110-1043 trước Công Nguyên [TCN]), ra đời sau vua Hạ Vũ cả ngàn năm.

Lưu ý: Theo âm Hán-Việt, tên hai vị đều đọc là *Võ (Vũ)* nên khó phân biệt, nhưng chữ Nho thì viết khác nhau: 禹 và 武.

(2) Hiền tỷ đoán đúng rồi, *"dưng dép ba lần"* chính là tích Trương Lương. Chữ Nho gọi tích "Trương Lương dưng (dâng) dép" là *Trương Lương tiến lý* 張良進履. Mà *dép* (hay *hài*) này là của ngài Hoàng Thạch Công cố ý đánh rơi, nên tiếng Anh gọi tích này là *"Zhang Liang returning a shoe to Huang Shigong"* (Trương Lương trả lại cho Hoàng Thạch Công một chiếc dép).

Trương Lương 張良 tự Tử Phòng 子房 (?-188 TCN) là quý tộc nước Hàn. Sau khi Hàn bị Tần Thủy Hoàng tiêu diệt (230 TCN), Trương Lương mượn tay dũng sĩ ám sát vua Tần. Việc thất bại, Trương trốn sang thành Hạ Bì 下邳 (nay thuộc tỉnh

Trương Lương dâng dép trên cầu Di

Giang Tô 江蘇). Một hôm Trương ra sông Nghi 沂, ngồi chơi trên cầu Di 圮, thì gặp ông lão (là ông tiên Hoàng Thạch Công 黃石公) đi qua. Ông lão ba lần cố ý làm rớt dép, hách dịch sai Trương xuống dưới cầu nhặt lên, xỏ giúp vào chân. Cả ba lần Trương đều nhẫn nhịn người già cả, làm y theo lời sai khiến. Ông lão dặn năm ngày nữa gặp lại sẽ tặng Trương vật báu. Trương y hẹn trở lại thì ông lão đã tới sớm hơn. Ông làm mặt giận, quở trách và hẹn thêm năm ngày nữa. Lần thứ hai dù đã ráng tới thật sớm mà Trương vẫn trễ hơn, ông lão hẹn thêm năm ngày nữa. Lần thứ ba nhờ thức suốt đêm ở chỗ hẹn để khỏi tới trễ nên Trương vượt qua được bài thi (cốt thử thách lòng nhẫn nại, đức khiêm tốn), được tiên ông trao cho *Thái Công Binh Pháp* 太公兵法 của Khương Tử Nha. Nhờ đó Trương rèn luyện thành tài, làm quân sư trợ giúp Lưu Bang diệt Tần và thắng Sở Bá Vương Hạng Vũ trong chiến tranh Hán Sở. Thù nhà nợ nước trả xong, từ khước chức quan do Lưu Bang phong thưởng, Trương đi tu Tiên, học đạo với ngài Hoàng Thạch Công. Do đó, đàn cơ tại Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 27-02-1959, Đức Phục Ma Đại Đế (Quan Thánh Đế Quân) dạy: *". . . danh lợi như Trương Lương mà còn buông phế việc đời cầu truyền chánh pháp, an vui ngày tháng với cảnh trí đất trời."*

(3) Theo *Baidu*, tức là *Bách Độ Bách Khoa* 百度百科, thì *lương tể* 良宰 có nghĩa: *Hữu năng lực đạo đức cao đích quan viên*. 有能力道德高的官員. (Vị quan có tài năng, rất đạo đức.) Theo giải thích này, có thể dịch *lương tể* sang tiếng Anh là *"a mandarin of high talent and virtue".*

(4) Câu thánh ngôn *"Chưa thấy ai phục thiện hạ sĩ bất văn bái thần đồng"* rõ ràng là (a) thiếu dấu chấm câu, (b) viết sai chữ, và (c) đặt chữ sai thứ tự nên chúng ta không hiểu được lời Đức Mẹ dạy. Lỗi này ắt hẳn do người sao chép thánh giáo nhầm lẫn mà ra, khiến cho sách in sai. Ta nên hiểu như sau:

(a) *Phục thiện* 服善 là nghe theo điều lành, điều phải (*following what is right*). Câu thánh giáo dẫn trên lẽ ra phải phẩy (thêm dấu phết) ngay sau hai chữ *phục thiện*, vì tới đó là đã nói xong một ý nhỏ trong câu.

(b1) Chữ *sĩ* (dấu ngã) phải sửa là *sỉ* (dấu hỏi), có nghĩa mắc cỡ, xấu hổ, thẹn (*ashamed*). Chữ Nho viết *sỉ* là 恥, gồm chữ *tâm* 心 (*mind, heart*) bên phải, và *chữ nhĩ* 耳 (cái tai / *ear*) bên trái; ngụ ý rằng khi thẹn quá, lắm người đỏ cả hai

bên tai. Tiếng Anh cũng nói giống như vậy: *blushing to ears*.

(b2) Chữ *văn* lẽ ra phải viết là *vấn* 問 (hỏi han / *asking, making a question*).

(c) Bốn chữ *hạ sĩ bất văn* vì thế phải sửa lỗi chánh tả (như nói ở b1, b2) và đảo thứ tự thành *bất sỉ hạ vấn* 不恥下問, nghĩa là không thấy mắc cỡ mà hỏi kẻ dưới (kẻ nhỏ tuổi hơn mình, thân phận kém hơn mình...): *Feeling unashamed to ask an inferior*. Cũng nên thêm dấu phẩy sau bốn chữ *bất sỉ hạ vấn*, vì tới đó đã nói xong một ý nhỏ thứ hai trong câu.

(d) *Bái thần đồng* 拜神童 là vái chào, bái phục trẻ nhỏ quá giỏi (*paying respect to a child prodigy*). Thần đồng ở đây là Hạng Thác 項橐 (bảy tuổi). Theo sách xưa truyền lại, Đức Khổng Tử dọc đường gặp Hạng Thác đối đáp quá xuất sắc nên chắp tay xá, kính trọng như là thầy mình.

Trong kinh *Đại Thừa Chơn Giáo*, đàn ngày 11-8 Bính Tý (1936), bài *Luyện Kỷ Tu Thân*, Đức Cao Đài Giáo Chủ nhắc lại sự tích này như sau:

"Các con nên hiểu rằng lúc KHỔNG TỬ dạy về Nhơn Đạo thời chưa thông Thiên Đạo, còn dùng tửu nhục. Đến ngộ Đạo cùng HẠNG THÁC thì trì trai thủ giới, nên mới có câu: Thiên sanh Khổng Tử chơn kỳ trí. Tánh mạng công phu thỉ bất minh. Vãng Trần lộ ngộ Hạng Thác vi sư. Lão tác đồ ti thiếu vi tôn." (bản in 36-2 của Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo, Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2016, tr. 133)

Câu chữ Nho mà Thầy dạy viết như sau: 天生孔子眞奇智. 性命功夫始不明. 往陳路遇項橐爲師. 老作徒卑少爲尊.

Nghĩa là: Trời sanh Khổng Tử có trí tuệ thực sự phi phàm. Thuở đầu Ngài chưa hiểu rõ về công phu tu tánh luyện mạng. Trên đường qua nước Trần, Ngài gặp Hạng Thác và bái làm thầy. Người lớn tuổi xem đứa trẻ thấp hèn là tôn quý.

Hạng Thác là thần đồng bảy tuổi, hỏi nhiều câu khiến Đức Khổng Tử (Trọng Ni) không trả lời được. Sách *Tam Tự Kinh* 三字經 có câu: *"Tích Trọng Ni sư Hạng Thác."* 昔仲尼, 師項橐. (Ngày xưa Trọng Ni [tức Khổng Tử] xem Hạng Thác là thầy.)

Khổng Tử bất sỉ hạ vấn, bái thần đồng.

(e) Tóm lại, câu thánh giáo in sai trong sách đã dẫn, nên sửa như sau: *Chưa thấy ai phục thiện, bất sỉ hạ vấn, bái thần đồng, vì thế chưa gặp Thánh Nhơn xuất thế độ đời*.

Chúc hiền tỷ luôn thân tâm thường lạc, đạo học tăng huy.

*

Hiền muội **Châu Thị Kim Tươi** (Quầy Kinh Sách Cao Đài, Tam Kỳ, Quảng Nam). Tin nhắn ngày 03-11-2019:

Kính thưa đạo huynh. Tuần vừa rồi quầy kinh sách Cao Đài tại Quảng Nam có nhận được 1.000.000 (một triệu) đồng của đạo hữu Nguyễn Thanh Vũ, công ty TNHH MTV Cao Su Bình Thuận công quả cho quầy. Tuy nhiên, hiện tại quầy chưa có nhu cầu dùng số tiền lớn này, nên huynh Tạo nhờ muội chuyển công quả của đạo hữu Thanh Vũ về Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo. Muội kính báo để đạo huynh được biết ạ. Kính chúc đạo huynh sức khỏe.

Ban Ấn Tống: Hiền muội Kim Tươi quý mến, Ban Ấn Tống cảm ơn tấm lòng quý hóa của hiền hữu Trần Thanh Tạo và Châu hiền muội. Chúng tôi đã ghi nhận công quả của ân nhân Nguyễn Thanh Vũ vào đợt 153, tháng 11-2019. Cầu nguyện Thầy Mẹ, Đức Lý Giáo Tông, Đức Trần Tổng Lý, và Liệt Thánh Tông Đồ hộ trì cho tất cả thành viên phụ trách Quầy Kinh Sách của Ban Đại Diện Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài tại tỉnh Quảng Nam. Cũng cầu mong sao các tỉnh thành khác cũng có được quầy kinh sách như ở Tam Kỳ vậy.

*

Hiền huynh **Nguyễn Văn Bé** (khu phố 1, thị trấn Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh). Điện thoại ngày 19-11-2019:

Tôi thường xuyên nhận được các sách biếu của Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo, đã chia sẻ với đồng đạo ở Tây Ninh, mọi người rất thích vì bổ ích. Tuy nhiên, có một số bạn đạo thắc mắc rằng trước đây gọi là ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN, nay gọi tắt là ĐẠO UYỂN, vậy thì ý nghĩa của Văn Uyển và Đạo Uyển là gì? Các bạn đạo nhờ tôi thay mặt hỏi giùm. Xin cảm ơn Ban Ấn Tống.

Ban Ấn Tống: Hiền huynh kính mến. Xin cảm ơn hiền huynh lâu nay đã khó nhọc giúp phổ biến kinh sách của Chương Trình Chung Tay Ấn Tống tới tay quý đồng đạo ở Tây Ninh. Hiển nhiên hiền huynh đã góp phần vào công quả pháp thí rồi vậy. Về câu hỏi của quý đạo hữu, xin thưa như sau:

UYỂN 苑 là khu vườn. *Ngự uyển* 御苑 (hay *thượng uyển* 上苑) là vườn trong cung vua. Kinh Phật có nói tới *Lộc Uyển* 鹿苑 (vườn nai: *Sarnath*), là nơi Đức Phật giảng đạo trước tiên sau khi đắc đạo được năm tuần.

Vậy thì *Văn Uyển* 文苑 là vườn văn, nơi "gieo trồng" các sáng tác thơ văn. *Đại Đạo Văn Uyển* là vườn văn của Đại Đạo, là nơi thơ văn đạo lý không phân biệt tôn giáo, tín ngưỡng được gieo trồng, tỉa tót để mang hương thơm chánh pháp, vị ngọt đạo đức cống hiến cho mọi người thưởng thức.

Đạo Uyển là cách nói tắt *Đại Đạo Văn Uyển,* cũng có nghĩa là mảnh vườn nhà Đạo, nơi các bạn đạo chung tay góp phần xây dựng và phổ truyền văn hóa đạo đức, nương theo lời dạy của Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh:

Văn hóa là sản phẩm tinh thần của xã hội dân tộc. Văn hóa có ảnh hưởng một phần rất to tát trong xã hội nhơn loại. Nó tế nhị mà bao la, trầm lặng mà mạnh mẽ, có thể đưa dân tộc từ chỗ đồi trụy trở về cuộc sống thanh cao. Bản chất của văn hóa là đạo đức. Hình thức của nó là ngôn từ, chương cú, giáo dục. (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, Thứ Năm 21-8-1975)

*

@ Lễ Sanh **Dinh Du Nguyen** (tambinh1951@------). Điện thư ngày 24-11-2019.

Tôi, Lễ Sanh Du Nguyen, được xem thấy trên mục GIÓ BỐN PHƯƠNG của ĐẠO UYỂN ĐÔNG 2019 có đăng bài trả lời Du Nguyen về lời gởi gắm mong nhờ của tôi là: "Xin Ban Biên Tập Đạo Uyển dịch các bài Kinh Cúng Tứ Thời và các bài Kinh Cầu An, Kinh Cầu Phước Thiện, Kinh Mai, Kinh Hôm... mà Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài đang lưu hành để con cái tôi bên Hoa Kỳ đọc tụng, nhằm làm cho bạn bè chúng nó hiểu thông được sâu sắc các áo nghĩa trong mỗi bài kinh, mà kinh thường tụng có nhiều từ khó biết."

Tuy chưa được đáp ứng ngay, nhưng với tinh thần hoan hỷ tiếp nhận, chư đạo huynh, đạo tỷ trong Ban Biên Tập đã kịp thời hồi âm; lòng tôi cảm thấy rất hoan hỷ, đầy tin tưởng tinh thần phụng sự của chư liệt vị.

Một lần nữa tôi thành tâm gởi đến chư vị lời cảm ơn và xin chung lòng cầu nguyện Thầy Mẹ, các Đấng, và Liệt Thánh Tông Đồ Trung Bảo ban phước đến chư huynh tỷ và bửu quyến, và cho Chương Trình Chung Tay ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo ngày càng vươn rộng, vươn xa, đáp ứng được lòng mong đợi của toàn thể tín chúng. Kính thư.

Ban Ấn Tống: Hiền huynh Lễ Sanh kính mến. Chúng đệ muội cảm ơn hiền huynh luôn quan tâm tìm đọc các kinh sách do Chương Trình Chung Tay Ấn Tống liên kết xuất bản và phổ biến. Lòng yêu mến sách, ham thích đọc sách của hiền huynh quả thật là một niềm an ủi và khích lệ cho Ban Ấn Tống thêm bền bỉ với gánh gồng chữ nghĩa đã chọn bấy lâu.

Trả lời thư bạn đọc gần xa là bổn phận và lòng cảm kích của chúng đệ muội, vì lẽ bạn đọc đã không ngại tốn công và thời gian viết thư gởi Ban Ấn Tống, thể hiện lòng thương mến và tin cậy của bạn đọc qua từng dòng chữ. Cho nên chúng đệ muội luôn trân trọng và phải kịp thời hồi âm.

Xin hiền huynh tiếp sức, giới thiệu, phổ biến kinh sách ấn tống trong đạo chúng, để cùng nhau phổ thông giáo lý Kỳ Ba.

Cầu nguyện Thầy Mẹ, Liệt Thánh Tông Đồ ban ơn lành phước huệ đến hiền huynh và bửu quyến.

*

@ Hiền huynh **Sử Kiến Nguyên** (tín hữu Cao Đài Tây Ninh). Điện thư ngày 27-11-2019:

Chào Đạo Uyển. Không biết là tôi có thể gửi bài viết cộng tác không?

Ban Ấn Tống: Kính thưa hiền huynh, hiền huynh cứ gởi bài. Đường lối của Đạo Uyển là:

(a) Mở rộng tới mọi người. Không phân biệt Cao Đài này hay Cao Đài khác; không vì Cao Đài này mà xem các Cao Đài khác là "phái", là "bàng môn tả đạo" [sic]. Không xới lên chuyện "chi phái" của dĩ vãng để đồng đạo cứ mãi kỳ thị lẫn nhau. Không đề cao cá nhân ai.

(b) Bản thảo có trích thánh ngôn, thánh giáo, v.v... xin ghi rõ xuất xứ, nguồn gốc trích dẫn cụ thể.

(c) Ban Ấn Tống xin được biên tập bản thảo và sẽ hoàn lại tác giả. Nếu tác giả xác nhận ĐỒNG Ý thì mới đưa vào bản thảo cả tập Đạo Uyển và sau đó sẽ xin giấy phép xuất bản

theo quy chế hiện hành. Sách in từng quý (tam cá nguyệt) nên tác giả sẽ thấy bài mình in sách chậm.

(d) Khi xuất bản chánh thức, còn phải tôn trọng ý kiến của nhà xuất bản. Nếu nhà xuất bản có đề nghị gì, Ban Ấn Tống sẽ liên lạc ngay với tác giả để được sự đồng thuận.

Nói chung, làm sách thì cực lắm, rất nhiêu khê, thưa hiền huynh. Cảm ơn hiền huynh quan tâm và có nhã ý cộng tác. Kính chúc hiển huynh an lạc.

*

Hiền hữu **Phạm Trung Quốc** (Long An). Tin nhắn ngày 28-11-2019:

Trong một thánh giáo có câu: "Các con phải cố gắng thúc liễm thân tâm và siêng năng hành chánh pháp." Vậy, hai chữ thúc liễm nghĩa là gì? Cảm ơn Ban Ấn Tống.

Huệ Khải: Thưa hiền hữu, THÚC 束 là buộc lại (*binding*), nghĩa rộng là không cho buông thả. LIỄM 斂 là kềm chế (*restraining, controlling oneself*). Có thể xem hai động từ này đồng nghĩa. THÚC LIỄM THÂN TÂM (*restraining one's body and mind*) là giữ gìn cho thân và tâm không buông thả, phóng túng theo những ham muốn trần tục, trái với nếp sống đạo đức của người tu hành, nhất là tu tịnh. Thí dụ, nghiêm cẩn giữ gìn giới luật là thúc liễm cái thân, không cho nó gây tạo nghiệp thân (không có hành vi sái quấy); không nghĩ ngợi viển vông, không tư tưởng bất chánh là thúc liễm cái tâm cái ý, không cho nó tạo gây nghiệp ý. Hành giả trong lúc công phu ráng kềm chế tâm viên ý mã cũng là thúc liễm cái tâm. ■

KINH SÁCH MỚI IN

"... mỗi ngày phải chừa một giờ để đọc thánh kinh hiền truyện." Đức GIÁO TÔNG VÔ VI ĐẠI ĐẠO
Vạn Quốc Tự, Sài Gòn, 15-11 Ất Tỵ (07-12-1965)

Sách ấn tống quý Một & Hai năm 2020 liên kết Nxb Hồng Đức:

129-1. VIẾT TRƯỚC HIÊN NHÀ. Nguyễn Quốc Huân (thơ), 2020, in 1.200 quyển, do công quả **13 triệu đồng** VNĐ của quý ân nhân phương danh như sau:

1. ĐH NGUYỄN BẢO DUY. Long Vân Đàn, Chiếu Minh, Mỹ Tho. Gởi đợt 90. 10,000,000
2. ĐT HỒ THỊ Ý. TT Trung Hiền, Tân Bình (HT Truyền Giáo CĐ). Gởi đợt 153. 2,000,000
3. Họ đạo KHÁNH VÂN. Quảng Nam (HT Truyền Giáo CĐ). Gởi đợt 153. 500,000
4. Phòng sách THANH CHÂU. BR - Vũng Tàu (HT Truyền Giáo CĐ). Gởi đợt 155. 500,000

130-1959. TÌM HIỂU THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG NĂM KỶ HỢI (1959). Huệ Khải chú thích, Lê Anh Minh hiệu đính, 2020, in 1.200 quyển, do công quả **16 triệu đồng** của quý ân nhân phương danh như sau:

1. Gia đình cố ĐH NGÔ VĂN HAI. TTi Ngọc Điện Huỳnh Hà (HTCĐ Tiên Thiên). 10,000,000
   Gởi đợt 152. Hồi hướng giác linh Giáo Hữu NGỌC HAI THANH (1938-2019).
2. ĐT NGUYỄN THỊ LANG. TT Trung Thành (HT Truyền Giáo CĐ). Gởi đợt 145. Hồi 5,000,000
   hướng giác linh song thân: Lễ Sanh hàm phong NGUYỄN TẤN TRÌNH (1921-2003)
   và Thính Thiện NGUYỄN THỊ MÙI (1927-1996) đều thuộc họ đạo Trung Thành.
3. Quỹ THANH MINH CHƠN ĐẠO. (Minh Đức Nho Giáo Đại Đạo, Trà Vinh). 1,000,000
   Gởi đợt 153.

ĐẠO UYỂN HẠ 2020 (**tập 34**), in 1.200 quyển, do công quả **14 triệu đồng** của quý ân nhân phương danh như sau:

Phần A (5 triệu đồng), do 10 vị ân nhân, mỗi vị công quả 500.000 đồng.

1. ĐT ĐOÀN THỊ MINH TÂM. TT Liên Hòa (HT TrG CĐ), Sơn Trà, Đà Nẵng. Gởi đợt 156.
2. ĐT HÀ THỊ HỘI TIÊN. Tịnh thất Thanh Châu (HT TrG CĐ), BR-VT. Hồi hướng giác linh thân mẫu (ĐT Nguyễn Thị Hoàng). Gởi đợt 154.
3. Giác linh ĐT HUỲNH THỊ LỜI. 84 tuổi, TT An Thạnh (HTCĐ BCĐ), Bến Lức. Gởi đợt 153.
4. ĐH HUỲNH VĂN MẬT. 82 tuổi, TT Khổ Hiền Trang (HTCĐ TN), Tiền Giang. Gởi đợt 155.
5. ĐT LÊ THỊ SÁU. 71 tuổi, TT Khổ Hiền Trang, (HTCĐ TN), Tiền Giang. Gởi đợt 155.
6. ĐT LÊ THỊ VÂN. 69 tuổi, đường Lê Niệm, Tân Phú. Gởi đợt 155.

7. ĐH NGUYỄN THANH AN. TT Phú Sơn (HTCĐ BCĐ), Lâm Đồng. ĐT Nguyễn Thị Bảo Chi chuyển khoản qua ACB ngày 09-9. Gởi đợt 151.
8. Giác linh bé NGUYỄN THIỆN DU. TT An Thạnh (HTCĐ BCĐ), Bến Lức. Gởi đợt 152.
9. ĐT THẠCH THU OANH. Lạc Long Quân, Tân Bình. Gởi đợt 156.
10. Giác linh Giáo Hữu THƯỢNG KHÔI THANH (1937-2020). TT Từ Vân (HT TrG CĐ), Phú Nhuận. Gởi đợt 156.

Phần B (9 triệu đồng), do 9 vị ân nhân, mỗi vị công quả 1 triệu đồng.

1. Gia đình ĐT BÙI THỊ CẢNH. TTi Ngọc Điện Huỳnh Hà (HTCĐ Tiên Thiên). Hồi hướng cửu huyền thất tổ. Gởi đợt 154.
2. ĐT LÊ THỊ KIỀU OANH. TT An Thạnh (HTCĐ Ban Chỉnh Đạo). Hồi hướng giác linh ông bà ngoại (ĐH Nguyễn Văn Thân, ĐT Huỳnh Thị Lời). Gởi đợt 153.
3. ĐT MINH LIÊN (Trương Kim Liên). Đàn Toàn Chơn (Chiếu Minh). Chu Văn An, Chợ Lớn. Gởi đợt 154.
4. ĐT NGUYỄN THANH HẰNG. TTi Ngọc Điện Huỳnh Hà (HTCĐ Tên Thiên). Hồi hướng cửu huyền thất tổ. Gởi đợt 154.
5. ĐH NGUYỄN THANH VŨ, Công Ty TNHH MTV Cao Su Bình Thuận. Gởi đợt 153.
6. Giác linh ĐH NGUYỄN VĂN THÂN. TT An Thạnh (HTCĐ Ban Chỉnh Đạo), Bến Lức. Gởi đợt 153.
7. TT TRUNG DƯƠNG (HT Truyền Giáo CĐ). 200 Hùng Vương, Lạc Thiện, D'ran, Đơn Dương, Lâm Đồng. Gởi đợt 157.
8. ĐT TRƯƠNG KIM HỒNG. Thuận Kiều, Q5. Hồi hướng giác linh thân mẫu (ĐT Trương Thị Sen). Gởi đợt 154.
9. ĐH TRƯƠNG MINH ĐẠT. Tham Tướng Sanh, Hà Tiên. Gởi đợt 156.

PHƯƠNG DANH QUÝ ÂN NHÂN CÔNG QUẢ ẤN TỐNG

Đợt Một Trăm Năm Mươi Ba: Từ ngày 01-11-2019 đến ngày 30-11-2019

Môn sanh, đạo tâm:

01 ĐH NGUYỄN THANH VŨ, Công Ty TNHH MTV Cao Su Bình Thuận. Gởi 16-11. 1,000,000
02 ĐTr THIỆN NGỘ (thế danh Lê Văn Thượng), Vĩnh Nguyên Tự, xã Long An, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Hồi hướng giác linh hiền muội NGUYỄN THỊ CÚC (1931-2016). Gởi 02-11. 10,000,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI BAN CHỈNH ĐẠO

03 Giác linh hiền tỷ HUỲNH THỊ LỜI (84 tuổi, TT An Thạnh). Bến Lức. Gởi 10-11. 500,000
04 ĐT LÊ THỊ KIỀU OANH. TT An Thạnh. Hồi hướng giác linh ông bà ngoại (ĐH Nguyễn Văn Thân, ĐT Huỳnh Thị Lời). Gởi 24-11. 1,000,000
05 Giác linh bé NGUYỄN THIỆN DU: TT An Thạnh, Bến Lức. Gởi 24-11. 500,000
06 Giác linh ĐH NGUYỄN VĂN THÂN (TT An Thạnh). Bến Lức. Gởi 10-11. 1,000,000
07 Bác sĩ PHAN MINH CHIÊU: TT An Thạnh, Bến Lức, Long An. Gởi 20-11. 5,000,000

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

08 ĐT HỒ THỊ Ý. TT Trung Hiền, HT Truyền Giáo Cao Đài. Gởi 25-11. 2,000,000
09 Họ đạo KHÁNH VÂN. Tiên Kỳ, Tiên Phước, Quảng Nam. Gởi 21-11. 500,000
10 ĐH Phó Trị Sự PHÙNG MAI ĐÌNH, TT Trung Tín. Gởi 09-11. 200,000

MINH ĐỨC NHO GIÁO ĐẠI ĐẠO (TRÀ VINH)

11 ĐTr Chơn Huệ Tâm (Hội Trưởng). Gởi 01-11. 2,000,000
12 Quỹ Thanh Minh Chơn Đạo. Gởi 01-11. 1,000,000

Tổng cộng: **24,700,000 VNĐ**

Đợt Một Trăm Năm Mươi Bốn: Từ ngày 01-12-2019 đến ngày 31-12-2019

Môn sanh, đạo tâm:

01 Hai cháu LÊ THANH TÂM và HUỲNH TẤN PHÚC. Thánh Tòa Vô Vi Huỳnh Quang Sắc. Gởi 09-12. 200,000
02 ĐT MINH LIÊN (Trương Kim Liên). Đàn Toàn Chơn (Chiếu Minh). Chu Văn An, Chợ Lớn. Gởi 20-12. 1,000,000
03 ĐT TRƯƠNG KIM HỒNG (Thuận Kiều, Q5). Hồi hướng giác linh thân mẫu Trương Thị Sen. Gởi 20-12. 1,000,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TIÊN THIÊN

04 Gia đình ĐT BÙI THỊ CẢNH. TTi Ngọc Điện Huỳnh Hà. Hồi hướng cửu huyền thất tổ. Gởi 08-12. 1,000,000
05 ĐT NGUYỄN THANH HẰNG. TTi Ngọc Điện Huỳnh Hà. Hồi hướng cửu huyền thất tổ. Gởi 08-12. 1,000,000

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

06 ĐT HÀ THỊ HỘI TIÊN. Tịnh thất Thanh Châu, BR-VT. Hồi hướng gíac linh thân mẫu (ĐT Nguyễn Thị Hoàng). Gởi 04-12. 500,000

Tổng cộng: **4,700,000 VNĐ**

Đợt Một Trăm Năm Mươi Lăm: Từ ngày 01-01-2020 đến ngày 31-01-2020

Môn sanh, đạo tâm:

01 ĐT TRẦN NGỌC NỮ (đàn Minh Khai, Chiếu Minh, Mỹ). Gởi 100 USD ngày 10-01. 2,310,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH

02 ĐH HỒ THANH TÙNG. Bàu Đồn, Gò Dầu, Tây Ninh. Gởi 07-01. 200,000
03 ĐH HUỲNH VĂN MẬT (82 tuổi). TT Khổ Hiền Trang, Tiền Giang. Gởi 21-01. 500,000
04 ĐT LÊ THỊ SÁU (71 tuổi). TT Khổ Hiền Trang, Tiền Giang. Gởi 21-01. 500,000

05	ĐT LÊ THỊ VÂN (69 tuổi). Đường Lê Niệm, Tân Phú, TpHCM. Gởi 21-01.	500,000
06	ĐT TRẦN THỊ BÉ EM. P 4, TP Tây Ninh. Gởi 07-01.	100,000
07	ĐT TRƯƠNG TRẦN THỊ DỄ. Long Vĩnh, Châu Thành, Tây Ninh. Gởi 07-01.	100,000
08	ĐT VÕ THỊ TIẾN. P 4, Tp Tây Ninh. Gởi 07-01.	100,000

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

09	PHÒNG SÁCH THANH CHÂU. Bà Rịa – Vũng Tàu. Gởi 01-01.	500,000

Tổng cộng: **4,810,000 VNĐ**

Đợt Một Trăm Năm Mươi Sáu: Từ ngày 01-02-2020 đến ngày 29-02-2020

Môn sanh, đạo tâm:

ĐT THẠCH THU OANH. Lạc Long Quân, Tân Bình. Gởi 24-02.	500,000
ĐH TRƯƠNG MINH ĐẠT. Tham Tướng Sanh. Hà Tiên. Gởi 28-02.	1,000,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI BAN CHỈNH ĐẠO

ĐT LÊ THỊ MINH NGUYỆT. TT Đô Thành. Gởi 02-02.	500,000
ĐT LÊ THỊ THANH LOAN. TT Đô Thành. Gởi 02-02.	200,000
ĐT MAI THỊ HUYỀN. TT Nhựt Chánh. Bến Lức. Long An. Gởi 07-02.	500,000
Thánh thất NHỰT CHÁNH. Bến Lức. Long An. Gởi 07-02.	500,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI MINH CHƠN ĐẠO (CÀ MAU)

ĐT TỪ THỊ NHUNG. TT Thành Tâm Đàn. Gởi 12-02.	200,000
ĐT NGUYỄN HỒNG TỪ PHƯỚC. TT Thành Tâm Đàn. Kinh Xáng, Phụng Hiệp, Khóm 1, P Tân Thành, Cà Mau. Hồi hướng giác linh cha mẹ (ĐH Nguyễn Văn Mới và ĐT Võ Thị Quán), giác linh LS Thái Bang Thanh (Nguyễn An Bang). Gởi 12-02.	800,000

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

ĐT ĐOÀN THỊ MINH TÂM. TT Liên Hòa, Sơn Trà, Đà Nẵng. Gởi 20-02.	500,000
PHÒNG SÁCH THANH CHÂU. Bà Rịa - Vũng Tàu. Gởi 22-02.	500,000
Giác linh Giáo Hữu THƯỢNG KHÔI THANH (1937-2020). TT Từ Vân, Phú Nhuận. Gởi 20-02.	500,000

Tổng cộng: **5,700,000 VNĐ**

Ban Ấn Tống kỉnh thành biết ơn tất cả quý đạo hữu ân nhân đã tin cậy trợ duyên để Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo có điều kiện tiếp tục hành đạo bền bỉ.

ĐÍNH CHÍNH

CÓ NHỮNG MÙA SAO, tr. 52, cước chú (3) đã in 生有志更成. Xin xóa chữ 生 in thừa.

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 – Fax: 024.39260031

ĐẠO UYỂN HẠ 2020
HUỆ KHẢI *chủ biên*

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc: BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập: LÝ BÁ TOÀN
Biên tập: PHAN THỊ NGỌC MINH

Sửa bản in: DIỆU NGUYÊN, LÊ ANH MINH
Vẽ bìa & Trình bày: THIỆN TÂM LNL (CQPTGLĐĐ)

In 1.200 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm tại Xí Nghiệp In FAHASA
774 Trường Chinh, phường15, quận Tân Bình, TpHCM.
✆ 028.38153971 – Fax: 028.38153297.
Số XNĐKXB: 20-2020/CXBIPH/135-1/HĐ
Số QĐXB của NXB: 152/QĐ-NXBHĐ, cấp ngày 12-3-2020.
In xong và nộp lưu chiểu năm 2020.
Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-955-943-3

Thư từ, bài viết, thỉnh sách, xin gởi về: daidaovanuyen@gmail.com
Bản điện tử trên Internet, xem tại: daidaovanuyen.blogspot.com